



NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **Ý THỨC VỀ NGUỒN CỘI** (Sa môn Thích Thắng Hoan), trang 1
- **CẢM NIỆM VU LAN** (thơ Tâm Tấn), trang 1
- **BÓNG THỜI GIAN** (HT. Thích Tín Nghĩa), trang 2
- **VAI TRÒ CỦA HOÀNG GIA ĐỐI VỚI PHẬT GIÁO ÁN ĐỘ** (Thích Huệ Pháp), trang 3
- **QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC** (HT. T. Thắng Hoan), tr. 4
- **VĂN TRUY NIỆM CÓ TRƯỜNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH HẠNH ĐẠO**, trang 5
- **VU LAN BÁO HIẾU - GIỮ THÂN NHƯ “MẸ” GIỮ TÂM CHO “PHẬT”** (Thích Hạnh Tuấn), tr. 6
- **KHÁI NIỆM VỀ “THỂ DẠNG TRUNG GIAN” GIỮA CÁI CHẾT VÀ SỰ SINH TRONG PHẬT GIÁO** (Hoang Phong), trang 8
- **GỬI VỀ MẸ** (thơ Nguyễn Thị Minh Thủy), trang 8
- **MỘT TRANG KINH TUYỆT MỸ,...** (thơ HT. Thích Tâm Vân), tr. 9
- **KÍNH TIÊN GIÁC LINH ÔN HẠNH ĐẠO** (thơ Bạch Xuân Phê), tr. 10
- **TRẦM HƯƠNG** (Thích Nữ Giới Định), trang 11
- **CẢNH GIỚI NÀO MẸ VẪN VÔ CÙNG** (thơ Võ Ý), trang 11
- **TÓC NGUYỆN** (Mỹ Huyền), tr. 12
- **THẢO THƠM RÂM THÁNG BẢY** (Phan Trang Hy), trang 12
- **PHẠM GIỚI** (Chiêu Hoàng), tr. 13
- **BÍ ẨN** (Vĩnh Hào), trang 13
- **CÒN MỖI NGÀY** (thơ Nguyễn Thị Khánh Minh), trang 13
- **THÂN GIÁO: CÓ THỂ LÀ MỘT GIẢI PHÁP CHO TẤT CẢ** (Tâm Thường Định), trang 14
- **TỜ GIẤY ĐỜI** (thơ Hàn Long Ẩn), trang 14
- **BÀI THƠ CON VIẾT TẶNG MẸ HIỀN** (thơ Dương Kiều Nhi), tr. 15
- **KHÓA TU DƯỠNG 3 DÀNH CHO TẶNG NI TẠI FREMONT** (Nguyễn Ngọc Thái Kế An), trang 15
- **HÌNH ẢNH TANG LỄ CÓ HT. THÍCH HẠNH ĐẠO**, trang 16
- **LỄ ĐẶT VIÊN ĐÁ XÂY DỰNG CHÙA PHÁP VŨ**, trang 17
- **TRUNG QUỐC TỬ BI VỚI NEPAL** (Cư sĩ Nguyễn Giác), trang 19
- **NHỮNG NGÔI MỘ SỐNG** (thơ Nghiêm Xuân Cường dịch), tr. 19
- **BÓN ẼN** (GDPTVN tại Hoa Kỳ), trang 20
- **DẶNG MẸ** (thơ TN Giới Huệ), **MỘT NGÀY** (thơ Diêu Linh), tr. 20
- **MÀU ÁO PHONG SƯƠNG** (Cư sĩ Liên Hoa), trang 21
- **HUYỀN MỘNG ĐÔI LÀN** (thơ Phù Du), trang 21
- và nhiều bài khác...

Ý THỨC VỀ NGUỒN CỘI

Sa Môn Thích Thắng Hoan

Nói đến lễ Vu Lan là nói đến Hiếu hạnh; nói đến Hiếu hạnh, chúng ta nghĩ ngay đến ân nghĩa Cha Mẹ. Không người con nào trên đời mà không được sinh ra bởi cha mẹ. Bởi vậy, từ ngàn xưa đến nay, từ đông sang tây, bất luận ở nền văn hóa nào, quốc gia nào, dân tộc nào, con người đều thương yêu, tôn quý và báo ân cha mẹ. Thương yêu cha mẹ là tình cảm tự nhiên, còn sự tôn quý và báo ân thì cũng tùy theo hoàn cảnh và nền văn hóa mỗi nơi mà có sự ứng dụng đậm hay nhạt; có khi phải có sự kêu gọi, nhắc nhở. Nhưng tựu trung, con cái lúc nào cũng cần ý thức về nguồn cội của mình.

Cha mẹ chính là nguồn cội của con, của từng cá thể con người, và là nền tảng của gia đình. Gia đình là thành tố căn bản của xã hội. Những xã hội nhỏ là thành tố căn bản của quốc gia, và rộng hơn, là căn bản của nhân loại, của thế giới.

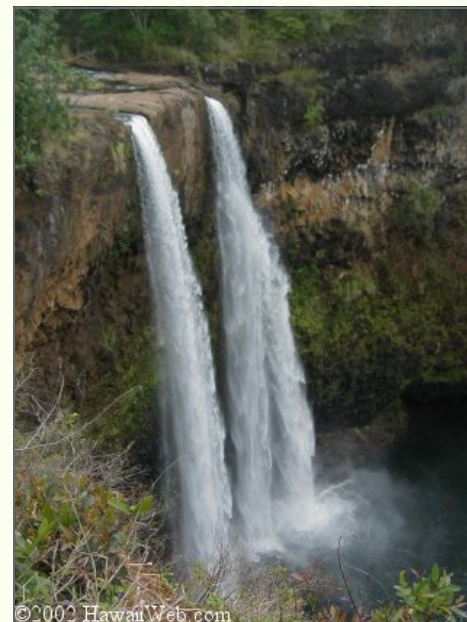
Như vậy, nhìn sâu vào căn bản này mà nói, Hiếu hạnh trên phương diện tình cảm là lòng thương yêu đối với cha mẹ, ông bà, tổ tiên, và trên bình diện xã hội thì chính là ý thức về nhân quả và tôn ty trật tự.

Người con Phật thực hành hiếu hạnh thì ngoài lòng thương yêu cha

mẹ như là tình cảm tự nhiên, còn phải có ý thức về nhân quả và tôn ty trật tự. Có nghĩa là phải biết nguồn gốc từ đâu mình được sinh dưỡng và trưởng thành. Những câu ca dao mộc mạc của dân tộc đã nhắc nhở về ý thức nhân quả này: “Uống nước nhớ nguồn,” hoặc “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,” v.v... Chữ “nhớ” trong các câu ấy bao hàm việc tri ân và báo đền ân đức, công lao của cha mẹ. Nói rộng ra, khi người con báo hiếu cha mẹ thì cũng đồng thời nhớ rằng nguồn cội của cha mẹ là ông bà, tổ tiên; và khi xã hội đón nhận một công dân tốt, một thành tố tốt góp phần hữu hiệu cho việc xây dựng và phát triển cộng đồng, thì xã hội cũng phải nhớ đến nguồn cội từ đâu mà công dân này được sinh dưỡng. Đây là tương quan nhân quả giữa cá nhân, gia đình và xã hội.

Tương quan này cho thấy, quốc gia loạn lạc, thế giới bất an một phần là do con người vong ân, không nhớ về nguồn cội, làm đảo lộn tôn ty, và không áp dụng nhân quả đúng mức.

Nhân mùa Vu Lan về, trong niềm hiếu cảm và nhớ ân cha mẹ, chúng tôi xin nguyện cầu tất cả những người con trên thế giới đều siêng năng thực hành hiếu hạnh trong cuộc sống hàng ngày, không những để chuyển hóa tự thân và



©2002 HawaiiWeb.com

gia đình, mà còn là đóng góp cho việc ổn định xã hội, điều chỉnh những rối loạn bất toàn của quốc gia và nhân loại.

Chúng tôi cũng không quên hướng về quê hương Việt Nam, nguyện cầu những người cầm quyền ý thức về nhân quả, thực thi tự do dân chủ để nhân dân được an vui no ấm, đoàn kết một lòng cùng nhau bảo vệ sự vẹn toàn của đất tổ do công lao dựng nước, giữ nước của tiền nhân để lại.

Một đất nước an vui, một thế giới hòa bình, đó là ước nguyện chung của tất cả chúng ta cúng dường Mùa Vu Lan năm nay.

(Thông Bạch Vu Lan PL. 2555 của Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTH Hoa Kỳ)



Mùa Báo Hiếu

Cảm Niệm Vu Lan thơ TÂM TẤN

(Trích kịch thơ “Giác Mộng Vu Lan”)

Không gian phủ ánh trắng Rằm thanh thoát,
Trầm Vu Lan vương ngát mây phương trời,
Đền sao một trong muôn ơn dưỡng dục,
Công sinh thành vô tận và vô cùng?

Nhìn được Cha là ánh sáng tung bùng,
Hưởng ấm áp của mặt trời chiếu mọc;
Nhìn được Mẹ là trăng vàng dịu ngọt
Hiền hòa pha cho trăm cảnh thêm xinh.

Nhưng bảy năm khói lửa với đao binh,
Cha Mẹ lạc chốn Bình-thành rét độc.
Chiều chiều núi nhá về hơi gió lốc,
Thân cha già mẹ yếu có run không?

Mây lớp sương qua... nặng ngà bao lần
Mắt mờ lệ nhìn chân trời mây hướng,
Thương con nhớ cháu hao mòn tâm tưởng,
Nỗi đau buồn thể xác yếu gãy đi

Lạy đấng Đại Từ, Đại Hạnh, Đại Bi!
Xin giảm thọ mười năm phần đệ-tử!
Thêm sức tăng cường nhiệm màu ấm phủ
Ánh Kim-quang cho dịu bớt lòng già.

BÓNG THỜI GIAN

HT. Thích Tín Nghĩa

Đang công tác Giám đốc khai thác gỗ và xưởng cưa Lục Hòa của Giáo Hội Phật Giáo Thống Nhất Thừa Thiên - Huế, tọa lạc trên một ngọn đồi đối diện với Điện Hòn Chén êm xuôi mát mái được sáu tháng; một buổi mai đẹp trời cùng với nhân viên trong xưởng cưa đang chuẩn bị phân phối gỗ cho các chủ nhân đặt hàng; tôi loay hoay đi kiểm soát máy và nhân viên đang xẻ gỗ. Vừa đến một cái máy dung để mài lưỡi cưa đang hoạt động, vô ý, vật áo nhật bình quần vào máy và vật ngã tôi xuống làm gãy lia cánh tay trái làm hai đoạn.

Bất tỉnh nhân sự, nhân viên chạy đến tắt máy và tháo gỡ tay tôi ra khỏi máy. Máu chảy lai láng thì may Thiếu tá Hoàng Phúc Hiệt (cũng là anh rể của tôi, hiện là HO sống tại Seattle, WA.), Quận trưởng quận Nam Hòa đi họp dưới tỉnh đường vừa về lại nhiệm sở. Xe chạy ngang qua xưởng cưa, nghe tiếng la ới ới, ông liền dừng xe lại, thấy vậy lật đật đưa tôi về gặp phòng cấp cứu bệnh viện Trung ương Huế để chữa trị. Có điều đáng nhớ, không biết động lực nào, khi anh Hiệt ẵm tôi ra xe, áo quần lấm máu, thế mà nhìn dưới đất có miếng thịt, anh liền nhặt và bỏ vội vào túi áo lính trận. Xuống tận bệnh viện, anh giao tôi cho bác sĩ và nhân viên trực xong, cũng không quên thò tay vào túi áo móc miếng thịt đưa cho Bác sĩ, cả phòng đều cười rần và cũng nhờ thế mà tay tôi khỏi bị khuyết. Bác sĩ Đãi chữa trị cho tôi. Thấy tay tôi gãy làm ba khúc, máu cứ chảy ra nhiều. Ông đề nghị cưa cho mau lành.

Cũng may lúc ấy, Sư phụ tôi là Đại lão Hòa thượng Thích Mật Hiển, Ôn Linh Quang, Đại lão Hòa thượng Thích Mật Nguyên, đương kim Chánh đại diện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Thừa Thiên - Huế, Ôn Từ Đàm, Đại lão Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Phó đại diện cùng một số lớn chư Tôn đức trong Giáo Hội đến tận phòng hồi sức của bệnh viện để thăm. Ôn Từ Đàm nghe bác sĩ đề nghị cưa tay tôi, Ôn bảo:

"Học rồi, làm bác sĩ mà chữa lành mới là khó. Còn đem cưa vứt đi cho mau lành, thì y tá hay tui làm cũng được."

Bác sĩ và nhân viên nghe Hòa thượng nói vậy, nên đình hoãn chuyện cưa vứt cánh tay của tôi. Nhờ vậy, mà tôi không bị mất cánh tay.

Có điều, tôi mãi canh cánh bên lòng là: Khi Sư phụ tôi, Ôn Bảo Quốc (Hòa thượng Chánh Đại Diện Thích Thanh Trí), Ôn Từ Đàm về với Phật, tôi không có phước báo được ở bên cạnh trong giây phút cuối cùng. Kể từ ngày bước chân xuống thuyền tìm đường vượt biên ở cửa Thuận An, Huế cho đến khi viết bài này để nhớ ân đức quý Ôn và nhất là Hòa thượng Hạnh Đạo thân thương đã một thời chung sống bên nhau ở chùa Từ Tâm, trong Trung tâm Y tế Toàn Khoa Đà Nẵng, thì tôi vẫn chưa được nhìn thấy quê hương.

Tôi ở đây được bốn hôm thì nhà

thương chuyển vào chữa trị tại Trung tâm Y tế Toàn khoa Đà Nẵng và bác sĩ Phùng Văn Hạnh trực tiếp lo liệu. Hiện bác sĩ Hạnh và gia đình vượt biên, định cư ở Montréal, Canada. Khi Bác sĩ qua thăm thân nhân ở Dallas, có ghé Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại thăm tôi và hàn huyên cũng lâu. Bác sĩ cũng có nhắc đến cánh tay của tôi và hỏi thăm mỗi khi trời lạnh hay thay đổi khí hậu có bị đau nhức nhiều không. Tôi cũng không quên cảm ơn bác sĩ lần cuối cùng, tôi phải mua hai thỏi bạch kim để đưa vào giữa hai ống xương. Mua không có, bác sĩ đã hoan hỷ nhường lại hai thỏi bạch kim với giá tương đối nhẹ nhàng. Hiện tại trong tay tôi vẫn còn hai thỏi bạch kim ấy. Mỗi lần đi ngang qua cổng kiểm soát vào trong máy bay, có lúc cũng trở ngại và nhân viên xem xét khá kỹ, nhưng không sao.

Cũng vì bị gãy tay bởi tai nạn nghề nghiệp, nên Giáo Hội Thừa Thiên đã đưa tôi vào chữa trị tại Trung tâm Y tế Toàn khoa Đà Nẵng. Và, từ đó tôi được biết Hòa thượng Thích Hạnh Đạo và được Thầy cho lưu trú tại chùa, chỉ trừ những lúc tái khám. Sau khi lành bệnh, tôi về Huế thăm và xin sư phụ tôi cho phép được cạo tóc và xin cho hướng dẫn các chú Diệubằng cách cho hai thời công phu và luật trường hang cho mẫu điều Phú, Địa, Mãn, ... (tức là bốn cuốn luật tiểu căn bản của hàng xuất gia); đồng thời cũng hướng dẫn học nghi lễ và tán tụng theo xứ Huế cho quý chú Thôn, Khá, Phát, v.v... (trong đó cũng có Tân Hòa thượng Thích Bốn Đạt, đương kim Chủ tịch Giáo Hội Phật Giáo Thống Nhất Hải Ngoại - Canada). Chính Thầy đã giới thiệu tôi qua dạy học trường Bồ Đề. Nhờ vậy mà tôi đã thân quen với các vị Hiệu trưởng Thích Minh Tuấn, Giám học Thích Minh Đàm cùng chư tôn túc Thích Viên Minh, Thích Tâm Hòa và Thích Đức Tịnh. Nay thì có vị còn, có vị đã khuất bóng. Tôi cũng được Thầy Hạnh Đạo đưa vào ban Giảng sư của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Thị xã Đà Nẵng. Tôi đã từng vào giảng trong Trung Tâm Cải Huân Đà Nẵng, ở ngay đường Đào Duy Từ vào các dịp lễ Phật Đản hay Vu Lan. Mỗi lần đi giảng ở các Khuôn giáo hội ở quận Ba, người tự tay lái xe đưa đón tôi là Trung tá Tôn Thất Tương, Quân trấn phó của Thị xã. Và, cũng nhờ Trung tá Tương, nên những lúc đi, về khỏi gặp khó khăn qua những vùng không mây sáng sủa, bởi những Địa phương quân hay Nghĩa quân thi hành công tác giữ gìn an ninh.

Mùa hè đỏ lửa 1972 (năm Nhâm Tý), hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên nằm trong lửa đạn, chính Hòa thượng Hạnh Đạo và tôi đã ra tận các vùng Hòa Khánh để ủy lạo và giúp đỡ đồng bào đi lánh nạn; không những thế, còn tìm phương tiện đưa họ đến những nơi tương đối an ninh và đầy đủ tiện nghi hơn. Đặc biệt là trường Bồ đề Chợ Mới và chung quanh phi trường Đà Nẵng.

Năm 1973, khi Hòa đàm Ba Lê có những quy ước trao đổi tù binh thì cũng chính Hòa thượng Hạnh Đạo và tôi ra tận bên này sông Thạch Hãn để tiếp đón anh em sĩ quan Quân lực Việt Nam Cộng Hòa được trao trả.

Thế rồi, tháng Tư năm 1975, tôi đang tại vị Trụ trì chùa Báo Ân thuộc Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I, thì phải trở về Tổ Đình Trúc Lâm, bên cạnh sư phụ một thời gian rồi vượt biên tìm tự do, vì chùa bị chiếm giữ. Hòa thượng Hạnh Đạo vào nam và bị đưa đi vào trại cải tạo gần bảy năm. Khi hay tin ngài qua Mỹ theo diện HO và cộng trú với đại chúng chùa Việt Nam (Los Angeles), tôi tức tốc bay qua thăm và hàn huyên sau một thời gian sau gần hơn 15 năm xa cách. Và cũng từ đó, tôi cùng Hòa thượng cùng chung lo Phật sự dưới nhiều góc độ khác nhau, khi thì Ngày Về Nguồn từ Trung tâm Phật giáo Pháp Vân, Canada, khi thì chung lo xây dựng niềm tin cho hàng con Phật cả hai giới xuất gia lẫn tại gia, bằng cách thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, sau khi bị Giáo chỉ số 9 loại bỏ hàng loạt các hàng Giáo phẩm cao cấp cùng những đơn vị Gia đình Phật tử trung kiên các cấp, cũng như kỷ niệm Ngày Về Nguồn lần thứ hai được trang trọng tổ chức tại chùa Báo Ân, Santa Ana.

Điều làm cho chính bản thân tôi rất cảm kích và thán phục, khi Ban Vận Động Thành Lập Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Tại Hoa Kỳ họp tại chùa Báo Ân vào ngày 21 tháng 01 năm 2008, đã ủy thác chúng tôi làm Trưởng ban tổ chức và họp tại Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại; chính Hòa thượng Hạnh Đạo trực tiếp gọi điện thoại qua và nói với tôi rằng:

"Hòa thượng Tín Nghĩa ơi! Buổi họp vừa rồi đề nghị thầy là trưởng ban và họp tại Từ Đàm, chính tôi cũng thích và muốn qua để biết cảnh chùa Từ Đàm luôn. Tuy nhiên, Thầy hay tôi và cả hàng con Phật có tâm đạo nhiệt thành đều lo cho Phật pháp, cho sự tồn vong của Giáo hội và làm niềm tin cho hàng Tăng Ni Phật tử. Theo tôi, thầy nên đưa buổi họp đặc biệt ấy về vùng quận Cam, nơi có đông người Việt và có hệ thống truyền thanh, truyền hình để đăng tải tin tức thì hay hơn."

Tôi thấy Thầy nói có lý, liền tán thành và thưa tiếp:

"Nhưng phải họp ở Phổ Đà và Hòa thượng đứng ra cáng đáng."

Hòa thượng bảo:

"Tui hoan hỷ, không trở ngại, miễn thầy tùy duyên."

Vừa gác điện thoại xuống thì Hòa thượng Nguyên Siêu và Hòa thượng Nguyên Trí cùng gọi qua và hai thầy cũng cùng một ý nguyện như Hòa thượng Hạnh Đạo vậy. Hai thầy vừa cười vừa nói:

"Chiều hôm qua, chúng tôi họp tại Phổ Đà, Hòa thượng Hạnh Đạo và chư Tôn đức đồng thanh muốn Hòa thượng đưa những ngày họp về chùa Phổ Đà, Hòa thượng Viện chủ hoan hỷ và cổ vũ nữa."

Tôi trả lời:

"Tôi vừa thuận duyên với Hòa thượng Hạnh Đạo rồi. Quý thầy yên tâm."

Cả ba đều cười xòa trong điện thoại.

Vì đại sự chung, tôi mua vé bay qua chùa Báo Ân và cùng họp tại Phổ Đà hai ngày, hai ngày cuối dời qua chùa Báo Quang của Hòa thượng Quảng Thanh. Từ đó, ba thầy Hạnh Đạo, Nguyên Trí và Quảng Thanh đều chịu chung một số phận nào là "tiềm nang," nào là "Cộng sản," v.v...; nhưng nặng nề nhất là chùa Báo Ân và Hòa thượng Nguyên Trí. Suốt một năm trời, cứ đến cuối tuần sinh hoạt của chùa hay khi có chư Tăng tề tựu về chung lo Phật sự, kể cả Đại lễ Cung nghinh Phật Ngọc cho Hòa bình Thế giới, thì năm ba người nam có nữ có, mang vài lá cờ Việt Nam Cộng Hòa và vài tấm biển đến trước chùa dùng danh từ khiếm nhã, rồi hoan hô, đá đảo, v.v...

Hòa thượng Hạnh Đạo là Trung tá Tuyên Úy Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, phải vào lao tù Cộng sản gần bảy năm, đi diện HO, đứng ra lập đàn cầu siêu độ cho tất cả Quân Nhân Cán Chính các cấp và đồng bào tử nạn trên đường vượt biên, vượt biển tìm tự do, thế nhưng, lớp người quá khích mang một vài lá cờ Quốc gia đứng bên lề đường của chùa đá đảo hàng loạt vào một số lớn cờ Quốc gia và cờ Phật giáo đang tung bay phấp phới để chiêu hồn tử sĩ ở trong khuôn viên chùa Phổ Đà và đàn tràng. Hòa thượng vẫn vui và cùng với cựu Trung tướng Quảng Uy Tôn Thất Đính chịu chung số phận là Cộng sản. Thật là oái oăm và tội nghiệp cho Hòa thượng.

Hòa thượng Thượng Thủ Thích Tâm Châu mới bước xuống xe, cũng nhận một câu:

"Đá đảo Cộng Sản."

Và cứ thế, hằng năm khi có nơi nào



Kỷ niệm Ngày Về Nguồn lần thứ hai
Ngày thành lập GHPGVNTN Hoa Kỳ, sau Giáo chỉ số 9





Trước ngày Đại hội Thường niên GHPGVNTN Hoa Kỳ, Hòa thượng Thích Tín Nghĩa về tận Phổ Đà để vấn an lão bệnh Hòa thượng Thích Hạnh Đạo, chụp hình lưu niệm đ. 18. 2011

Vai trò của Hoàng Gia đối với Phật giáo tại Ấn Độ

Thích Huệ Pháp

Ấn Độ thời kỳ của đức Phật, Phật giáo không được xem như là quốc giáo. Vì rằng, trước khi đức Phật ra đời, đã có hàng chục tôn giáo lớn đã hiện diện. Ngay cả thời kỳ vua Asoka, một vị vua Phật tử có tiếng, người đã kiến tạo rất nhiều chùa tháp, các cột bia đá đánh dấu và ghi lại những nơi mà đức Phật đã đến, người đã áp dụng Phật pháp để giải quyết công việc quốc gia, nhà vua cũng không tuyên bố Phật giáo là quốc giáo.

Vì là một đất nước có rất nhiều tôn giáo, chính vì thế, hoàng gia luôn phải cân nhắc khi bày tỏ ủng hộ hay không ủng hộ một tôn giáo nào. Tuy nhiên, không phải hầu hết những thời kỳ Phật giáo thịnh vượng đều có sự bảo trợ của hoàng gia. Hầu hết những tinh xá thời đức Phật đều do hàng trưởng giả hay những gia đình giàu có phát tâm hiến cúng. Việc ủng hộ chư Tăng trong đời sống hàng ngày phần lớn cũng do hàng Phật tử lo liệu. Nhưng với vai trò là người đứng đầu quốc gia, các vua chúa đã có những việc làm tuy không nói ra nhưng đều được Phật giáo ghi nhận.

Vua Tần-bà-sa-la là vị vua Phật tử đầu tiên của Phật giáo. Ông sanh sau đức Phật năm năm và băng hà trước đức Phật tám năm, ông hưởng thọ 67 tuổi. Phụ hoàng của vua Tần-bà-sa-la là bạn thân của phụ vương của thái tử Tất-đạt-đa. Vì thế, Tần-bà-sa-la và thái tử Tất-đạt-đa đã là bạn thân và chơi chung với nhau khi còn bé.

Tần-bà-sa-la lên ngôi năm mươi lăm tuổi. Vào năm ba mươi lăm tuổi, đức Phật lúc đó còn tu khổ hạnh, đi ngang qua thành của vua Tần-bà-sa-la, nhưng đức vua đã quên đi người bạn cũ, dù rằng, nhìn thoáng qua vua cũng có nhiều ấn tượng đối với tu sĩ khổ hạnh này. Tuy nhiên, sau khi chứng quả Bồ Đề, đức Phật lần nữa trở lại thành Rajagaha, đến thăm vua Tần-bà-sa-la. Tại đây, đức Phật đã thuyết pháp cho vua cùng đoàn tùy tùng. Ngày hôm sau, vua Tần-bà-sa-la đã mời đức Phật cùng chư Tăng thọ trai tại cung điện của mình và cũng trong dịp này, vua đã dâng cúng vườn Trúc cho Tăng chúng làm nơi trú ngụ. Và từ đó trở đi, vua Tần-bà-sa-la trở thành người Phật tử trung kiên và tận tụy đối với đức Phật và chúng Tăng.

Thỉnh thoảng, vua thỉnh ý đức Phật về một số điều luật mà ông thấy là cần thiết và cấp bách cho sự sinh hoạt của cộng đồng Tăng chúng. Một số điều luật trong Luật tạng là do ông thỉnh cầu đức Phật ban hành:

1. Những người đang làm công cho hoàng gia thì không được phép xuất gia.
2. Những người đang bị tội trộm cướp không được phép xuất gia.
3. Những ai đang bị tù không được phép xuất gia.
4. Đọc tụng luật vào mỗi nửa tháng cũng chính là lời đề nghị của vua Tần-bà-sa-la sau khi ông thấy các đạo sĩ của đạo khác tập trung lại và đọc tụng luật của họ.
5. An cư kiết hạ vào mùa mưa.
6. Cấm tồn trữ thực phẩm quá bảy ngày.

Vua Tần-bà-sa-la không những tôn kính đức Phật mà đối với chư vị tỷ kheo ông cũng hết mực kính trọng. Một lần nọ, ông

hứa sẽ gởi một người hầu đến cho trưởng lão Pilindavacca nhưng lại quên. Phải đến năm trăm ngày sau ông mới nhớ. Tức thì, ông liền gởi đến năm trăm người hầu để phục dịch trưởng lão Pilindavacca. Kết quả là một ập Phật giáo ra đời.

Vua Tần-bà-sa-la có công trong việc khuyến khích hoàng phi của mình là Kema đến hầu và đánh lễ đức Phật. Hoàng phi Kema là người rất đẹp và thông minh vì thế bà hạnh diện với sắc đẹp của mình nên không muốn đi gặp các đạo sĩ. Thế là vua Tần-bà-sa-la đã phải nhọc nhiều công sức để sắp xếp cuộc gặp cho hoàng phi đến diện kiến đức Phật. Và khi đến gặp đức Phật, tính kiêu hãnh về sắc đẹp của mình đã bị đức Phật chế ngự, Ngài đã thuyết pháp cho bà nghe về vô thường, về sắc đẹp không phải là vĩnh cửu. Sau đó bà đã xin đức Phật xuất gia và đắc quả A-la-hán.

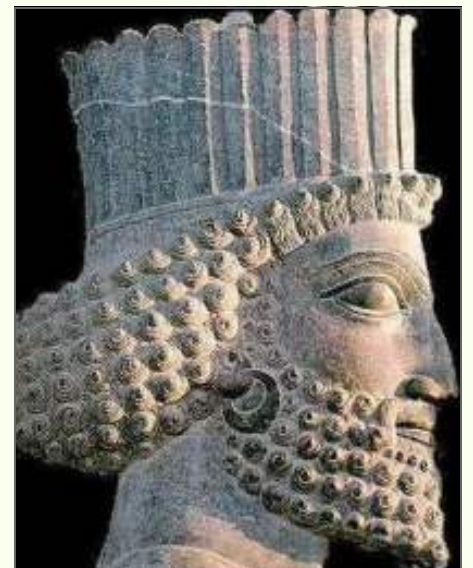
Vua Tần-bà-sa-la rất đau khổ với con của mình là thái tử A-xà-thế. Dù vua đã truyền ngôi cho con của mình nhưng A-xà-thế vẫn ám hại cha mình và bắt nốt cha trong ngục tối. Không những thế, còn cấm mẹ mình đem thức ăn vào cho cha. Sau cùng ông ra lệnh giết chết cha của mình.

A-xà-thế, vì thế, mà luôn luôn né tránh đức Phật. Nhưng sau này, khi đức Phật nhập Niết bàn, ông bắt đầu đến với đạo Phật và là người bảo trợ cho lần kiết tập kinh điển lần thứ nhất.

Người có công rất lớn nhất đối với Phật giáo không ai khác hơn chính là hoàng đế Asoka. Người đã để lại rất nhiều chứng tích lịch sử ghi lại những nơi đức Phật đã ở hoặc đi qua. Chính nhờ việc làm của ông mà ngày hôm nay chúng ta mới biết được đích xác nơi nào là thánh địa.

Hoàng đế Asoka là cháu trai của vua Candragupta Maurya và là con trai của vua Bindusara. Ông lên ngôi năm 271 trước công nguyên. Theo lịch sử ghi lại, vua Asoka phải chiến đấu mới giành được ngôi vua. Bởi, cha ông có tới mười sáu bà vợ, và 101 người con. Chính vì thế mà một cuộc thanh trừng đẫm máu đã xảy ra. Để lên ngôi, Asoka phải giết đến 99 người anh em cùng cha khác mẹ này.

(xem tiếp trang 7)



mà chư Tăng câu hội chung lo Phật sự như Ngày Về Nguồn, ngày thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, ngày Đại lễ Phật đản chung hằng năm, ngày chư Tăng An cư Kết hạ, ngày Tự tứ đều có tự thân của Hòa thượng tham dự một cách tích cực.

Những ngày cuối đời của Hòa thượng, tôi thường hay đến thăm, nhất là lúc đau yếu nhiều, Hòa thượng không ra ngoài được. Tuy thế, chúng tôi và Hòa thượng chụp một cái ảnh lưu niệm cuối cùng lúc ngài mang trọng bệnh.

Mùa An cư Kết hạ tại Phật Học Viện, Tân Mão 2011, chúng tôi gồm Hòa thượng Thích Nguyên An, Hòa thượng Thích Nguyên Trí, Hòa thượng Thích Thái Siêu, Hòa thượng Thích Nguyên Siêu, Hòa thượng Thích Thông Hải, Thượng tọa Thích Nhật Huệ, và tôi Thích Tín Nghĩa đã đến tận Phổ Đà, ngôi bên giường tâm sự, hỏi han và cúng dường quả an cư; đồng thời, Hòa thượng đã vui vẻ đưa cao tay bật đèn cho sáng để nhìn rõ chúng tôi. Hòa thượng cũng cho biết thêm là ngài nói không được to tiếng như xưa, đưa tay chỉ vào cổ họng và lỗ tai. Phái đoàn đều chấp tai thì thăm niệm Phật. Sau đó, tất cả tiếp tục đến Bát Nhã vấn an và cúng dường lão Hòa thượng Thích Nguyên Lai cũng đang tại bệnh.

Khi chúng tôi ra về, ngài Nguyên Lai còn bảo thị giả đẩy xe lăn để tiễn đưa phái đoàn trong ngắn lệ buồn vui. Anh em chúng tôi vô cùng cảm kích.

Bản thân chúng tôi, sống chung với Hòa thượng Thích Hạnh Đạo từ năm 1971, rồi xa nhau, rồi hội tụ lại khi ngài qua định cư tại Hoa Kỳ theo diện HO; ngoài những năm tháng xa cách, hai chúng tôi đều có nhau trong tất cả những Phật sự tại Thị xã Đà Nẵng hay tại Hoa Kỳ.

Theo chúng tôi, Hòa thượng Hạnh Đạo đã hy hiến đời mình cho Đạo Pháp và Dân tộc một cách trọn vẹn. Ngài không từ nan bất cứ một việc gì mà Giáo Hội giao phó khi đang tại nhiệm. Thí dụ điển hình vào hạ tuần tháng 3 năm 1973, tại Cô Ký Nhi viện Diệu Định ở gần Phật

học viện Phổ Đà, đường Phan Châu Trinh xảy ra một vài chuyện cần sự giải quyết của Giáo Hội; gần ba giờ sáng, với tư cách Phó đại diện Nội vụ, ngài bảo tôi cùng lái xe lên tận nơi để giải quyết.

Hòa thượng thường bảo: "Giáo Hội tin tưởng mình, Phật tử cũng tin tưởng vào mình, cố sao mình không cố gắng làm tròn trọng trách. Hơn nữa chúng ta là hàng xuất gia với lý tưởng thượng cầu hạ hóa, không phụ chí nguyện xuất gia lúc phát tâm, thì chúng ta không có quyền xa lánh những công tác dù khó, dù dễ."

Kính Giác linh Hòa thượng, Ngày chúng ta sống bên nhau dưới mái chùa Từ Tâm, Đà Nẵng, tháng Tư năm bảy lăm tưởng chừng như không còn gặp lại nhau; thế rồi, như duyên hội ngộ, quả đất xoay tròn, Ngài và tôi lại chung lưng đấu cật thêm một lần nữa để thừa hành Phật sự ở xứ người khi mưa, khi nắng, khi buồn, khi vui mà không từ nan gì cả. Lúc nào chúng ta cũng đem tâm Hỷ và tâm Xả ra để hành xử và vâng lời Phật dạy: "Oan ức không cần biện bạch, xem công danh phú quý như đôi dép bỏ."

Giờ thì Ngài đã giữ áo vân trình và đi xa mãi. Hy vọng Ngài đến cảnh lạc bang một thời gian cùng với Thánh chúng, cận kề bên đức Từ phụ Di Đà; rồi Ngài cũng sẽ phải phân thân về chốn Ta bà, từ bi tiếp độ hằng hà chúng sanh.

Tín Nghĩa viết lên đây đôi lời cảm niệm gọi là tri ân Ngài trong suốt thời gian cộng trú của hai thời gian và không gian tuy khác, nhưng mỗi đạo tình thâm hậu mà ngài dành riêng cho Tín Nghĩa không bao giờ phai nhạt. Và cũng xin sám hối cùng Ngài, trong những ngày tang lễ, vì ngài xả báo thân trong mùa Vu Lan nên thời gian quá eo hẹp, Tín Nghĩa đã không trọn vẹn cùng ngài trong giây phút cuối, xem như hữu thủy vô chung. Xin thành tâm sám hối.

Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại
Trọng thu - Aug. 10, 2011
Cố tri Thích Tín Nghĩa
Kính bút



QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC

Người giảng: **Pháp Sư PHÁP PHẪNG**

Người dịch: **THẮNG HOAN**

(tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG III LỊCH SỬ PHẬT HỌC TRUNG QUỐC XEM DUY THỨC HỌC

G.- DUY THỨC HỌC VÀ HIỀN THỦ TÔNG:

Hiền Thủ Tông cũng được gọi là Hoa Nghiêm Tông. Đầu tiên, Hiền Thủ Tông là tên của người dùng để đặt danh hiệu cho một tông phái. Về sau, Tông này được thay thế tên của một bộ Kinh. Đại sư Hiền Thủ nguyên tên là Pháp Tạng, người cùng thời với ngài Huyền Trang. Tông Hiền Thủ do hai ngài, một là ngài Đỗ Thuận, hai là ngài Trí Nghiễm cùng nhau khai sáng. Tông này truyền đến ngài Hiền Thủ thì mới được hoàn thành. Cho nên người đời thường gọi là Hiền Thủ Tông để kỷ niệm tên ngài. Về sau có Đại sư Trùng Quán, pháp hiệu Thanh Lương phát huy tư tưởng của Tông Hiền Thủ qua tác phẩm bộ Hoa Nghiêm Sớ Sao do ngài sáng tác. Do đó có chỗ gọi Tông Hiền Thủ là Thanh Lương Tông. Tông Hiền Thủ thiết lập Năm Thời Giáo để phê phán toàn bộ thời đại Phật Giáo. Năm Thời Giáo gồm có: Tiểu Giáo, Thi Giáo, Chung Giáo, Đốn Giáo và Viên Giáo.

1)- Tiểu Giáo: là giảng kinh A Hàm của Tiểu Thừa, v.v... thuộc về Tạng Giáo của Tông Thiên Đài.

2)- Thi Giáo: cũng gọi là Phần Giáo. Thi Giáo gồm có Duy Thức và Bát Nhã. Phần Giáo nghĩa là "Chọn Thời Giáo thứ hai và thứ ba của Thâm Mật đều cho là thuộc định tánh Nhị Thừa không thể thành Phật, nay hợp chung nhau lại gọi là Nhất Phần Giáo. Nhất Phần Giáo là giáo lý thấp nhất của Đại Thừa nên gọi là Sơ và cũng vì có người không thể thành Phật nên gọi là Phần." Vấn đề Có và Không của Thi Giáo cũng chính là giáo lý của Bát Nhã. Còn sự tưởng của Thi Giáo cũng gọi là Pháp Tướng Giáo.

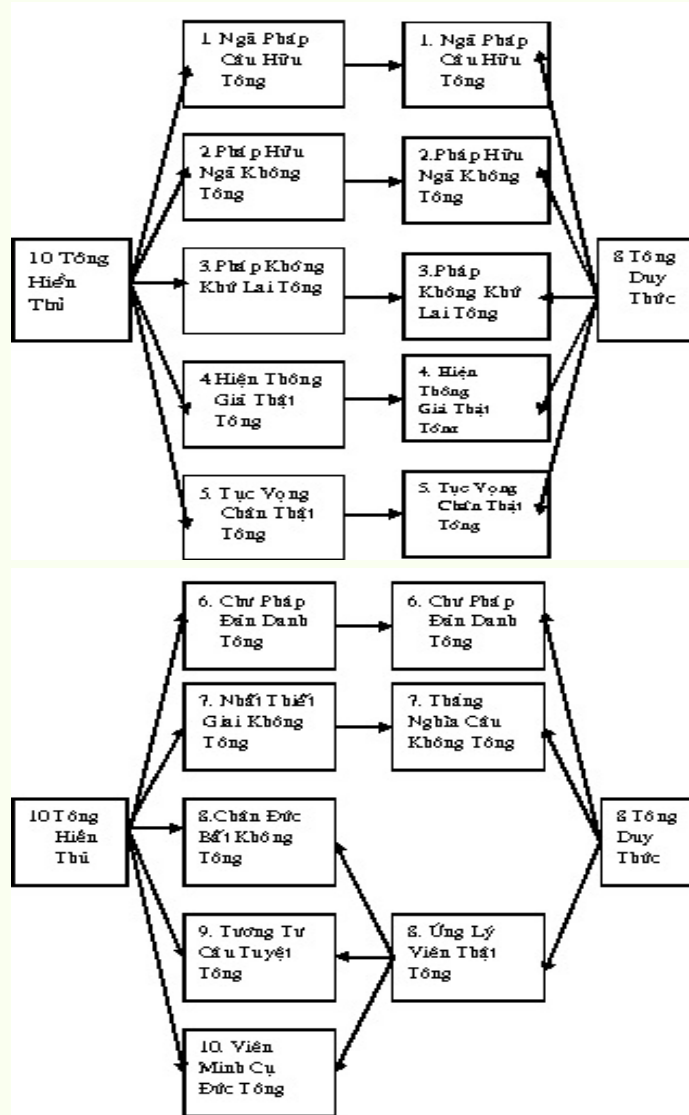
3)- Chung Giáo: cũng gọi là Thật Giáo. Chung Giáo gồm có các kinh như Lăng Già, Mật Nghiêm, v.v... Chung Giáo nghĩa là "Định Tánh Nhị Thừa, nếu như không có tánh Xiển Đề thì lẽ tất nhiên có thể thành Phật, và hơn đó mới nói đến giáo lý rất ráo của Đại Thừa, nên gọi là Chung Giáo. Giáo lý Chung Giáo nhờ hợp với thật lý nên gọi là Thật."

4)- Đốn Giáo: "Một niệm không sanh tức gọi là Phật." Từ câu đó Đốn Giáo nghĩa là lời nói tuyệt đối, lời nói hiển bày lý tánh tuyệt đối và lý tánh đây không phải căn cứ nơi địa vị thứ bậc nên gọi là Đốn. Đốn Giáo gồm có Thiên Tông ở trong.

5)- Viên Giáo: Thuyết minh một đơn vị tức là nói đến tất cả đơn vị và nói đến tất cả đơn vị tức là trong đó bao gồm có một đơn vị. Viên Giáo trong đó có kinh Hoa Nghiêm. Viên

Giáo nghĩa là "căn cứ nơi Pháp Giới của ngài Phổ Hiền, lưới Đế Châu của Trời Đế Thích giăng mắc khắp chốn cùng nơi, nhiều lớp trùng trùng điệp điệp, chủ và bạn đầy đủ ở trong, nên gọi là Viên Giáo." (1) Trong đây để thích ứng với tri đạo, Đại sư Hiền Thủ liền lấy tánh chất giáo nghĩa của Duy Thức để thành lập mười Tông. Mười Tông của Hiền Thủ và tám Tông của Duy Thức phối hợp như thế nào hãy xem qua bản đồ tiêu biểu sau đây sẽ rõ.

a]- Mười Tông của Hiền Thủ và tám Tông của Duy Thức:



Sự kiến lập mười Tông và tám Tông là một phương pháp phê phán Phật Học và còn là một đặc điểm lập luận sở trường của các Tông. Giáo nghĩa của mười Tông ở đây không có thì giờ để giải thích.

Đại sư Hiền Thủ là người cùng thời với ngài Huyền Trang và ngài Khuy Cơ. Đầu tiên, Đại sư Hiền Thủ tham dự vào hội trường phiên dịch của ngài Huyền Trang với nhiệm vụ là kiểm chứng giáo nghĩa của các Kinh. Về sau, vì ý kiến không hợp nhau nên Đại Sư ra ngoài

tự mình chuyên lo hoằng dương giáo nghĩa của Kinh Hoa Nghiêm. Đại Sư không những phát huy giáo nghĩa của Kinh Hoa Nghiêm mà lại còn kế thừa và phát huy quang đại học thuyết của Đỗ Thuận và của Trí Nghiễm. Chẳng những thế, Đại Sư cũng có nhận thức về học thuyết của Duy Thức. Xưa nay, các triết gia Duy Thức phê phán thời đại Phật Giáo ở Ấn Độ chỉ có tám Tông. Đại sư Hiền Thủ lại căn cứ nơi Tông Duy Thức thứ tám diễn giải và chuyển hóa thành ba Tông. Cộng thêm ba Tông chuyển hóa từ nơi Duy Thức, Đại sư Hiền Thủ lập thành mười Tông. Giáo nghĩa mười Tông phải này được thấy giải thích trong Hoa Nghiêm Nhất Thừa Giáo Nghĩa Chương.

b]- Học Giả Hiền Thủ phân đồng thực tập Duy Thức:

Năm Giáo Nghĩa của Tông Hiền Thủ và bốn Giáo Nghĩa của Tông Thiên Đài đều là tinh hoa của Phật Giáo Trung Quốc. Các học giả thuộc gia phả của Tông Thiên Đài trải qua các thời đại, đa số đều căn cứ theo và tùy thuộc vào giáo nghĩa của Kinh Pháp Hoa, của Kinh Bát

Nhã, của Luận Trí Độ, ngoài ra rất ít người đề cập đến danh loại của Pháp Tướng Duy Thức. Còn các học giả của Tông Hiền Thủ, kể từ ngài Pháp Tạng trở về sau và cho đến cận đại, đều nghiên cứu thâm sâu Pháp Tướng Duy Thức. Chúng ta thử đọc các trước thuật của các tác giả, của các Đại Đức trở xuống thuộc Tông Hiền Thủ đều nhận thấy các ngài rộng bàn rất có mạch lạc và rất có thứ tự về nguyên lý của Pháp Tướng Duy Thức. Chúng ta có thể nhận thấy rằng Tông Thiên Đài thì rất gần với Pháp Tánh của Bát Nhã, còn Tông Hiền Thủ thì rất gần với Pháp Tướng của Duy Thức.

Ngoài ra, Kinh Hoa Nghiêm cũng là một trong sáu bộ kinh của Duy

thì cũng đầy đủ cả mười đức ở trong". Từ ý nghĩa đó, Tông Hiền Thủ thành lập Tánh Khởi Pháp Môn (Thập Huyền Duyên Khởi hoặc Pháp Giới Duyên Khởi). Những lời giải thích đây của Tông Hiền Thủ nếu như so sánh với lý thuyết Pháp Tướng Duyên Khởi của Duy Thức thì cũng dung thông với nhau. Thanh Lương Sớ Sao nói: "Lành thay Chân Giới, vạn pháp là tài sản đầu tiên của người". Chân Giới tức là chỉ cho vạn pháp. Ở đây, chúng loại các pháp trong pháp giới, nếu như nhận thức về thể chung thì tất cả đều từ nơi Tâm nói trên sanh ra cả.

c]- Duy Thức Học của Hiền Thủ:

Ngài Hiền Thủ căn cứ nơi các kinh luận như Du Già, Tạp Tập, Thâm Mật, Lương Nhiếp Luận, v.v... trước thuật nhiều bộ luận để bàn rộng về Duy Thức. Như Nhất Thừa Giáo Nghĩa Chương, quyển 9, giải thích rõ các giáo lý nói về sự sai biệt trong mười môn:

1)- **Chỗ Nương Tựa của Tâm Thức:** căn cứ nơi Kinh Giải Thâm Mật, v.v... giải thích tám Tâm Thức và ý nghĩa luân tập của A Lại Da.

2)- **Nghĩa Sai Biệt của Chủng Tánh:** căn cứ nơi Hiền Dương, Du Già, Lương Nhiếp Luận, v.v... nói về ý nghĩa Vốn Sẵn Có, nói về ý nghĩa Huân Tập Thành Chủng Tử, nói về ý nghĩa Năm Thứ Chủng Tánh.

3)- **Hạnh Vị Sai Biệt:** căn cứ nơi Lương Nhiếp Luận, Du Già, v.v... nói về Sự Chọn Lựa... cho đến môn thứ 6.

6)- **Nghĩa Phần Đoạn Hoặc Đầy Đủ (Môn thứ 6):** căn cứ nơi Câu Xá, Du Già, Tạp Tập làm luận chứng... và còn các môn khác nữa.

Nghĩa tổng quát của mười môn có chỗ bàn luận đến đều là dẫn dụ từ nơi các bộ luận của Du Già và Duy Thức. Ở đây chúng tôi không thể tường thuật đầy đủ chi tiết, các học giả có thể tự mình thâm cứu thêm thì sẽ thấy được diệu nghĩa chân thật muôn trùng của nó.

(còn tiếp)

Chú thích:

1) Trong "Hoa Nghiêm Sớ Sao", quyển 4, bàn luận về 5 Thời Giáo phần nhiều dẫn chứng các văn.



Đại lão Hòa thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ.



VĂN TRUY NIỆM CỔ TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH HẠNH ĐẠO

(của **Giáo Hội PGVNTNKH, Tổng Hội PGVN tại HK,
Cộng Đồng PGVN Nam Cali và Môn Đồ Pháp Quyển,**
đọc trong Lễ Truy Diệu trước khi Di Quan)

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính lạy Giác linh cổ Hoà Thượng,

Trước giờ phút cung tống Kim Quan, tiễn biệt Hoà Thượng đi về cõi Phật hôm nay, trước Tăng Ni Phật Tử, Môn Đồ Pháp Quyển đang phủ phục trước từ dung, chúng tôi - những người đã từng một thời kết tình pháp lữ, nên nghĩa thầy trò cùng cổ Hoà Thượng - xin được bày tỏ một đôi lời.

Kính bạch Giác Linh Cổ Hoà Thượng,

Hơn nửa thế kỷ thực hiện chí nguyện độ sanh, cổ Hoà Thượng đã hoá thân vào giữa cuộc đời:

Nào khi tuyên úy, mang nguồn đạo đến cho người quân nhân vào sanh ra tử

Lắm lúc dạy học, đem từ tâm mà chỉ bảo cho lớp trẻ học hỏi tiến lên.

Làm Trụ Trì ngôi Tam Bảo thì uy nghi đĩnh đạc khiến người người sanh khởi tín tâm

Ra gánh vác việc Giáo Hội thì tận tụy chăm lo cho việc việc đều nên trang sử đẹp.

Trong chốn cải tạo lao tù, dũng khí có thừa mà lòng từ bất hoại

Ngoài cõi nhân gian chung đặng, tâm thành không thiếu mà trí giác thường minh.

Tấm lòng chất phác, rõ nghĩa chân thành.

Khí tiết thanh cao, nên trang Đại sĩ.

Cổ Hoà Thượng đã lấy đó mà ứng thân tiếp xử, khiến người trên thương quý, kẻ dưới hàm ân.

Cổ Hoà Thượng cũng đã lấy đó mà trau tâm bồi đức, để chẳng thẹn tiền nhân, nêu gương hậu thế.

Năm 1993, cổ Hoà Thượng đã ôm cả Quê Hương Đạo Pháp vào lòng mà ra đi, đến tại Hoa Kỳ ở miền Nam Cali để tiếp tục bước chân hành hóa:

Từ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ đến Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ; từ Tổng Hội Cư Sĩ đến Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam Nam Cali...

Tổ chức nào, cổ Hoà Thượng cũng có mặt cùng anh em để thừa đương Chánh Pháp

Hoàn cảnh nào, cổ Hoà Thượng cũng đóng vai hướng dẫn cho hậu lai quy kính.

Chẳng màng danh vị, cốt cách hiện tướng phàm thân mà cõi lòng thanh cao biết mấy!

Chẳng nề gian khổ, đạo tâm tỏ chí xuất trần mà thâm tình gần gũi biết bao!

Mười tám năm ở chốn này, cổ Hoà Thượng đã như cột trụ chống đỡ cho ngôi nhà Phật Giáo Việt Nam trong cơn bão táp; đã như cây cao bóng cả cho chúng tôi và bao lớp người nương tựa để có thêm sức mạnh và niềm tin mà đi tới.

Thế mà giờ đây!

Huyễn thân mộng trạch. Thân huyễn đã huyễn, nhà mộng đã không thì chúng tôi còn biết nói gì hơn ngoài nỗi ngậm ngùi tưởng niệm!

Kính bạch Giác Linh Ôn,

Chốc lát nữa thôi là đường mây biển biệt. Ôn về cõi Phật rồi xin cho một lời hẹn ước: Xin hẹn ước cùng Ôn, thầy trò huynh đệ chúng ta rồi sẽ còn gặp nhau trong vô lượng kiếp để đem vô lượng thân mà cúng dường vô lượng Phật, mà cứu độ vô lượng quần sanh cho đến ngày viên thành hạnh nguyện vô thượng Bồ Đề.

Kính lạy Giác linh Ôn.

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật.



KHĂN BẠCH

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni,
Kính thưa chư thiện nam tín nữ Phật tử,

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ, Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam Nam California, cùng môn đồ pháp quyến Chùa Phổ Đà vô cùng kính tiếc, đồng khăn bạch:

Trưởng Lão Hòa Thượng **thượng Thị hạ Uẩn**, tự **HẠNH ĐẠO**, hiệu **Thuần Phong**, dòng Lâm Tế Chúc Thánh đời thứ 42

- Thành viên Hội Đồng Chứng Minh GHPGVNTN Hoa Kỳ
- Thành viên Hội Đồng Chứng Minh Tổng Hội PGVN tại Hoa Kỳ
- Viện chủ Chùa Phổ Đà, Santa Ana, California, Hoa Kỳ

Đã thuận thế vô thường, thân thần thị tịch vào lúc 12 giờ trưa ngày 28 tháng 7 năm 2011, (nhằm ngày 28 tháng Sáu năm Tân Mão), tại Chùa Phổ Đà, thành phố Santa Ana, California, Hoa Kỳ, thế thọ 80, hạ lạp 60.

- Lễ Nhập Kim Quan vào lúc 08 giờ sáng ngày thứ Ba, 02 tháng 8 năm 2011 (nhằm ngày mùng 3 tháng 7 năm Tân Mão);
- Lễ Di Quan vào lúc 01 giờ chiều thứ Bảy, ngày 06 tháng 8 năm 2011 (nhằm ngày mùng 7 tháng 7 năm Tân Mão) tại Chùa Phổ Đà (5110 W. Hazard Ave., Santa Ana, CA 92703);
- Lễ Trà Tỳ vào lúc 03 giờ chiều thứ Bảy, ngày 06 tháng 8 năm 2011 (nhằm ngày mùng 7 tháng 7 năm Tân Mão) tại nhà quản Peek Family Colonial Funeral Home (7801 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683).

Ngưỡng mong chư tôn Thiên Đức trong mười phương nhất tâm hộ niệm và cầu nguyện Cổ Đại Lão Hòa Thượng tân viên tịch Cao Đăng Phật Quốc.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật,
Santa Ana, ngày 28 tháng 7 năm 2011.

Nay căn bạch.

VU LAN BÁO HIỂU

Giữ Thân Như “Mẹ” Giữ Tâm Cho “Phật”

Thích Hạnh Tuân

Tại Chùa Trúc Lâm, thành phố Chicago, tiểu bang Illinois, USA, có một “Mẹ” rất khỏe. Năm nay Mẹ đã trên 90 tuổi. Mẹ thường đi chùa với người con trai trưởng và cô dâu cả trong gia đình. Ít nhất hằng tuần Mẹ cũng đi chùa 2 lần vào mỗi tối Thứ Tư hoặc Thứ Sáu và Chủ Nhật, bất kể trời mưa nắng hay tuyết rơi giá lạnh. Mẹ luôn luôn vui vẻ cười nói nhẹ nhàng. Mẹ có pháp danh là Bích Nhân. Mỗi lần gặp Mẹ, tôi thường chào hỏi và nắm tay Mẹ để xin Mẹ bố thí cho tôi vài tuổi những mong được sống lâu trường thọ như Mẹ. Mẹ rất tinh tấn tu học. Không có khóa tu học hằng tháng nào tại chùa mà Mẹ vắng mặt. Sự có mặt của Mẹ trong những giờ tụng kinh lễ bái và tu học tại chùa như là những bóng “đại thọ” cho hàng đạo hữu Phật tử trẻ tuổi trong chùa nương tựa. Vào 3 ngày lễ Vía Quan Thế Âm trong năm, quý Thầy trong chùa cùng với quý đạo hữu tu học và lễ bái Ngũ Bách Danh Quan Thế Âm, Mẹ cũng lễ bái đầy đủ 500 lay theo 500 danh hiệu của Bồ Tát Quan Thế Âm, Mẹ không bỏ sót một lay nào, thể mới thấy niềm tin Tam Bảo và sức khỏe của Mẹ như thế nào.

Mỗi lần tu học tại chùa trong giờ pháp đàm, tôi hay đem hình ảnh của Mẹ ra kể cho đại chúng để mong mọi người noi gương Mẹ. Trước sự hiện diện của mọi người, tôi hỏi Mẹ đã có những phương pháp sống như thế nào mà Mẹ có được tuổi thọ cao và sức khỏe nhiều như thế. Mẹ chỉ đứng dậy cười nói nói một câu là, “Cứ vui vẻ đừng lo nghĩ chi thì khỏe thôi, chứ có chi mô...” Giọng nói của người Huệ đã lớn tuổi mà vẫn còn rõ ràng mạch lạc khiến ai nấy đều hoan hỷ vô cùng. Tôi vẫn chưa bằng lòng với câu trả lời đơn giản mộc mạc của Mẹ, cứ tiếp tục gạn hỏi thì được người con trai trưởng của Mẹ, Anh Nguyễn Bình đứng lên thay lời Mẹ để kể cho đại chúng những cách sống của Mẹ mà hằng ngày trong nhà Anh đã chứng kiến. Sau khi nghe câu chuyện, tôi xin được đúc kết thành 5 nguyên tắc sống của Mẹ như sau:

1. Ăn uống rất điều độ với nhiều rau cải.
2. Ngủ nghỉ đúng giờ, lễ bái và niệm Phật hằng ngày.
3. Làm việc thường xuyên đừng cho tay rảnh chân không.
4. Đi bộ nhiều thay thế cho đi xe.
5. Sống an vui trong giây phút hiện tại.

Ăn uống để nuôi dưỡng cơ thể. Trong nhà Thiền, nhà Chùa, việc ăn uống như là “uống thuốc” để trị cái bệnh khô chết của cơ thể. Người đời ăn uống thỏa thích như là một trong bốn thú vui của đời người. Trong nhà Thiền (Chùa) ngoài việc ăn uống để nuôi dưỡng cơ thể thì còn có niềm an lạc của thiền định nữa. Niềm an lạc trong thiền định này được ví như món ăn gọi là “pháp hỷ thực”. Con người

cũng vì thiếu ăn, thiếu dinh dưỡng mà phải bị chết đói. Theo thống kê của Liên Hiệp Quốc thì hằng ngày có đến 40 ngàn trẻ em trên thế giới chết đói vì thiếu ăn và suy dinh dưỡng. Nhiều người cũng bị chết oan uổng vì dư thừa thức ăn mà ăn uống quá độ. Tại Hoa Kỳ, được biết số tiền hằng tháng mà chúng ta chi dùng để mua thực phẩm thì rất ít; nếu không nói là ít nhất so với các dân tộc khác trên thế giới. Mặc dầu chúng ta tốn tiền cho đồ ăn ít nhất hơn nhưng người Mỹ chúng ta phải mất nhiều tiền hơn bất cứ dân tộc nào trên thế giới để lo cho sức khỏe vì bệnh tật. Lý do thật đơn giản và dễ hiểu là thức ăn từ động vật (aminmal products) được sản xuất hàng loạt (mass production) theo kỹ nghệ công nghiệp. Trong cách biến chế thức ăn cho gà người ta sử dụng rất nhiều chất hóa học để kích thích cho chúng mau lớn. Thay vì phải nuôi một con gà theo cách nuôi tự nhiên phải cần đến 3 hoặc 4 tháng, thì trong các trại chăn nuôi gia súc người ta dùng phương pháp chăn nuôi khoa học với nhiều chất kích thích. Người ta chỉ cần 30 đến 45 ngày để có một con gà đủ lớn để ăn thịt. Tương tự cách nuôi gà trên đây, cách nuôi các loài gia cầm khác như heo, bò... cũng theo quy trình này. Vì lý do thực phẩm gia súc rẻ tiền cho nên người Mỹ ăn nhiều. Ăn uống như vậy là chúng ta đưa vào cơ thể chúng ta nhiều chất mỡ và độc tố của gia súc để từ đó sinh ra chứng bệnh béo phì (obesity). Tình trạng sức khỏe của người Mỹ đang là mối lo ngại lớn cho chúng ta. Đã có trên ¼ trẻ em của Mỹ đang bị bệnh béo phì (obesity) và đã có trên 70 triệu người lớn cũng đang lâm vào cơn bệnh thời đại này. Do vậy, đã có đạo luật không cho bán nước ngọt trong tất cả các trường tiểu học đến trung học của Mỹ. Và gần đây, Quốc Hội Hoa Kỳ cũng đã thông qua đạo luật bảo vệ sức khỏe cho trẻ em mà đề nhất phu nhân Michelle Obama là người đứng ra chăm sóc thực đơn cho tất cả học sinh tại trường học ở Mỹ. Thật trớ trêu thay, người ta thiếu ăn phải chết đói, còn người Mỹ chúng ta bị chết vì dư thừa thực phẩm. Cho nên, để được sống khỏe, sống lâu, hãy ăn uống điều độ chừng mực và ăn nhiều rau cải (60 - 70 % phần ăn mỗi bữa là rau cải). Nếu phát tâm ăn chay trường được thì càng tốt hơn. Ăn uống như vậy là sống theo như phương pháp sống thứ nhất của Mẹ pháp danh Bích Nhân trên đây.

Ngủ nghỉ cũng là thú vui, sự ham thích của con người. Trong năm món dục lạc - ngũ dục, thì ngủ nghỉ đứng vào hàng thứ năm (tiền tài, sắc dục, danh vọng, ăn nhậu, ngủ nghỉ). Trong nhà Thiền, để khuyến tấn những người tu hành không nên ham mê việc ngủ nghỉ mà phải thường xuyên quán chiếu tinh giác thiền định. Đức Phật của chúng ta được kể lại trong một kinh là ngài mỗi đêm chỉ ngủ có 2 tiếng đồng hồ thôi và thì giờ còn lại trong đêm thì ngài quán chiếu trong thiền định. Trong *Kinh Di Giáo*, để dạy cho người ham mê ngủ nghỉ, Đức Phật ví dụ giấc ngủ như con rắn độc

đang nằm chung trong nhà cần phải khử trừ nó đi. Người tu hành tinh giác không thể ham mê việc ngủ nghỉ. Không thể để con rắn độc ở chung trong nhà vì sẽ bị nó cắn chết bất cứ lúc nào. Người tu phải bỏ việc ham mê ngủ nghỉ như loại bỏ con rắn độc mới an toàn trên đường tu học. Đối với người thường thì Bác Sĩ khuyên nên ngủ cho đầy đủ để bảo đảm sức khỏe để làm việc. Mỗi ngày cần ngủ từ 6 đến 8 tiếng đồng hồ là vừa đủ. Ngủ nhiều cũng sinh ra bệnh béo phì. Thiếu ngủ vì phải thức khuya làm việc hoặc xem phim ảnh cũng gây ra nhiều khó khăn trong cuộc sống. Thật nguy hiểm khi lái xe bị buồn ngủ vì thiếu ngủ. Tai nạn chết chóc gây ra khi lái xe vì bệnh ngủ gật cũng là điều cần quan tâm. Ngủ nhiều con người bị mê muội, thiếu tinh giác, không lanh lẹ. Được biết, Mẹ Bích Nhân mỗi đêm đi ngủ đúng giờ, từ 9:30 đến 10:00 là Mẹ đi ngủ và thức dậy lúc 5:30 sáng. Sau khi thức dậy, Mẹ đi tắm rửa rồi đến trước bàn thờ Phật trong nhà lễ bái tụng kinh niệm Phật. Mẹ vẫn giữ đều đặn mỗi ngày, không có ngày nào Mẹ bê trễ việc này. Đây là phương pháp sống thứ hai trong năm phương pháp mà Mẹ đã và đang thực tập hằng ngày.

Làm việc thường xuyên để vận động tay chân cho cơ bắp trong người được cứng chắc và máu huyết trong cơ thể được điều hòa. Chúng ta cần phải làm việc để kiếm tiền nuôi sống. Những người nông dân làm việc ngoài đồng hoặc trong vườn nhà thường có nhiều cơ hội để tiếp xúc với khí hậu tươi mát trong lành của thiên nhiên. Hầu hết người nông dân không có người nào bị bệnh béo phì. Làm việc thường xuyên bằng tay chân là bí quyết để giữ cho thân hình khỏe mạnh thon gọn. Làm việc như vậy thì đâu có phải bận tâm đến việc phải vào trung tâm thể thực thể thao để chạy nhảy hay bơi lội cho tiêu đường tiêu mỡ (burning fat) như nhiều người Mỹ chúng ta. Người Mỹ chúng ta làm việc nhiều, nhưng hầu hết việc làm bằng trí não, ngồi văn phòng để điều khiển máy móc, computer, cho nên ít có cơ hội vận động tay chân. Do vậy, để quân bình sức khỏe, chúng ta hãy tìm công việc ở nhà hoặc bất cứ nơi đâu cho chúng ta cơ hội vận động tay chân thì mới khỏe mạnh được. Chúng ta hãy để dành thì giờ đi bộ. Nếu tìm được một nơi đậu xe xa trong parking lot để có cơ hội đi bộ 5 - 10 phút đến văn phòng. Chúng ta đã ít có cơ hội làm việc tay chân thể mà sau khi làm việc về nhà chúng ta lại ngồi hay nằm trên ghế sofa hay lazy boy để ăn uống cùng lúc với xem tivi phim ảnh. Mẹ Bích Nhân, khi tuổi còn nhỏ, ngoài việc nông tang gánh vác, về nhà Mẹ không lúc nào nghỉ tay. Cho đến lúc tuổi đời đã

70 - 80 - 90 mà Mẹ vẫn làm việc trong nhà, từ việc nấu nướng dọn dẹp, sẵn sóc miếng ăn, thức uống cho con cháu trong nhà, quét dọn lau chùi. Đây là phương pháp sống khỏe, sống mạnh mà chúng ta cần phải làm theo. Làm việc trong nhà Thiền cũng là phương pháp tu tập. Có một vị Tổ tên là Bách Trương chủ trương làm việc như là pháp môn tu thiền. “Một ngày không làm thì một ngày không ăn - *Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực*” đó là công án thiền được áp dụng trong Thanh Quy của Tổ. Hãy làm rất nhiều việc bằng tay chân nhưng hãy quán chiếu không có việc gì để làm (nothing to do).

Đi lại là quyền tự do làm người. Đi bằng đôi bàn chân để làm cho cơ thể khỏe mạnh cứng cáp. Lúc còn trẻ, Mẹ Bích Nhân đi bộ mỗi ngày trên chục cây số (km) để làm việc và buôn bán đó đây. Đi bộ là cơ hội tốt để vận động cơ thể điều hòa máu huyết. Đây cũng là cơ hội tốt để chúng ta tiếp xúc với thiên nhiên có khí trời trong mát. Chúng ta hãy để ý nhìn phía sau lưng tấm áo của những người nông dân thường có một màu trắng hòa lẫn với mồ hôi. Màu trắng đó chính là muối đường và mỡ theo mồ hôi trong cơ thể tiết ra khi vận động dưới ánh nắng để cày ruộng cuốc đất. Như vậy, người nông dân không bận tâm đến việc có nhiều chất đường chất mỡ trong cơ thể. Vận động tay chân như thế thì làm tiêu hết chất mỡ (cholesterol) và đường trong cơ thể. Người Mỹ chúng ta đang sống trong xã hội công nghiệp. Chúng ta đi lại bằng phương tiện xe hơi, máy bay mà ít có cơ hội đi bộ. Đây là cơ thể chúng ta dư thừa nhiều chất đường, chất mỡ. Làm sao chúng ta có cơ hội ngắm nhìn một đóa hoa đang nở bên hàng đậu, trên đường phố hay trên xa lộ trong khi chúng ta lái xe chạy vun vút với tốc độ hàng trăm cây số mỗi giờ. Tại thành phố Chicago, hầu hết khắp nơi nhà cửa được kiến thiết rất quy cũ. Đường phố rất rộng, trước nhà thường có rất nhiều cây cao bóng mát. Không có driveway hay nhà đậu xe phía trước nhà mà chỉ có vườn cỏ hay vườn hoa. Chúng tôi thường đi bộ buổi chiều để tập thể dục và ngắm nhìn hàng trăm thứ hoa thì đua khoe sắc. Trong giới tu sĩ Phật Giáo Việt Nam ở Hải Ngoại, có một vị Trưởng Lão, Hòa



Vai trò của Hoàng Gia đôi với Phật giáo tại Ấn Độ

(tiếp trang 3)

Thượng Thích Tâm Châu, năm nay đã 92 tuổi. Ngài vẫn còn khỏe và tinh thần rất minh mẫn. Hãy xem và nghe Ngài ban "Đạo Từ" trong dịp Lễ Hội Quan Âm tại Trung Tâm Phật Giáo Chùa Việt Nam, Houston, TX vào tháng 03 năm nay (2011) để thấy sức khỏe của Ngài như thế nào. Một trong những phương pháp sống để có sức khỏe của Ngài đó là đi bộ. Mỗi ngày Ngài đi bộ từ 30 phút đến 1 tiếng đồng hồ. Tôi còn nhớ vào tháng 7 năm 1992 trong dịp tham dự Lễ Khánh Thành Chùa Viên Giác, Hanover, Germany. Vì chùa không đủ chỗ ngủ cho trên một trăm vị Tăng Ni về tham dự lễ. Chúng tôi phải ở khách sạn gần chùa. Khách sạn cho xe đưa đón về chùa. Thay vì lên xe về chùa thì Hòa Thượng đi bộ về chùa từ khách sạn.

Đi bộ nhiều không những chỉ có lợi cho sức khỏe mà còn làm giảm thiểu việc tiêu xài năng lượng của trái đất. Dân số của Mỹ bằng 1/23 nhân loại trên trái đất mà người Mỹ phải xài 1/5 năng lượng xăng dầu của thế giới. Như vậy chúng ta chính là thủ phạm gây ra sự khủng hoảng về sức nóng của trái đất vì chúng ta đã thải ra rất nhiều chất nhiễm ô cho không khí chung quanh chúng ta trong khi chúng ta sử dụng xe cộ, máy móc v.v... Nếu chúng ta không biết tiết kiệm năng lượng bây giờ thì mai sau con cháu của chúng ta còn đâu để sử dụng. Hãy đi như Đức Phật của chúng ta đã từng đi khắp đó đây bằng đôi chân trần của Ngài để hoằng pháp độ sanh. Đi khắp nơi bằng đôi chân mà không có nơi nào để đến (tathagata - no where to go). Hãy đi trong chánh niệm, tỉnh giác (walking meditation).

Đời sống con người được đánh giá từ sự an lạc thành thoi. Có an lạc là có giải thoát. Chúng ta sống ở cõi trần mà có an lạc là chúng ta được ví như chúng ta đang ở trên cõi thiên đường. Bạn trở nên người giàu có vô cùng nếu bạn biết sống có an lạc thành thoi. Nếu bạn giàu có mà bị chi phối bởi lo âu phiền muộn thì đời sống trở nên vô vị. Điều gì làm cho chúng ta phải bận tâm lo lắng? Có một công thức thật đơn giản đó là hãy sống "tri túc". Có người bận tâm đặt ra câu hỏi là phải có bao nhiêu tiền bạc trong ngân hàng và có nhà cửa như thế nào mới đủ để sống "tri túc". Kỳ thực, khi Đức Phật dạy cho chúng ta phải sống "tri túc" để có an lạc, Ngài không cho chúng ta biết phải có bao nhiêu tiền bạc trong ngân hàng và nhà cửa xe cộ như thế nào. Vậy là chúng ta chỉ cần bớt tham dục - ngã dục. Muốn có an lạc giải thoát thì đừng để tiền tài, sắc dục, danh vọng, ăn uống và ngủ nghỉ chi phối chúng ta. Hãy để dành chút thì giờ đọc lại Chương 38 "Ôi Hạnh Phúc" trong sách *Đường Xưa Mây Trắng* của Thiền sư Thích Nhất Hạnh để thấy sống "hạnh phúc an lạc là sống như thế nào". Mẹ Bích Nhân không thuộc lòng bài kinh "Người Biết Sống Một Mình" mà phương pháp sống thứ năm của Mẹ chính là tinh hoa của bài kinh này. Sống an vui trong giây phút hiện tại, không lo nghĩ chi mô đó chính là thực hành theo thông điệp mà Đức Phật đã dạy cho hàng đệ tử của ngài bất luận là tại gia hay xuất gia trong đoạn kinh sau đây được trích từ *Kinh Người Biết Sống Một Mình* do Thiền Sư Thích Nhất Hạnh phiên dịch:



*Đừng tìm về quá khứ
Đừng tưởng tới tương lai
Quá khứ đã không còn
Tương lai thì chưa tới
Hãy quán chiếu sự sống
Trong giờ phút hiện tại
Kẻ thức giả an trú
Vững chãi và thành thoi.
Phải tinh tiến hôm nay
Kẻo ngày mai không kịp
Cái chết đến bất ngờ
Không thể nào mặc cả.
Người nào biết an trú
Đêm ngày trong chánh niệm
Thì Mâu Ni gọi là
Người Biết Sống Một Mình.*

Mỗi độ Đại Lễ Vu Lan về Mùa Báo Hiếu Mẹ Cha lại đến, chúng ta thường về chùa cúng dường, lễ bái tụng kinh cầu siêu cho Ông Bà Cha Mẹ nhiều đời nhiều kiếp được siêu sanh tịnh độ và cầu nguyện cho Cha Mẹ đang còn sống được nhiều sức khỏe, bình an. Chúng ta dùng rất nhiều cách khác nhau để thể hiện lòng hiếu kính của người con Phật đối với Cha Mẹ. Trong *Kinh Báo Hiếu Trọng Ân của Cha Mẹ*, Đức Phật có dạy, "Hiếu hạnh là Phật hạnh, tâm hiếu là tâm Phật." Chúng ta hãy sống hiếu thảo với Cha Mẹ là chúng ta làm giống theo hạnh của Chư Phật, và chúng ta cần giữ tâm hiếu thảo với Cha Mẹ là tâm chúng ta đồng với tâm Phật. Nhân mùa Vu Lan Phật Lịch 2555, tôi có bài viết này, "Giữ Thân Như Mẹ, Giữ Tâm Cho Phật", xin làm món quà tặng bạn. Hãy sống như Mẹ Bích Nhân đã và đang sống để được khỏe mạnh, an vui và trường thọ. Có đấng Cha Mẹ nào không muốn con mình được mạnh khỏe an vui và trường thọ? Tôi tin chắc rằng bạn thông minh để sống theo năm phương pháp trên đây như Mẹ Bích Nhân để làm món quà mang nhiều ý nghĩa nhất để bạn dâng hiến cho Cha Mẹ hiện tiền cũng như Bảy Đời Cha Mẹ đã quá vãng.

Mẹ Bích Nhân đã giữ thân cho mình cũng chính là giữ thân cho Ông Bà tổ tiên và cho con cháu. Một thân thể nhẹ nhàng khỏe mạnh với tuổi đời trên 90 mà không có tật bệnh gì là nhờ lối sống đơn giản với việc ăn uống điều độ có nhiều rau cải cộng với việc đi bộ và làm việc thường xuyên. Một tâm hồn luôn luôn hoan hỷ an lạc của Mẹ là nhờ vào lòng kính ngưỡng Tam Bảo, lễ bái tụng niệm hằng ngày cùng với sự sống hồn nhiên thành thoi không lo nghĩ về quá khứ hay tương lai mà chỉ có an trú trong hiện tại. Tâm của Mẹ như vậy là giống với Tâm của Chư Phật. Mẹ Bích Nhân đang giữ Thân cho Phật đó. Chúng ta hãy cùng nhau giữ thân như Mẹ và giữ tâm cho Phật như Mẹ Bích Nhân ở chùa Trúc Lâm, thành phố Chicago, tiểu bang Illinois, USA.

Thích Hạnh Tuấn

Không những như thế, sau khi ông lên ngôi, để chinh phục các nước khác, ông đã phát động chiến tranh, và đã giết rất nhiều người. Sử sách ghi lại rằng, người đã đem ánh sáng của Phật Pháp và cảm hóa ông thành con người hướng đạo và từ bi chính là trưởng lão Moggaliputta Tissa. Sau khi trở thành người phật tử, ông đã áp dụng Phật Pháp để giải quyết những vấn đề của đất nước. Trưởng lão Moggaliputta Tissa đã hướng dẫn vua Asoka đi chiêm bái các Thánh tích của Phật giáo. Sau chuyến đi này, ông đã phát tâm dựng bia đá, cột đá để ghi lại những nơi này. Trên các bia, cột đá đó ông còn cho khắc những câu chỉ dụ, những lời Phật dạy để người dân lấy đó mà noi theo.

Một số chính sách của ông trong việc cai trị đất nước mang hơi thở từ bi của Phật giáo là:

1. Nhiệm vụ đầu tiên là đối xử, trông nom và bảo vệ một cách công bằng đối với mọi công dân, mọi tôn giáo cũng như quân đội... kể cả các loài vật cũng được chăm sóc và bảo hộ. Sự đối xử ấy phải thể hiện bằng lòng độ lượng, thương yêu, tha thứ, thân thiện. Chính phủ của một đất nước Phật giáo phải bảo vệ tài sản của người dân như nhà cửa, đất đai... khỏi thiên tai hay tai họa do con người gây ra. Lập những cơ sở phúc lợi xã hội, nhà dưỡng lão, bệnh viện... Quan tâm đến các vị khất sĩ tôn giáo hoặc những người hành nghề tôn giáo; bảo vệ chim muông và thú vật, không đánh bắt.

2. Thứ hai là bảo đảm an ninh trong nước, không để cho bất cứ cá nhân nào tham gia vào các hành động tội ác gây tổn thương cho người khác. Tội phạm phải giảm tới mức tối đa. Muốn được như thế, thì nhà nước phải nâng cao đời sống kinh tế người dân, quan tâm tới xã hội, tâm lý, tạo điều kiện để mọi công dân đều được hưởng giáo dục.

3. Nhà nước phải đảm bảo người dân không bị thất nghiệp, tích trữ của cải để đem lại sự phồn vinh cho đất nước.

4. Nhà nước nên sử dụng các nền tảng này cho chính sách quản lý đất nước của mình cũng như luôn tham vấn với những người có kinh nghiệm và tri thức.

Ngoài ra, còn một việc khác quan trọng không kém mà ông đã đóng góp cho Phật giáo chính là đứng ra tổ chức cuộc kiết tập kinh điển lần thứ ba vào năm thứ 14 sau khi lên ngôi. Kỳ kiết tập này được tổ chức tại thành Pataliputta và đã diễn ra trong chín tháng.

Lần kiết tập kinh điển này rất quan trọng bởi lúc đó trong Tăng già đã có sự rạn nứt, nhiều dị giáo đã ra đời trong lòng giáo pháp. Trong lần kiết tập này, đã có 62 quan điểm dị giáo của 17 tổ chức ly khai bị tẩn xuất khỏi Tăng già. Lịch sử ghi lại rằng, nếu không có sự ủng hộ tuyệt đối và người có quyền lực như hoàng đế Asoka thì không ai có thể làm được điều này. Thời kỳ này, chính nhờ sự ủng hộ về mặt vật chất của hoàng gia đối với Tăng chúng đã khiến cho những người của tôn giáo khác trà trộn vào chỉ nhằm để hưởng thụ. Tuy gia nhập vào Tăng già nhưng họ vẫn tuyên truyền giáo lý của họ. Vì thế, đã gây ra sự hỗn loạn về mặt tín ngưỡng cũng như hỗn loạn trong việc tổ chức Tăng già. Chính vì thế, các bậc Thánh tăng đã phải nhờ đức vua đứng ra tổ chức cuộc kiết tập lần này, và cũng chính vua Asoka ra lệnh tẩn xuất những ai không biết gì về giáo pháp đức Phật. Vua Asoka đã đem lại sự trong sạch cho Tăng đoàn.

Một điều quan trọng không kém nữa là sau khi kết thúc lần kiết tập thứ ba này, vua Asoka đã gởi nhiều phái đoàn đi khắp nơi để truyền bá chánh pháp như: Afghanistan, Pakistan, Iran, Srilanka, Burma, Syria...

Trong lịch sử phát triển của Phật giáo Ấn Độ, việc các vua chúa, hay các thành viên hoàng gia ủng hộ đã góp phần vào công cuộc truyền bá chánh pháp của đức Phật. Không nghi ngờ gì về việc ủng hộ này với việc phát triển của một tôn giáo. Tranh thủ sự ủng hộ của chính quyền đối với một tôn giáo luôn được lãnh đạo các tôn giáo quan tâm. Có được sự ủng hộ đó thì tôn giáo sẽ phát triển sâu rộng trong dân chúng dù là thời xưa hay thời nay đều như thế. Trong thời đại phát triển này, Phật giáo cũng có không ít thuận lợi để tự phát triển mình khi luôn nhận được sự hỗ trợ tích cực từ chính quyền. Vì thế, hoàng gia hay chính quyền có vai trò lớn trong việc phát triển tôn giáo.

Thích Huệ Pháp

Sách tham khảo:

1. Xã hội học Phật giáo; bản dịch Thích Huệ Pháp, Tp. HCM, 2010
2. A text book of the history of Theravada Buddhism, Delhi, 1995.



Vua Tần-bà-sa-la
kính lễ Đức Phật.



KHÁI NIỆM VỀ "THỂ DẠNG TRUNG GIAN" GIỮA CÁI CHẾT VÀ SỰ SINH TRONG PHẬT GIÁO

Hoang Phong



Tất cả mọi hiện tượng đều tương liên với nhau và biến đổi, không có một sự gián đoạn hay ngưng nghỉ nào, không có gì bất di cũng không có gì thêm vào, chỉ có nguyên nhân này sinh ra hậu quả kia, rồi hậu quả kia lại tạo ra nguyên nhân khác. Đó là cái nhìn của Phật giáo đối với tất cả các hiện tượng trong vũ trụ cũng như đối với sự sống và cái chết của từng cá thể.

Thế nhưng con người thường không chấp nhận quy luật biến đổi liên tục ấy của mọi hiện tượng và xem sự sinh là một biến cố mới mẻ đánh dấu một sự khởi đầu, cái chết là một sự chấm dứt hay xóa bỏ. Trên thực tế sự sinh không xảy ra một cách vô cơ mà cần phải có một nguyên nhân từ trước và hội đủ một số điều kiện nào đó. Mặt khác nếu sự sinh tạo ra các nguyên nhân và điều kiện cần thiết giúp cho cái chết có thể xảy ra, thì chính cái chết nhất định cũng tạo ra các nguyên nhân khác và các điều kiện khác giúp một sự sinh mới có thể hình thành. Quá trình diễn tiến của sự sinh đưa đến cái chết thì mọi người đều biết, thế nhưng quá trình của cái chết đưa đến sự sinh lại là một câu hỏi rất lớn, một "khoảng trống" khó nắm bắt.

Dựa vào các phương pháp quan sát, phân tích và các kỹ thuật thiền định, Tan-tra thừa, còn gọi là Kim cương thừa, ra sức tìm hiểu thật chi tiết các hiện tượng biến động xảy ra giữa hai biến cố trên đây, tức những gì xảy ra giữa cái chết và sự sinh của một cá thể. Hơn thế nữa Tan-tra thừa còn đưa ra các phép tu tập giúp chủ động được các thể dạng xảy ra trong các giai đoạn của quá trình đó để hướng chúng vào sự tu tập với mục đích "chặn đứng" hay "ngắt bỏ" quá trình của sự sinh để đạt được sự Giải thoát thật sự.

Một cách tổng quát đối với Phật giáo Đại thừa nói chung và nhất là đối với Tan-tra thừa, các hiện tượng xảy ra giữa "cái chết" và "sự sinh" được phân chia thành ba giai đoạn:

a) giai đoạn thuộc quá trình của cái chết: tức quá trình tan biến của thân xác và tâm thức thuộc kiếp sống hiện tại.

b) **Giai đoạn trung gian**: tiếng Phạn gọi là **Antarabhava**, tiếng Tây tạng gọi là **Bardo**: tức là giai đoạn

chuyển tiếp giữa quá trình trên đây và quá trình hình thành còn gọi là sự sinh xảy ra sau đó.

c) giai đoạn thuộc quá trình của sự sinh tức là quá trình diễn tiến của sự thụ thai và sự hình thành một cá thể thuộc vào kiếp sống sau.

Thể dạng trung gian còn gọi là **Trung hữu** hay **Trung ấm** là một hiện tượng cấu hợp, do đó nó cũng vô thường và sinh diệt như tất cả các hiện tượng khác. Tuy nhiên khái niệm về thể dạng Trung gian của các tông phái Phật giáo không hoàn toàn thống nhất. Sau đây là phần trình bày thật sơ lược vài nét chính về thể dạng trung gian đối với Phật giáo Nguyên thủy, Đại thừa nói chung và Tan-tra thừa.

A- Khái niệm về thể dạng trung gian đối với Phật giáo Nguyên thủy và Đại thừa

Phật giáo Nguyên thủy hay Theravada còn gọi là Phật giáo Nam tông không chấp nhận sự hiện hữu của thể dạng trung gian (*antarabhava*). Đối với Phật giáo Nguyên thủy, *dòng tiếp nối liên tục của tri thức* (continuum of consciousness) trực tiếp chuyển tải nghiệp của một cá thể từ cái chết sang sự sinh (thụ thai) không có sự gián đoạn nào tức không trải qua một thể dạng trung gian nào cả. Sự "chuyển tiếp" giữa thể dạng hiện hữu trước sau xảy ra rất nhanh chỉ trong khoảnh khắc của "một chớp mắt hay một tia chớp".

Tóm lại Phật giáo Nguyên thủy không quan tâm đến những gì xảy ra giữa cái chết và sự sinh. Có thể đây là một sự thiếu sót, vì khi quan sát và theo dõi diễn tiến của một cái chết bình thường, người ta thấy quá trình đó không xảy ra đột ngột như một "tia chớp", và đối với sự sinh thì các điều kiện thuận lợi giúp tinh trùng, noãn cầu và dòng tiếp nối liên tục của tri thức kết hợp với nhau không xảy ra trong "chớp mắt".

Khái niệm về thể dạng trung gian xuất hiện trước nhất trong học phái Nhất thiết hữu bộ (Sarvastivadin), khoảng ba trăm năm sau khi Đức Phật tịch diệt. Có thể tập *A-tì Đạt-ma Câu-xá luận* (*Abhidharmakosa*) do Thế thân (Vasubandhu - thế kỷ thứ III-IV) biên soạn là tập sách đầu tiên nêu lên khái niệm về thể dạng trung gian xảy ra giữa cái chết và sự sinh. Thể dạng này tương trưng bởi một sinh linh cấu tạo bằng "khí" và "tri thức" (consciousness), mang hình hài của cá thể mà nó sắp tái sinh và "sống" được bảy ngày. Sinh linh trong thể dạng trung gian ấy có thể nhận biết được các sinh linh cùng một thể loại với nó. Sau bảy ngày thì nguyên nhân của nghiệp bắt đầu "chín", sinh linh ở thể dạng trung gian trên đây sẽ chuyển sang thể dạng tái sinh trong những điều kiện phù hợp với nghiệp của nó.

Cũng theo học phái Nhất thiết hữu bộ, các sinh linh trong hai cõi dục giới và hình tướng đều phải trải qua một

thể dạng trung gian *antarabhava* giữa quá trình tan biến của cái chết và quá trình hình thành của sự sinh. Ngoài khái niệm về thể dạng trung gian trên đây do học phái Nhất thiết hữu bộ chủ trương, còn có thêm một học phái xưa khác là Tự ngã bộ (Pudgalavada) cũng chủ trương bắt buộc phải có một thể dạng trung gian chuyển tải dòng tiếp nối liên tục của tri thức từ một cá thể (pudgala) này sang một cá thể khác.

Trong số các tông phái Đại thừa, Duy thức học (Yogacara - Cittamatra) đặc biệt nghiên cứu và chú trọng đến thể dạng trung gian *antarabhava*. Học phái Duy thức nêu lên khái niệm về một "cơ sở" giữ vai trò "hỗ trợ" hay "chuyển tải" tri thức (consciousness) xuyên qua các thể dạng hiện hữu khác nhau. Cơ sở này chính là *a-lại-da thức* (*alayavijnana*). chuyển tải các vết hằn (tiếng Phạn: *vasana* - kinh sách tiếng Việt gọi là *tập khí*) của nghiệp và các chủng tử (tiếng Phạn: *bija*) tạo ra thể dạng tương lai của một cá thể. Tóm lại trên một khía cạnh nào đó có thể hiểu *a-lại-da thức* là *dòng tiếp nối liên tục của tri thức* (continuum of consciousness) của một cá thể, vận hành xuyên qua thể dạng trung gian. Tan-tra thừa "mô tả" các cơ sở chuyển tải trên đây dưới hình thức các "khí" cực tinh tế.

Vô trước (Asanga, thế kỷ thứ V) trong tập *A-tì Đạt-ma tập luận* (*Abhidharma-samuccaya*) cho biết trong trường hợp cái chết xảy đến với một người mang nhiều nghiệp tiêu cực nửa phần cơ thể bên trên của người này mất hơi ấm trước nhất, trái lại trong trường hợp cái chết xảy đến với một người đạo hạnh thì hơi ấm khởi sự suy giảm trước hết từ nửa phần bên dưới của cơ thể. Vô trước còn cho biết thêm "đối với người hung ác,

sinh linh trong thể dạng trung gian mang hình tướng một con bò mộng đen tuyền hoặc tương tự như bóng tối dày đặc, [trái lại] đối với người đạo hạnh [sinh linh trong thể dạng trung gian] sẽ giống như một tấm vải trắng hay ánh sáng trắng rạng rỡ" (trích trong tập *Abhidharmasamuccaya*, dựa theo bản dịch của W. Rahula). Sinh linh trong thể dạng trung gian "sống" bảy ngày, hoặc nhiều hơn, tuy nhiên cũng có thể "chết" trước thời hạn đó. Sinh linh này rất linh động vì không có chướng ngại nào ngăn cản được sự di chuyển của nó.

Sinh linh trong thể dạng trung gian "chết" đứng vào lúc hình thành sự thụ thai. Dục vọng, lòng mong muốn được tái sinh và sự bám víu vào một nơi chốn nào đó là những động cơ thúc đẩy các sinh linh trong giai đoạn trung gian đi tìm các điều kiện tái sinh phù hợp với nghiệp của mình. Thời điểm khi xảy ra sự sinh (thụ thai) đánh dấu sự chấm dứt của thể dạng trung gian và xác định sự thâm nhập của tri thức vào phôi vừa được hình thành. Cũng bắt đầu từ thời điểm trên đây phôi hàm chứa một tri thức mới, tượng trưng cho quả phát sinh từ nghiệp trong các kiếp trước. Thông thường thể dạng trung gian kéo dài 7 ngày, tối đa 49 ngày sau khi chết. Tuy nhiên theo sự tin tưởng của một số tông phái Phật giáo Nhật bản thời gian này có thể lên đến 77 ngày.

B- Thể dạng trung gian đối với Tan-tra thừa

Khái niệm về thể dạng trung gian được Tan-tra thừa và nhất là Tối thượng du-già Tan-tra nghiên cứu, tu tập và quảng bá rộng rãi. Tan-tra thừa sử dụng các phương pháp quan sát, phân tích và thiền định để tìm hiểu các hiện tượng liên quan đến quá trình của cái chết và sự sinh để ứng dụng vào việc tu tập. Cái chết theo Tan-tra thừa là một quá trình tan biến tuần tự của thân xác vật chất và tâm thức, các hiện tượng tan biến này được phân loại thành nhiều cấp bậc từ thô thiển đến tinh tế và cực tinh tế.

Sự tan biến thể xác có nghĩa là thân xác vẫn còn đó thể nhưng các thành phần vật chất tạo ra thể xác không còn

Gửi về Mẹ

*bao nhiêu bài thơ viết
chẳng nhắc đến mẹ hiền
vì sao? con chợt hiểu
-- vì tình mẹ vô biên!*

*vì tình mẹ vô biên
sưởi sống nào sánh nổi
lời con như thuyền nhỏ
trôi dạt biển nhân duyên*

*mẹ ơi, lòng mẹ rộng
mẹ ơi, tình mẹ sâu
phủ vẫy con huyền diệu
ấp ủ con nhiệm màu*

*sẻ chia con máu thịt
chăm chút tự bào thai
răng cắn mỗi, đau, mệt
tạo cho con hình hài*

*con học thi, mẹ thức
con lụy tình, mẹ đau
con vỡ vàng, mẹ khờ
con lo âu, mẹ rầu*

*những khi con vấp ngã
mẹ nâng con dịu dàng
con trôi ra biển cả
mẹ mắt lệ rửa ràn*

*con làm thân viễn xứ
mẹ mới mắt chờ tin
đêm tụng kinh, niệm chú
cầu cho con an bình*

*kiếp vô phần lưu lạc
khóc lẻ loi quê người
con điếng hồn, nuốt lệ
gửi về mẹ nụ cười.*

NGUYỄN THỊ MINH THỦY



hội đủ khả năng để “hỗ trợ” hay “chuyển tải” tâm thức nữa. Sự tan biến của tâm thức hay các thể dạng tâm thần có nghĩa là “khí lực” hay các loại “khí” mất dần khả năng “chuyển tải” các loại cảm nhận và khái niệm. Hai loại hiện tượng tan biến vật chất và tâm thần trên đây diễn tiến song hành với nhau: sự tan biến của các khả năng vật chất xảy ra cùng lúc với sự tan biến của các khả năng tâm thức. Sự tan biến hoàn toàn các khả năng của các thành phần vật chất và tâm thức đánh dấu sự chấm dứt của quá trình của cái chết, tức cái chết thực sự đã xảy ra.

Các hiện tượng tan biến trên đây không nhất thiết chỉ xảy ra trong quá trình của cái chết mà còn thường xuyên xảy ra trong cuộc sống thường nhật, chẳng hạn như khi chớp mắt để ngủ hay khi bất chợt rơi vào sự bất tỉnh. Vì thế khái niệm về thể dạng trung gian *antarabhava* không nhất thiết chỉ dùng để mô tả giai đoạn trung gian sau khi chết (post-mortem) mà còn dùng để chỉ định các sự biến đổi quan trọng khác của trí thức có thể xảy ra bất cứ lúc nào trong cuộc sống hàng ngày.

Tóm lại thể dạng trung gian chỉ định một giai đoạn “chuyển tiếp” không hề xác định một sự “chấm dứt” nào cả. Theo Tan-tra thừa việc tu tập cũng là một hành động liên tục, do đó phải lợi dụng bất cứ thể dạng tâm thức nào xảy ra trong các quá trình trên đây để làm hiển lộ “ánh sáng trong suốt” (tiếng Phạn: *prabhavasvara*, tiếng Tây tạng: *'od-gsal*) của tâm thức căn bản hay nguyên thủy. Vì thế các biến đổi quan trọng của trí thức trong giai đoạn trung gian được xem như các “dịp may” hay các “biến cố” thuận lợi giúp người tu tập có thể làm hiển lộ và trực tiếp cảm nhận thể dạng tự nhiên của ánh sáng trong suốt.

Sau đây là các khái niệm về thể dạng trung gian **bardo** theo các trường phái Tan-tra khác nhau:

Ninh-mã phái (Nyingmapa) là một trường phái xưa, xuất hiện rất sớm khi Phật giáo bắt đầu bành trướng ở Tây tạng vào khoảng thế kỷ thứ VIII-IX. Trường phái này nghiên cứu rất tỉ mỉ thể dạng bardo. Rất nhiều kinh sách thuộc chi phái Dzogchen trong Ninh-mã phái mô tả rất chi tiết về thể dạng trung gian này. Trong số các kinh sách vừa kể có một tập rất nổi tiếng là *Bar-do thos-grol*, còn viết là *Bardo thödol*, có nghĩa là “Giải thoát khỏi thể dạng trung gian bằng cách nghe”. Thế nhưng tập sách này khi được dịch sang nhiều thứ tiếng khác nhau lại thường mang tựa đề không trung thực với nguyên bản, chẳng hạn như “*Tử thư Tây tạng*”, “*Le livre de la mort tibétaine*”, “*The Tibetan book of the Dead*”, v.v..., cách dịch không chính xác này có thể gây ra hiểu lầm về nội dung của quyển sách.

Theo Phật giáo Tây tạng có tất cả sáu thể dạng trung gian, thế nhưng thường thì được gom lại thành bốn thể dạng như sau:

I- Thể dạng bardo tự nhiên của sự sống (tiếng Phạn: *jatyantarabhava*, tiếng Tây tạng: *skyes-gnas bar-do*): đó là giai đoạn khởi đầu từ giây phút thụ thai cho đến lúc hội đủ các điều kiện làm phát sinh ra cái chết.

Sở dĩ thể dạng bardo của sự sống giữ được tình trạng tương đối “ổn định” trong một khoảng thời gian nào

đó là nhờ vào những nghiệp làm phát sinh ra sự sống ấy vẫn còn bảo tồn được tiềm năng tác động của chúng để duy trì sự sống ấy trong một cõi thuộc sáu luân hồi. Nói một cách khác khi nào các nghiệp ô nhiễm làm phát sinh ra sự sống còn duy trì được một số hiệu năng thì khi ấy sự sống vẫn còn tiếp tục giữ được một sự tương tác thăng bằng nào đó để hiện hữu. Vì thế cũng nên hiểu rằng sự sống dưới thể dạng con người, tức thể dạng bardo của sự sống, đòi hỏi các nghiệp đang tác động phải bảo tồn được một tư thế kết hợp bền vững nào đó. Tư thế kết hợp và tương tác của vô số nghiệp tạo ra sự sống này rất mong manh, và vì lẽ rất mong manh nên sự sống đó thật quý giá. Đó là phương tiện tối cần thiết giúp một cá thể có thể đạt được sự Giác ngộ ngay trong kiếp nhân sinh này, hay trong thể dạng bardo của cái chết. Hoặc trong trường hợp kém may mắn hơn cá thể ấy ít ra cũng sẽ tái sinh trong những điều kiện thuận lợi để có thể tiếp tục tu tập trong kiếp sống sau.

Tình trạng trung gian bardo của sự sống có thể phân chia thành nhiều thể dạng khác nhau căn cứ vào tình trạng biến đổi của các thể dạng trí thức trong cuộc sống thường nhật, có tất cả ba thể dạng chính yếu như sau:

1- Thể dạng bardo tự nhiên (tiếng Phạn: *jatyantarabhava*, tiếng Tây tạng: *rang-bzhin-gyi bar-do*): là thể dạng trí thức tự nhiên trong lúc tỉnh, tức là ngoài các giấc ngủ.

2- Thể dạng bardo khi chiêm bao (tiếng Phạn: *svapanantarabhava*, tiếng Tây tạng: *rmi-lam bar-do*): là quá trình xảy ra lúc “chợp mắt” khi khởi sự ngủ, quá trình này tuy rất ngắn nhưng khá tương tự với quá trình của các hiện tượng tan biến khi xảy ra cái chết. Khi năm khả năng trí thức của giác cảm tan biến vào a-lại-da thức trong lúc vừa chợp mắt, ánh sáng trong suốt sẽ phát hiện. Thế nhưng quá trình đó diễn tiến quá nhanh khiến hầu hết những người không tu tập không thể nhận biết được và họ chìm vào giấc ngủ thật nhanh chóng ngay sau đó.

Một số người tu tập thiền định du-già có thể “dừng lại” trong ánh sáng trong suốt của giấc ngủ và biến giấc ngủ trở thành một thể dạng tâm thức rạng ngời. Đây cũng là một trong các phép tập luyện Tan-tra giúp họ lưu lại lâu dài hơn trong giai đoạn ánh sáng trong suốt khi quá trình của cái chết xảy đến với họ sau này.

Ngoài ra trên một khía cạnh nào đó giai đoạn ngủ ngủ trước khi tỉnh giấc cũng có thể xem như thể dạng bardo của sự hình thành. Trong một số trường hợp các giấc mơ hàm chứa các khí thật tinh tế giúp tâm thức hiển hiện dưới thể dạng “thân xác giấc mơ” (*corps de rêve - dreaming body*). Thân xác hiển hiện trong giấc mơ rất linh động có thể di chuyển đến bất cứ nơi nào. Các phép luyện tập du già giúp chủ động được những gì hiển hiện ra trong giấc mơ và phát huy được sự sáng suốt để quán nhận được bản chất ảo giác của những thứ ấy.

3- Thể dạng bardo khi thiên định (tiếng Phạn: *samadyantarabhava*, tiếng Tây tạng: *bsam-gtan bar-do*): là một thể dạng trí thức mang đặc tính trung gian giữa hai thể dạng khác nhau: một là thể dạng trí thức bình thường mang tính cách nhị nguyên và thô thiên trong lúc tỉnh và một là thể dạng hiển hiện của tánh không trong sáng và rạng ngời gọi là *rigpa* (tiếng Tây tạng *rig-pa*)

là ánh sáng trong suốt của trí tuệ nguyên thủy. Khả năng duy trì sự thăng bằng của thể dạng *rigpa* trong lúc thiền định và trong các giấc ngủ giúp người tu tập khi chết lưu lại lâu dài hơn trong thể dạng trong suốt của cái chết. Học phái Dzogchen đưa ra nhiều phép tu tập giúp phát triển khả năng lưu lại trong dòng chảy tự nhiên của *rigpa* nhằm mục đích tạo ra các điều kiện thuận lợi để tinh khiết hóa mọi sự nhận thức cũng như các xu hướng tiêu cực của nghiệp.

II- Thể dạng đầu đốn của bardo khi xảy ra cái chết (tiếng Phạn: *mumursantara-bhava*, tiếng Tây tạng: *'chikha'i bar-do*): là thể dạng bắt đầu từ lúc xảy ra các dấu hiệu không còn đảo ngược được của cái chết kéo dài cho đến hết giai đoạn hiển hiện của ánh sáng trong suốt căn bản. Toàn thể giai đoạn đầu đốn của bardo có thể xem là giai đoạn “hấp hối”, trong giai đoạn này các sự tan biến “bên trong” và “bên ngoài” tuần tự xảy ra đưa đến cái chết thật sự. Trong các trường hợp bất đắc kỳ tử giai đoạn này diễn tiến thật nhanh.

Sau đây là các hiện tượng tan biến của các thành phần thân xác và tâm thức cấu tạo một cá thể:

1- Sự tan biến của các thành phần cấu hợp thân xác:

Sự suy thoái tuần tự của bốn thành phần cấu hợp thân xác là đất, nước, lửa và khí tạo ra các hiện tượng hòa tan “bên ngoài”. Đồng thời với các sự tan biến đó, hệ thống kinh mạch và các “luân xa” (tiếng Phạn: *cakra*) cũng thoái hóa theo. Sự tan biến vật chất bên ngoài như vừa kể sẽ làm phát sinh các dấu hiệu “bên trong”:

1) Khi thành phần đất tan vào thành phần nước, thân xác trở nên nặng nề,

tay chân bùn rùn không cử động được nữa, người hấp hối có cảm giác thân xác nặng nề như bị lún sâu xuống đất. Thị giác suy thoái, hình ảnh do mắt ghi nhận trở nên mờ ảo. Dấu hiệu bên trong là sự cảm nhận các loại ảo ảnh.

2) Khi thành phần nước tan biến vào thành phần lửa, các chất lỏng của cơ thể chẳng hạn như nước miếng, các chất nhờn,... chảy ra ngoài và bị khô. Người hấp hối mất hết các cảm nhận xúc giác. Thính giác suy thoái không nghe được rõ. Dấu hiệu bên trong là sự cảm nhận một làn khói mỏng đang tỏa rộng.

3) Khi thành phần lửa tan vào thành phần khí, hơi ấm giảm xuống và tan biến, người hấp hối cảm thấy lạnh. Mọi sự nhận thức tan biến, mũi không ngửi thấy mùi. Dấu hiệu bên trong là các tia lửa bắn tung toé hay đom đóm bay loạn.

4) Khi thành phần khí tan vào không gian, hơi thở trở nên hỗn hển, khô khè, thờ hắt ra và sau cùng là ngưng thở. Mọi ý chí biến mất, lưỡi co rút lại và không còn cảm nhận được vị. Người hấp hối hoàn toàn không còn cảm nhận được mọi sự va chạm vào cơ thể. Dấu hiệu bên trong là sự cảm nhận một ngọn lửa của chiếc đèn dầu hay một ngọn nến đang bập bùng trước gió.

Các học phái Tan-tra xưa cho rằng vào thời điểm này máu huyết kết hợp lại và ba giọt máu chui vào kinh trung tâm tại vị trí tim, trong khi đó hơi thở ngắn dần và ngưng bật.

Khi hoàn toàn ngưng thở tim cũng ngưng đập. Đây là thời điểm đánh dấu cái chết xảy ra theo các “tiêu chuẩn y

(xem tiếp trang 10)

Một Trang Kinh Tuyệt Mỹ Hạnh Đạo Trí Sáng Ngời

(Cảm niệm Giác linh ĐLHT thượng HẠNH hạ ĐẠO, Viện chủ Chùa Phổ Đà, Thành viên Hội Đồng Chứng Minh GHPGVNTN Hoa Kỳ)

*Sự nghiệp hoằng pháp tạm xong rồi
Ôn về Phật quốc chốn thành thơi
Một đời độ chúng tròn bi nguyện
Ta bà tự tại vào ra thơi.*

*Du Tăng hành đạo tạo an đời
Chánh Pháp lan truyền khắp mọi nơi
Hợp hòa, giáo lý chung nguồn cội
Hạnh Đạo Tuệ-Tánh tỏa rạng ngời.*

*Tứ đại vô thường đà chi phôi
Ôn xả trần lao tợ mây trôi
Y vàng, bát ngọc truyền hậu bối
Nối tiếp truyền đăng gắng độ đời.*

*Chúng con Tăng-Tục lòng tiếc nuôi
Tâm Vân kính tiễn Giác linh Người
Chặng đường cứu khổ còn trông đợi
Cõi Phật viên dung Ôn đảo hồi.*

(Kính tiễn Giác linh Ôn về Phật quốc
Cảm tác tại Liên Hải Tịnh Thất, California
Mùa Báo Hiếu PL 2555)

SA MÔN THÍCH TÂM VÂN

Khê thủ



khoa” Tây phương. Thế nhưng theo Tan-tra thừa quả trình của cái chết vẫn còn đang tiếp diễn.

2- Các hiện tượng tan biến xảy ra sau khi các cấu hợp vật chất đã tan biến:

Sau khi các cấu hợp vật chất tan biến có nghĩa là mất hết khả năng chuyển tải tri thức thì các hiện tượng tan biến vẫn tiếp tục nhưng thuộc lãnh vực “bên trong”, liên quan đến các hiện tượng tinh tế của tri thức. Đồng thời với hiện tượng tan biến này phát hiện một cách tuần tự sự rạn nứt của căn bản của tâm thức. Các sự tan biến trên đây gồm ba giai đoạn:

a) *Giai đoạn bên ngoài* (tiếng Tây tạng: *snang-ba*) liên quan đến giọt (tiếng Phạn: *bindu*, tiếng Tây tạng: *thig-le*) bồ đề tâm màu trắng di chuyển từ đỉnh đầu xuống vị trí tim. Dấu hiệu bên trong là sự cảm nhận một màu trắng rực rỡ như ánh trắng vắng vạc của bầu trời mùa thu. Tiếp theo đó ba mươi ba thể dạng tư duy liên quan đến sự giận dữ cũng tan biến hết, trong số này có thể kể ra: sự buông bỏ các đối tượng của sự thèm khát, sự khổ đau, sự sợ hãi, các cảm giác như đói, khát, căn bản hiểu biết, sự xấu hổ, tình thương, v.v...

b) *Giai đoạn thăng tiến* (tiếng Tây tạng: *mched-pa*) liên quan đến sự di chuyển của giọt bồ đề tâm màu đỏ thuộc vị trí cơ quan sinh dục hay rốn ngược lên vị trí của tim. Dấu hiệu bên trong là sự cảm nhận một màu đỏ tương tự như lúc mặt trời lặn. Bốn mươi khái niệm nhận thức phát sinh từ dục vọng tan biến, trong số này có thể kể ra: sự thèm khát vật chất, hân hoan, kinh ngạc, cười, kiêu hãnh, tình bạn hữu, sự kết hợp vì yêu thương lẫn nhau, sự quyến rũ, đạo đức, sự can đảm, v.v...

c) *Giai đoạn thu đạt được* (tiếng Tây tạng: *thob-pa*) liên quan đến sự phối hợp giữa giọt trắng và giọt đỏ nơi vị trí của tim. Dấu hiệu bên trong là sự cảm nhận một bầu trời tâm tối và đen sẫm. Bảy khái niệm phát sinh từ vô minh bắt đầu tan biến, gồm có: sự thèm khát mãnh liệt, sự quên lãng, sự khinh miệt, sự cảm nín (mutisme), sự buồn bã, sự lười biếng, sự nghi ngờ, đây là bảy loại khái niệm phát sinh từ sự ngu đần. Sự tan biến đó tương trưng cho sự hòa tan của tri-thức-không-gian vào thể dạng ánh sáng căn bản rigpa, tương tự như bầu trời lúc rạng đông chan hòa sự rạng rỡ căn bản của cái chết. Kinh mạch trung tâm nơi vị trí tim được tháo gỡ đánh dấu thời điểm xảy ra cái chết thật sự.

Đối với một người tu tập cao thâm đã từng lưu lại một cách bền vững trong sự rạn rở tự nhiên của thể dạng rigpa và đã từng cảm nhận được “ánh sáng trong suốt con” trong những lúc tu tập khi còn sống sẽ nhận ra “ánh sáng trong suốt mẹ” của cái chết và hội nhập với ánh sáng đó, và nhờ đó sẽ đạt được pháp thân (dharmakaya) tức là tự giải thoát cho mình. Thể dạng trung gian bardo cũng sẽ chấm dứt đối với họ vào thời điểm này. Đối với những người không tu tập hoặc khả năng tu tập còn kém, sau khi cảm nhận được sự rạn rở rigpa sẽ nhanh chóng rơi vào một thể dạng vô thức, và tùy theo trường hợp thể dạng này có thể kéo dài lâu hay mau.

III- Thể dạng bardo của hiện thực tuyệt đối (tiếng Phạn: *dharmatantarabhava*, tiếng Tây tạng: *chos-*

nyid-kyi): là thể dạng khi cảm nhận được ánh sáng trong suốt căn bản của pháp thân (dharmakaya) trong lúc tri thức tan biến vào sự rạn rở. Đó là thể dạng tinh khiết và rạn rở của tâm thức nguyên thủy, tương tự như bầu trời quang đặng không một bóng mây. Theo các học phái Tan-tra xưa, thân xác của người chết bỗng chuyển động thật nhẹ và một giọt máu chảy ra từ lỗ mũi bên phải và một giọt trắng chảy ra khỏi đường bí hiểm (tức cơ quan sinh dục), thể dạng rạng ngời tự nhiên tức là rigpa bốc lên từ tim và thoát ra ngoài bằng cửa ngõ của hai mắt, đây là giai đoạn của ánh sáng trong suốt của ứng thân (sambhogakaya), giai đoạn này gồm có bốn sự tan biến.

1) Sự tan biến của không gian trong sự rạn rở (tiếng Tây tạng: nam-mkha' 'od-gsal-la thim-pa): trong giai đoạn này không còn lưu lại một sự vướng mắc vật chất nào thuộc thể dạng bên ngoài, tri thức “khoác lên” cho mình một hình tướng rạn rở, hiển hiện dưới hình dạng những tấm gương vóc óng ả, muôn màu và lấp lánh. Người tu tập nhận biết được các hiện tượng đó là những biểu hiện của chính mình và nhân đó tự giải thoát cho mình. Nếu không thành công sẽ chuyển sang thể dạng tan biến tiếp theo.

2) Sự tan biến của ánh sáng rạng ngời trong sự kết hợp (tiếng Tây tạng: 'od-gsal zung-'jug la thim): trong giai đoạn này nhiều bầu ánh sáng kết hợp lại và làm hiển lộ các mạn-đà-la (mandala) của các thân chư Phật gồm cả các chư Phật hung tợn và hiền hòa, trong khi đó các tiếng vang rền kinh khiếp nổi lên và ánh sáng tràn ngập không gian. Người tu tập không nên hốt hoảng và xem đây chỉ là những biểu hiện phát xuất từ chính mình. Trong giai đoạn này lần lượt phát hiện các mạn-đà-la của chư Phật như: Tỳ-lô Giá-na (Vairocana), Kim-cang Tát-đóa-A-súc Bệ Phật (Vajrasattva-Aksobhya), Nam Phật (Ratnasambhava), A-di-đà Phật (Amitabha), Ly-bố-uy Như lai (Amoghasiddhi), v.v... Từ nơi tim của người tu tập phát hiện các tia sáng rạng ngời chiếu thẳng vào tim của các thần linh phù trợ tức chư Phật trên đây, tuần tự từng vị một. Nếu người quá vắng đủ khả năng lưu lại thật bền vững trong một trong các thể dạng chư Phật tuần tự xuất hiện như vừa kể, thì vị Phật phù trợ ấy sẽ tan biến vào người quá vắng giúp cho người này đạt được sự Giác ngộ.

3) Sự tan biến của sự kết hợp vào trí tuệ (tiếng Tây tạng: zung-'jug ye-shes la thim): trong giai đoạn tan biến này nhiều tia sáng phát ra từ tim làm phát hiện sự quán thấy những tấm gương vóc phản chiếu như những tấm gương, các tấm gương màu trắng nằm vào vị trí bên dưới, sau đó là các tấm gương vóc màu vàng, màu đỏ và trên hết là màu xanh dương. Đây là các biểu hiện của sự “kết hợp của bốn thứ trí tuệ”. Trí tuệ tương trưng bằng màu xanh lá cây chưa hiển hiện vì đây là trí tuệ cao nhất gọi là trí tuệ hoàn thiện (viên mãn).

4) Sự tan biến của trí tuệ vào sự hiện diện đột khởi (tiếng Tây tạng: ye-shes lhun-grub-la thim): trong giai đoạn này các biểu hiện vừa kể trên đây kết hợp lại thành một cái tán (cái lọng) thật lớn. Phần bên trên là không gian tinh khiết của pháp thân, tương trưng bằng bầu trời trong sáng không mây, bên dưới là các thần

linh phù trợ hiền hòa và hung tợn biểu hiện của ứng thân (sambhogakaya), bên dưới là vùng tinh khiết tự nhiên của hóa thân (nirmanakaya), và sau cùng nơi vị trí thấp nhất là các biểu hiện ảo giác của sáu cõi luân hồi. Tuy nhiên đây chỉ là những biểu hiện bên ngoài của *Căn bản tâm thức nguyên thủy* của người quá vắng, liên quan đến *Căn bản của tám phương thức biểu hiện*. Người tu tập dựa vào khả năng tu tập từ trước có thể lưu lại vững vàng trong thể dạng đó với tất cả sự tự tin và sẽ đạt được sự Giải thoát. Tám phương thức biểu hiện sẽ tan biến vào sự tinh khiết nguyên thủy làm hiển lộ pháp thân (dharmakaya).

IV- Thể dạng bardo của sự hình thành (tiếng Phạn: *bhavantarabhava*, tiếng Tây tạng: *srid-pa bar-do*): Đây là thể dạng thông thường xảy ra đối với tất cả mọi người không tu tập hoặc có tu tập nhưng không đủ khả năng khai thác được các thể dạng diễn tiến quá nhanh trên đây để đạt được sự Giải thoát. Những người này phải trải qua quá trình hình thành, tức quá trình đảo ngược với quá trình tan biến đã được mô tả trên đây và phải mang một thân bardo (tiếng Phạn: *antarabhavavayukaya*, tiếng Tây tạng: *bar-do'i rlung-lus*, tiếng Việt: thân trung hữu), gồm có khí tinh tế phối hợp với tri thức. Có thể xem thân bardo hay trung hữu là một **sinh linh hàm chứa các khả năng giác cảm** tức có thể nhận biết và di chuyển khắp mọi nơi không bị một sự ngăn cản nào, các biểu hiện của nó tương tự như những ảo giác phát sinh trong giấc mơ. Người tu tập quá vắng có thể nhân cơ hội này để đạt được sự Giải thoát qua một trong sáu lãnh vực tinh khiết của hoá thân (nirmanakaya). Thể dạng bardo sẽ chấm dứt ngay sau đó.

Đối với những người không tu tập, tâm thức hỗn loạn phục hồi nhanh chóng và đủ mọi thứ tư duy và hình ảnh phát sinh từ xung năng của nghiệp hiển hiện trở lại. Người quá vắng cảm biết được mình đã chết khiến họ rất đau khổ, nhất là biết mình không còn khả năng giao tiếp và trao đổi với người sống và khi nhìn thấy họ thờ ơ với mình. Các sinh linh trong thể dạng bardo có thể di chuyển đến bất cứ nơi nào với tốc độ của sự suy nghĩ, trừ ra nơi chốn sẽ xảy ra sự tái sinh của mình. Cách sinh linh này sống bằng mùi bốc ra từ thực phẩm mà người sống cúng dường cho họ và thường xuyên bị giao động bởi ảnh hưởng tác động của mọi thứ nghiệp, họ bị chao đảo như “*một cái lông chim bị gió thổi tung*”. Các sinh linh này có thể gặp nhau và nhận biết ra nhau, đồng thời cũng họ cũng gặp các sinh linh thuộc các cõi

khác, chẳng hạn như cõi naga quỷ (quỷ đói). Họ không tìm thấy một nơi nào có thể giúp họ dung thân, tâm thức họ luôn bất an, bị chấn động bởi mọi thứ xúc cảm.

Các xung năng của nghiệp có thể tạo ra những cảnh tượng khiếp đảm, chẳng hạn như các vực sâu màu đỏ, màu trắng hay đen, cảnh bị quỷ dữ đuổi bắt, mưa đá, thú dữ... Trong từng mỗi giai đoạn kéo dài bảy ngày, bốn thành phần cấu hợp sẽ tạo ra bốn loại khiếp đảm tương trưng bởi các cảnh tượng: núi non sụp lở (thành phần đất), bị cuốn trôi trong các dòng thác hung hãn (nước), rơi trong than hồng và lửa đỏ (thành phần lửa) và những nỗi khổ đau mênh mông (khí). Do đó các sinh linh trong thể dạng bardo cũng phải trải qua các quá trình tan biến và hình thành tương tự như cái chết và sự sinh, tuy nhiên các hiện tượng này hoàn toàn thuộc lãnh vực tâm thần. Người sống có thể giúp đỡ các sinh linh đang vướng mắc trong thể dạng bardo hướng vào sự tái sinh với các điều kiện thuận lợi bằng cách hồi hướng công đức của mình cho họ.

Hiện tượng tái sinh xảy ra như sau: sinh linh trong thể dạng bardo bị thu hút bởi hình ảnh của cha và mẹ mình trong tương lai đang giao hợp. Nếu sinh linh bardo sẽ tái sinh dưới thể dạng nam tính, họ sẽ bị thu hút và phát lộ sự thèm khát mãnh liệt đối với người mẹ tương lai của mình, và ngược lại nếu sinh linh bardo sẽ tái sinh dưới thể dạng nữ tính sẽ phát lộ sự thèm muốn đối với người cha tương lai của mình. Sinh linh bardo bị hút vào điểm giao hợp và đồng thời xảy ra hiện tượng kết hợp hai giọt trắng và đỏ, tri thức bị ép chặt vào giữa hai giọt. Quá trình đảo ngược với quá trình tan biến của cái chết tiếp tục diễn tiến thêm góp phần vào sự hình thành một cá thể. Đồng thời với sự diễn tiến của quá trình hình thành trên đây các kinh mạch, luân xa (cakra) và khí cũng được thành lập.

Đầu sao cũng cần ghi chú thêm là cách mô tả các thể dạng bardo của các học phái Tan-tra xưa (như đã được trình bày sơ lược trên đây) và của các học phái Tan-tra mới đại diện bởi Tối thượng du-già Tan-tra có một số khác biệt trên chi tiết. Tuy nhiên sự khác biệt quan đáng ghi nhận hơn hết chỉ thuộc vào lãnh vực thực hành tức là các phép tu tập nhiều hơn, nhất là đối với Tối thượng du-già Tan-tra.

Bures-Sur-Yvette, 26.01.11
Hoang Phong

Kính tiễn Giác linh Ôn Hạnh Đạo

Thong dong cánh hạc về Tây
Ôn đi như huyền gió mây vô thường
Thất pháp tài quyền khói hương
Ngàn thu vô tịch chơn thường Phật tâm.

BẠCH XUÂN PHÊ



TRẦM HƯƠNG

Thích Nữ Giới Định

"*Nguyện soi sáng trần gian bằng tuệ giác
Nguyện vào đời bằng sữa ngọt từ bi
Mang hành trang lục độ để vào đời
Gieo ánh sáng đạo vàng cho nhân thế.*"

Chư Phật ra đời vì một đại sự nhân duyên "Khai thị chúng sanh nhập Phật tri kiến", chư Bồ Tát hóa thân ở đời vì lợi ích nhân sanh mà tùy duyên hóa độ. Các bậc Thầy Tổ vì hạnh nguyện "tiếp dẫn hậu lai báo Phật ân đức" nên đã không quản ngại khổ nhọc, không sợ rày đây mai đó, màn trời chiếu đất, dẫn thân trên mọi nẻo đường, đem chánh pháp soi rọi giữa chốn nhân gian nhiều khổ lụy. Có những vị trên con đường đi giáo hóa khắp các tiểu bang bằng xe buýt, những chuyến xe đêm âm thầm lặng lẽ, không tiền hô hậu ủng, không người đưa đón, chỉ một thân một mình không cần ai biết đến, không phở trương bằng cấp chức vị. Mỗi vị một hạnh, mỗi vị một nguyện, nhưng cùng một mục đích duy nhất là làm lợi lạc cho chúng sanh, mong sao mọi người bớt đi khổ não, được an lạc trong hiện tại và tương lai.

Sáng ngày 30 tháng 6 năm 2011 sau khi làm lễ tự tứ tại trường hạ Phật học viện Quốc tế xong, Hòa thượng viện chủ chùa Bát Nhã và Tăng Ni của chùa ra đánh lễ đại tăng phát đại nguyện năm 2012 cùng thỉnh chư tôn đức Tăng Ni trong GHPGVNTHHK an cư tại trụ xứ chùa Bát Nhã thành phố Santa Ana. Biết ý nguyện của Tôn sư hàng đệ tử hết sức lo lắng, vì biết hoàn cảnh chùa nhỏ hẹp, chỗ ăn chỗ ngủ chưa đầy đủ, mọi phương tiện đều thiếu thốn... nhưng với tấm lòng bao la Tôn sư đã dạy "Thâm tín chư Phật giai sung mãn" nên các huynh đệ đều "Y giáo phụng hành".

Về đến chùa một buổi họp sơ khởi được diễn ra, vì thời gian rất ngắn chỉ có 11 ngày phải hoàn tất rất nhiều công tác, chư Phật tử rất hoan hỷ khi biết bốn nguyện của Tôn sư, tất cả đều vui mừng. Đây là mùa hạ đầu tiên, làm nền tảng cho những mùa hạ kế tiếp. Bắt tay vào công việc mọi việc không đơn giản, chỗ nào để chư Tăng nghỉ, chỗ nào cho chư Ni lưu trú, trai đường ở đâu, chánh điện chùa nhỏ hẹp làm sao đủ không gian cho đại chúng tọa thiền, tụng kinh đêm ngày sáu thời? Sau những ý kiến thảo luận sôi nổi, cuối cùng phải mượn những căn lều của Phật học viện Quốc tế làm nhà quá đường, đoàn quán gia đình Phật tử và khu nhà mới làm Ni xá, chư Tăng ở trong thư viện và trên gác, như vậy cũng tạm ổn. Thượng tọa trụ trì Phật học viện Quốc tế rất hoan hỷ, sẵn sàng chia sẻ những khó khăn với bốn tự, đã cho mượn một căn lều và rất nhiều tấm nệm để hành giả có nơi ngủ nghỉ. Hoà thượng trụ trì chùa Huệ Quang cũng phát bồ đề tâm cho chùa Bát Nhã mượn nhiều giường tầng và rất nhiều bình bát.

Kể đến là ban ẩm thực; khâu này rất quan trọng vì "Có thực mới vực được đạo". Nghe Hòa thượng trình bày Phật sự nhiều Phật tử liền phát nguyện hằng ngày cúng dường thức ăn cho đại

chúng. Mọi việc tưởng khó khăn nhưng nhờ sự thành tâm khẩn thiết của đại chúng nên đã cảm ứng đến chư thiên long bát bộ, chư vị đã mật thù gia hộ nên bước đầu rất thuận tiện. Tăng Ni và quý Phật tử đều cố gắng làm việc, tay trong tay, chung một lòng tiếp sức cùng đường tịnh tài tịnh vật để chung lo Phật sự với Hòa thượng Viện chủ. Đoàn quán gia đình Phật tử được quý thầy trong ban trần thiết khéo léo làm thành một dãy nhà có thể dung chứa được 30 vị. Những tấm ni lông màu xanh được kéo lên, ở bên ngoài nhìn vào như một cái thùng khổng lồ. Trời nóng như thế này làm sao ở nổi! Đó là nỗi lo lắng băn khoăn của Hòa thượng. Có nhiều đêm Ngài đi ra lại đi vào, nhìn chỗ này lo chỗ kia, sợ không đầy đủ phương tiện, chúng bệnh, chúng đau thì đạo tràng không an ổn. Nhưng tâm thành "Cảm ứng đạo giao nan tư nghị", thay vì thời tiết rất nóng như đài khí tượng đã cho biết nhưng sau đó thông báo không khí thay đổi sẽ mát dịu trong những ngày kế tiếp, thật là màu nhiệm, màu nhiệm.

Hơn 80 hành giả cùng chung lo tu học, niệm Phật kinh hành, tọa thiền, quá đường... chư tôn đức chia sẻ những kinh nghiệm thành tựu hay thất bại, niềm vui nỗi buồn mà quý Ngài đã kinh qua để nhắc nhở bốn phận của một người xuất gia là "Phát túc siêu phượng, tâm hình dị tục, thiệu long Thánh chủng, chấn nhiếp ma quân, dụng báo tứ ân bạt tế tam hữu..." Điều quan trọng hơn là không tự đánh mất mình, quên mất tâm bồ đề, quên sơ tâm lúc mới xuất gia và sách tấn chư Tăng Ni có cái nhìn mới trong xã hội mới để hòa nhập nhưng không hoà tan, không đánh mất mình và luôn dẫn thân trên con đường "Tác Như lai sứ hành Như lai sự" để có thay chư tôn đức giáo phẩm đã niên cao lập trường trong nhiều công tác Phật sự của giáo hội; có như vậy mới không cô phụ thâm ân của chư thầy tổ tại quê nhà và hiện tại chư vị ân sư đã dang rộng đôi tay tiếp nhận cho Tăng Ni có đủ giấy tờ hợp pháp, chân tu thật học ở lại hành đạo trên đất Hoa Kỳ này. Những lời dạy bảo ân cần tha thiết, quý Ngài đã nói bằng cả tấm lòng, cả con tim chúng ta những người thọ ân làm sao không có những bản khoăn trần trở khi "Tre sắp tàn mà măng chưa mọc"!

Trường hạ chùa Bát Nhã không giống các trường hạ khác: tất cả mọi hành giả đều tập trung vào việc tu tập nhiều hơn là nghe thuyết pháp và thảo luận. Theo lời thỉnh cầu của Hòa thượng Viện chủ, nhờ "đức chúng như hải", đại chúng khai kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa trì tụng để cầu nguyện cho đại nguyện xây cất ngôi chánh điện chùa Bát Nhã sớm được thành tựu viên mãn. Thời kinh Lăng Nghiêm trầm ấm buổi khuya nghe như tiếng hải triều âm vang vọng oai hùng êm đềm trong cảnh tịch mịch đêm trường, để đưa tâm hành giả vào chánh định cảm nhận được pháp lạc vô biên. Diệu Pháp Liên Hoa buổi chiều như những bông sen đang từ từ hé nở khi đêm về thanh khiết, hiển dương cho đời những làn gió mát thanh lương xoa dịu nhiều đau thương và làm cho mỗi hành giả nhận ra được chân tâm Phật tánh của chính mình.

Cảnh Giới Nào Mẹ Vẫn Vô Cùng

Lưng Mẹ oằn trăm linh một tuổi,
Bước chập chờn nẻo cuối chiều hôm
Báo thân, trái chủ bồn chồn
Vẫn vương máu thịt đập dồn tình thâm

Vẫn biết đời mệnh mông *bể khổ*
Lẽ tử sinh muôn thuở lẽ thường
Mà sao cuối nẻo yêu thương
Lòng con như thể đoạn trường mẹ ơi!

Giữa mệnh mông đất trời con khẩn

Cảnh giới nào Mẹ vẫn vô cùng

Mẹ nay tôn Phật tại đường

Phật sau bóng Mẹ mười phương con nguyện

Gương thủ tiết một thuyền chèo chống
Lưng Mẹ oằn một nắng hai sương
Mẹ là vô lượng tình thương
Lòng con tắc cổ sao lường biển khơi?

Xin chư Phật khắp trời gia hộ

Mẹ kiên tâm *Tịnh Độ* cõi về

Thân tử đại trà bến mẹ

Mẹ là *bờ giác* là quê vĩnh hằng.

VỖ Y

* *In nghiêng*: từ Phật giáo



Đặc biệt trường hạ có mở các đàn truyền thọ Tam quy Ngũ giới, Thập thiện giới, Bát quan trai giới, Bồ tát giới và Tỷ kheo ni giới. Các giới tử tùy sự phát tâm lãnh thọ giới pháp mà được giới thể triêm thân, làm thêm thang bước lên quả vị giải thoát.

Chín ngày hạ đã đi qua thật nhanh, khép lại bằng một buổi văn nghệ hết sức hào hứng, vui nhộn. Các Tăng Ni trong nhiều vai đặc sắc khéo léo, nhiều tiếng hát câu hò đi vào lòng đại chúng giúp cho buổi chia tay vui hơn, khiến mọi người đều hẹn sẽ gặp nhau trong mùa hạ sang năm cùng tu học cùng hành đạo để phát triển Phật giáo trên vùng đất mới này.

Niềm vui thật khó tả khi mọi người đều cùng chung lo tu lo học, đây là một mùa hạ thí nghiệm nhưng kết quả rất tốt khiến Hòa thượng Viện chủ mừng đến chảy nước mắt. Tăng Ni ở Santa Ana và các tiểu bang khác không ai mà không biết chùa Bát Nhã, tuy nhỏ bé khiêm tốn nhưng tấm lòng của Hoà thượng Viện chủ thì như đại dương sâu thẳm, Ngài đã cứu mang hàng trăm tăng Ni khi cần Ngài giúp, không phân biệt môn phái, địa phương, hệ phái, giúp cho nhiều vị có thể xanh ở lại hành đạo trên các tiểu

bang Hoa Kỳ. Đặc biệt chư Hòa thượng những ngày cuối đời cũng được Hòa thượng cung thỉnh về chùa tịnh dưỡng và lo hậu sự khi các Ngài viên tịch, hạnh nguyện như vậy khó có ai làm được.

Kiết hạ an cư là một bốn phận không thể thiếu của người Tăng sĩ, dù bất cứ ở chỗ nào tùy hoàn cảnh quốc độ mà chúng ta phụng trì. Có thực hành được như vậy thì Phật Pháp mới trường cửu ở thế gian này như hai câu thơ trang trí ở nhà quá đường chùa Bát Nhã: "Kiết hạ để nghiêm trì tịnh giới thành tựu pháp thân, An cư để trường dưỡng tình thương cứu giúp muôn loài."

Hạ đã khép lại rồi, nhưng âm vang tịnh thanh, trường dưỡng đạo lực giúp hành giả có đôi chân vững chãi hơn, có trái tim rộng mở hơn trên lộ trình ngược dòng sanh tử, tìm về bến giác. Nhân mùa Vu Lan hiểu hạnh kính dâng tâm thành lên mười phương chư Phật xin chúc nguyện Phật Pháp trường tồn, Chánh Pháp cứu trụ, Tăng già hòa hợp và hết thầy cha mẹ trong mười phương pháp giới, vạn loại chúng sanh người sống được bình an hạnh phúc người quá vãng siêu sanh liên đài tịnh cảnh và tất cả chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.



Tay cầm theo quyển sách cũ đã ố vàng ba gửi từ Việt Nam qua, con bước ra vườn sau nhờ cơn gió cuối hạ hong khô mái tóc ướt dài. Rảo bước quanh vườn để biết rằng cỏ cây đã lớn. Giàn nho con trông mấy năm giờ mới bắt đầu xum xuê từng chùm xanh xắn, nếp sau những tầng lá xanh um trông thật dễ thương. Quanh vườn rực rỡ nhiều sắc hoa đủ loại như thể mùa xuân chưa bao giờ tàn. Con ngồi trên bậc thềm cạnh bụi hồng đỏ thắm, thả hồn theo gió chiều thoảng nhẹ hương hoa. Thăm cô vừa mới cắt cũng ngan ngát quyện vào không gian ấm nắng của buổi chiều cuối hạ. Thỉnh thoảng có tiếng chim riu rít gọi bầy. Cành lá lao xao, hoa quả cười khúc khích. Tiết trời se lạnh. Vài sợi tóc nghịch ngợm lòa xòa vì gợn gió heo may. Từng ngón tay mân mê luồn vào kẽ tóc. Sợi ngắn sợi dài đưa tâm trí bỗng bèn về với một quá khứ không thể nào quên...

Ngày xưa có một bà mẹ trẻ tóc dài đến tận thắt lưng, tay dắt theo một đứa bé gái khoảng 8 tuổi bước vào cổng chùa. Người mẹ chấp tay cung kính chào vị sư áo nâu. Sư đáp lễ với cùng một cử chỉ. Lời người lớn nói chuyện với nhau cô bé không để ý hiểu. Mẹ lặng lẽ theo vị sư vào trong, bé gái ở lại ngoài sân vui chơi cùng chú diều. Một lúc lâu sau, người mẹ trở ra, đứa bé vô tư hờ hững nắm tay mẹ tung tăng ra về, không quên vẫy tay chào tạm biệt chú diều. Trái tim ngây thơ của bé gái làm sao có thể thấu hiểu được ý nghĩa của lần đó đến chùa, cũng như cô bé quá nhỏ để ngược nhìn chiếc khăn chít trên đầu mẹ thay cho mái tóc mượt dài vừa buông xuống vì đắng sinh thành của mẹ. Sau nhiều tháng bất lực nhìn cha đau đớn trên giường bệnh ở tuổi tám mươi mà không có thuốc trị, mà hai dòng nước mắt của người con hiếu thảo không thể chuyển hóa được cơn đau của cha, mẹ quyết định buông bỏ sợi tóc thề, cầu mong hồng ân chư phật níu kéo thời gian cha còn trên trần thế, như níu kéo một tình thương duy nhất mà người mẹ trẻ có được trên đời...

Sau lần đó, ông sống thêm được bốn năm. Trong bốn năm ấy, mái tóc cô bé ngày một dài thêm và thật đẹp vì được mẹ chăm sóc thật kỹ mỗi ngày. Mẹ muốn mái tóc cô bé giống mái tóc mẹ ngày xưa. Ai cũng khen mái tóc cô bé đen nhánh mượt mà. Mẹ nấu trái bồ kết gội đầu cho cô bé, mỗi ngày hai bận sáng chiều mẹ chải tóc vuốt ve. Mỗi lần như thế cô bé ngây thơ hỏi mái tóc dài của mẹ đâu, "ông sư lấy tóc mẹ làm gì". Những lần hỏi, cô bé chỉ thấy đôi môi mẹ mím cười mà không hề thấy đôi mắt mẹ long lanh những giọt buồn u uẩn, như cố nén cho lệ chảy ngược vào trong.

Mẹ nhìn bé như nhìn lại hình ảnh của người ngày xưa. Cô bé làm sao hiểu được tâm tình của mẹ khi cô chỉ mới biết nhìn đời với đôi mắt vô tư, để rồi khi lớn lên mà tâm hồn cô vẫn còn non nớt dại khờ chưa biết nghĩ suy. Rồi ở tuổi mới lớn, cấp sách đến trường, nghe theo bạn bè cô cắt mái tóc xanh. Đôi mắt mẹ từ đó buồn xa xăm. Tâm hồn cô vẫn luôn hồn nhiên, ngây ngô quá đến nỗi chẳng nhận ra sự đổi thay gì, nên không biết xin lỗi, cũng chẳng biết an ủi mẹ một lời. Cô bé hai buổi đi-về trong im lặng, vô tư. Ba yêu mẹ thương con nên làm người hòa giải. Ba thay cô an ủi mẹ, nói rằng mái tóc con gái mình rồi lại dài ra. Ba biết là mẹ rất rõ sự vô thường của một kiếp sống, hưởng chi là những sợi tóc nãi phiến kia mẹ đã từng buông bỏ, nên

ba biết là mẹ không phải giận hờn gì đứa con gái giống mẹ nhất trong ba chị em, mà, mẹ chỉ buồn vì nhớ lại cái ngày mà mẹ xuống tóc, nhờ ông ngoại. Ba bảo rằng mẹ không giận con, chỉ vì con không hiểu được ý lòng của mẹ mỗi khi mẹ chăm sóc mái tóc của cô, từ đó dẫn đến hành động vô ý của mình, rồi chạm đến nỗi buồn đau của mẹ năm xưa khi ông mất. Ba khuyên nhủ, phân tích cho cô hiểu tâm tư mẹ để cô nhận rõ lỗi lầm: lỗi tư ý cắt tóc mà không xin phép ba hoặc mẹ. Nhờ ba, cô mới hiểu được ý nghĩa của hai hàng nước mắt ấy. Một bên mẹ khóc vì sớm mất bà khi mẹ chưa tròn mười lăm, một bên mẹ khóc vì vừa mới mất ông, chỉ vì nghèo không tiền chữa trị... Kể từ đó cô cố gắng học giỏi để mong chuộc lại lỗi ngày qua. Cô mong sao cho thời gian trôi qua thật nhanh để mái tóc chóng dài như cũ...

Rồi mái tóc cũng dài ra, dài theo dòng đời xuôi chảy. Lỗi lầm xưa lui dần vào dĩ vãng. Cho đến nay đã mười lăm năm trôi qua mà mẹ chưa một lần nhắc lại lỗi của con. Bao lần mái tóc dài thêm, con đắn đo khi muốn cắt. Tóc rụng rơi vương vãi trên nền, nhắc nhở một thời khi tuổi còn vụng dại...

Dưới bóng hoàng hôn nơi đất khách, đứa bé ngày xưa bây giờ ngồi đây tự sám hối lỗi lầm cho một thời vô tư đến nỗi vô tâm...

Có hạt bụi nào rơi vào khoé mắt không mà sao con thấy xốn xang quá. Lúc đưa tay vuốt lại mái tóc đã khô, để chắc rằng tóc xưa còn đó, con giặt mình bởi cảm giác đau nhói nơi cánh tay, thì ra con chạm phải gai hoa hồng. Một chấm ấn hồng, rướm máu, sắc đỏ tươi như màu đỏ của đoá hồng sáng nay con cài trên ngực áo...

Gió lật từng trang sách, như thể tìm kiếm điều gì bí ẩn bên trong. Một tờ giấy rơi ra. Con lặng người trong giây phút. "Con thương, ...". Ngửa mặt nhìn trời để cố ngăn nước mắt chảy xuôi. Bên lưng trời, bầy chim về muộn vỗ cánh qua những áng mây hồng, để lại giữa hoàng hôn những đường nét thiêng liêng vô tận...

"Nước biển mênh mông không đong đầy tình Mẹ

Mây trời lồng lộng không phủ kín công Cha"

Quyển sách trên tay con vẫn chưa kịp đọc. Gió đêm làm lạnh vai gầy. Ôm siết sách vào lòng mà cảm nghe được hơi ấm của hai đấng sinh thành dưỡng dục chạy thâu vào tim. Nỗi nhớ thương và lòng thành sám hối xin hướng vọng về cho Người đang ở tận phương trời xa xăm...

Ngoài song cửa, ánh trăng thượng huyền cũng vừa mới nhú sau những vệt mây đêm, lung linh soi xuống vườn một vầng sáng thật dịu hiền như tình Mẹ. Màn đêm dày đặc những vì sao. Và Ba là một trong những vì sao trên ấy.

Phút giây ngửa mặt nhìn giải ngân hà lấp lánh, chợt nhớ mấy câu thơ con đã làm từ rất lâu, rồi lẩm nhẩm như lời con đang khẩn nguyện.

Nhấp nháy trong con niềm khao khát
Bao muện phiến vật và chảy về con...

Toronto, Mùa Vu Lan...



Lâu rồi ý niệm của câu tục ngữ Rằm tháng Bảy, kẻ quỷ người không vẫn cứ in sâu trong lòng tôi. Tôi vẫn còn nhớ lúc cuộc sống khổ khó, tôi đã từng nghĩ, ừ thì mình có thì mình có mâm lễ, còn không thì năm ba cây hương cũng được. Rồi cũng qua chuyện cúng kiếng, lễ bái.

Thế nhưng, trong tôi mãi vọng lên điệu kinh cầu về Rằm tháng Bảy. Đây là mùa báo hiếu của các Phật tử, của những người con đối với mẹ cha. Mục Kiền Liên là hiện thân của người con hiếu thảo. Trước tội lỗi của mẹ, Ngài có oán trách đâu. Chỉ có lòng nguyện cầu xin lượng hải hà vô biên của Bồ tát, cứu vớt linh hồn mẹ. Trong tôi cầu mong đạo hiếu của Mục Kiền Liên soi rọi tâm hồn mình để ứng xử với cha mẹ, tiên tổ, với những tiền nhân sao cho phải.

Tôi cũng được biết thêm cách hiểu khác như là tâm niệm của nhân gian về Rằm tháng Bảy. Đó là dịp xá tội vong nhân. Không cần biết người đã mất là ai, là kẻ thế nào, chỉ biết đó là hồn oan của những người đã mất, những hồn tìm sự an bình trong sự cầu an của người trần thế. Tôi cũng từng nghe bà nội tôi kể chuyện cúng cô hồn Rằm tháng Bảy là cúng các hồn không nơi nương tựa, cúng hồn đói cái ăn - cái ăn bởi kinh bởi kệ. Người đã chết, dù có tội, ít ra đến Rằm tháng Bảy cũng được xá tội, mong được bình an nơi cõi phúc. Trước mắt tôi là những hồn ma vất vưởng xếp thành hàng. Họ đi, đi âm thầm, mong được xá tội. Trong tôi hiện lên những hình ảnh của những hồn trong "Văn chiêu hồn" của Nguyễn Du. Có thể họ là những kẻ đâm thuê chém mướn, cũng có thể họ là kẻ cướp vợ đoạt chồng kẻ khác, có khi họ đối dưới lừa trên, cũng có khi họ là kẻ có chức có quyền cướp đất cướp ruộng của dân. Cũng có khi, họ là kẻ tranh chức đoạt quyền, cũng có khi là kẻ buôn thần bán thánh... Nói chung, các hồn ma đều mong được ân xá. Trong tiếng cầu nguyện của người đang sống, trong trầm hương của Rằm tháng Bảy, tôi thấy các hồn ma như được hồi tâm. Họ thực sự ăn năn hối lỗi. Tôi như thấy các hồn đang nguyện xin được xá tội. Duy không thấy được hồn của những kẻ bán nước cầu vinh. Tôi bỗng thấy hồn của Trần Ích Tắc, Lê Chiêu Thống ở đâu. Nghe đâu bọn chúng đang chịu hình phạt ở hoả ngục, phải "khóc lóc nguyền rủa đời đời" (Kinh Thánh). Thảm thay! Tội nghiệp thay!

Bất chợt trong tôi cũng hiện lên hình ảnh những con người thực ở cõi đời, họ cũng thiếu ăn, thiếu gạo, thiếu muối trong những ngày giáp hạt, trong những lúc bão lũ, thiên tai...Này đây là hình ảnh còm xương của bao trẻ, bao dân lành miền núi thêm hơi muối, chút cơm. Này đây là những bàn tay gờ ra đón nhận gói mì tôm, chai nước. Này đây là cái chết oan khiên khi qua con suối, bờ nương... Họ làm gì nên tội mà phải đói khổ ở cõi trần? Họ làm gì nên tội mà phải chịu thay cho tội, cho bạn?

Cũng về Rằm tháng Bảy, tôi quên làm sao được những lời của thầy tôi nói về thời cuộc, khi tôi học lớp 8 năm học 1969 - 1970 ở trường Đồng Giang, rằng Rằm tháng Bảy là lễ giỗ những người chết trận. Lúc đó tôi lơ mơ hiểu rằng đã là người chết trận là phải được người đời sau làm lễ tưởng nhớ ghi ơn sự hy sinh của họ. Tôi nhớ lại lời kể của thầy, rằng, nước ta có thời bị chia cắt làm hai, lấy sông Gianh làm giới tuyến. Nhưng binh lính tử trận của cả hai bên đều được đời sau hương khói. Tôi nghe lời thầy, rằng như thế mới hợp đạo làm người. Rằng tiền nhân có lúc bất đồng ý kiến, có lúc gây gổ, đánh nhau vì quyền lợi nào đó, nhưng suy cho cùng, để dân phụng thờ tưởng nhớ, phải là người có công với dân tộc. Ai vì dân tộc đều được phụng thờ. Quân Trịnh, quân Nguyễn vì ai mà một thời đổ máu? Vì ai mà hy sinh? Vì ai mà chút xương tàn không tìm thấy? Hồn của các chiến sĩ hai bên có khác gì nhau trong và sau trận chiến? Hồn của họ có khác gì nhau trong ý niệm của thời gian, trong sự phán xét của người cùng thời, của hậu thế?

Tôi bàng hoàng, như thấy trước mắt mình hồn của những chiến sĩ hai bên thuở nào cùng lặng im nghe lời khẩn niệm của người đang sống, của kẻ cầm quyền, của người theo đạo này, tôn giáo nọ đang mong linh hồn của họ được siêu thoát. Các hồn như đang trò chuyện cùng nhau. Không có oán thù, không có tị hiềm, khích bác. Chỉ có sự hoà hợp của những hồn chiến sĩ năm nào. Chỉ có sự nguyện cầu cho đất nước an lạc.

Bao nén hương lòng thắp trong Rằm tháng Bảy. Khói hương vẽ đường đi cho những hồn về nơi cực lạc. Khói hương mang lòng thành đến người đã khuất. Khói hương Rằm tháng Bảy thảo thơm hồn con dân Việt như là tấm lòng nguyện cầu an lạc đến cả thế gian.

Tháng 7, Canh Dần (tháng 8 -2010)

Phan Trang Hy

PHẠM GIỚI

Chiêu Hoàng



Anh hỏi cô:
- Trong thời gian retreat em có bị phạm một giới nào không vậy?

Hỏi chỉ để hỏi thể thôi, chứ anh biết cô, một người yếu đuối hiền lành làm gì có thể phạm một giới nào. Nhưng rất ngạc nhiên khi anh nghe cô trả lời...

Khuôn mặt hơi nghiêng nghiêng cúi xuống:

- Có anh ạ. Em phạm giới... Sát.

....

Anh nghiêng vai, nhìn qua cô nhỏ. Rất ngạc nhiên. Hình như trong tâm cô có điều gì lẩn khuất và buồn bã. Để giúp cô buông được nỗi buồn, anh đùa:

- À! Anh biết rồi. Có phải "Ai-đó" đã bị... chết đuối trong mắt em không?

Cô cười:

- Không phải là Ai-đó mà là một... Chúng-Sanh.

Anh tò mò:

- Thế "Chúng-Sanh" đó là ai vậy?

- Là một... con ruồi...

Anh cười phá lên:

- Con ruồi thì ăn nhắm gì. Sớm muộn gì cũng phải chết thôi!

Cô cao giọng cãi lại:

- Ăn nhắm chứ anh, vì nó cũng là một Chúng-Sanh mà... (Giọng cô trầm xuống, nói một mạch như một lời sám hối) Em đâu có ý giết nó đâu, chỉ tại nó cứ bay vù vù trước mặt em, rồi nó lại bay xèo xèo qua tai, rồi nó lại đậu lên mũi, đậu lên má... Em phui nó đi mà nó cứ bay vù vù, xèo xèo quanh em làm em... bối rối. Ban đầu em nhắm mắt lại và cố không để ý đến nó. Nhưng nó cứ vù vù, xèo xèo, gây nhiều tiếng động chung quanh. Cái mà em...ghét nhất là nó cứ đậu trên mũi và má của em, nên em phui nó đi mãi vẫn không được. Em phải "điều đình" với nó rằng: "Ruồi à, tôi đang trong khoảng thời gian retreat, chắc chắn tôi không thể giết bạn, vậy bạn hãy để tôi yên có được không?" Nó có vẻ nghe ra, nên bay đi chỗ khác. Nhưng một lúc sau nó quay lại và cứ phá rối. Em (tức mình) đành lấy một miếng napkin lót tay, định chụp nó hờ hờ rồi đem ra ngoài trời thả

cho nó bay đi, vì dẫu nó có ở trong phòng cũng không có thức ăn nuôi nó sống. Nhưng cái chụp "hờ hờ" của em hơi mạnh, nên đến khi đem ra ngoài trời mở ra mới biết là nó đã chết rồi....

Sau khi nói một mạch, khuôn mặt cô cúi xuống, đôi mắt buồn như có chút gì hổ thẹn. Cô không thể ngược lên nhìn anh.

Thương hại. Anh hỏi rất dịu dàng:

- Vậy em có làm gì sau đó không?

- Dĩ nhiên là có. Em sám hối và hồi hướng cho nó sau một buổi thiền định...

- Em hồi hướng ra sao?

- Em nguyện cho nó được tái sinh vào một cảnh giới tốt đẹp hơn. Như được sanh vào cõi người chẳng hạn, được gặp Phật pháp và được tu tập giống như em...

Anh reo lên:

- Nếu như vậy thì tốt quá. Vì ai cũng phải chết. À quên, ý anh muốn nói, "chúng sanh" nào cũng phải chết, nhưng được có người cầu nguyện và hồi hướng công đức như thế thì anh biết chắc rằng cái chết của chú Ruồi này cũng là một điều may hơn là rui... Phải không em? Như vậy thì đừng bối rối và ân hận nữa, em đã làm đủ những gì tốt đẹp cần phải làm rồi...

Cô nhỏ quay qua, nhìn anh với nụ cười gượng và một cái nhìn biết ơn:

- Cám ơn anh đã nói những điều như vậy. Em hy vọng là mọi sự đều tốt đẹp như những gì mình nghĩ...

Cả hai đều yên lặng. Họ đang ngồi trong một quán ăn trên một ngọn đồi. Cô nhỏ nhìn qua khung cửa sổ mà phía dưới là một thành phố đã lên đèn. Những ánh đèn lung linh, lấp lánh như những ước nguyện của cô. Những ước nguyện mà đôi khi chúng làm cho cô bối rối vì nghĩ rằng mình chẳng bao giờ có thể thực hiện được....

BÍ ẨN

Vinh Hào

Đã có mấy chục người chết khi lái xe qua ngọn đồi ấy. Cùng một cái chết giống nhau. Xe lao xuống vực thẳm khi vừa vượt lên khoảng đường cong, chỗ cao nhất.

Người ta không tin là nơi đó có oan hồn của người chết lôi kéo những người khác vào tai nạn. Nhưng dù thế nào thì do thân nhân của nhiều người đến thăm viếng, đốt nhang hay nến tưởng niệm, nơi đó được dựng lên một cái bia, cạnh một tảng đá bồng lớn. Xe qua lại, nhìn tấm bia ấy, không khỏi rùng mình.

Theo khám nghiệm và báo cáo của cảnh sát, những người lái xe, có người trong máu có rượu, có người không. Không thể nói là do say. Đàn ông cũng có, đàn bà cũng có; già cũng có, trẻ cũng có. Không thể nói là do vững hay không vững tay lái. Người giàu cũng có, người nghèo cũng có. Không thể nói là do bế tắc tài chánh đến nỗi tự sát. Xe tốt bền cũng có, xe cũ rích cũng có. Không thể nói là do máy xe tốt xấu. Chỉ có một điểm chung là tất cả xe đều gặp nạn vào ban đêm, vào những giờ khuya khoắc không có xe vãng lai. Khi xe bị nạn, không ai chứng kiến. Không phải vì tránh một xe ngược chiều mà lao xuống vực, cũng không tông nhầm xe nào khác trên đường. Tất cả đều là những tai nạn âm thầm trong đêm. Xe, một người lái, lên đồi cao, tử nạn.

Cảnh sát không sao truy tìm được nguyên do, tạm kết luận rằng những người tử nạn đều thất tình. Ở đời này, ngoại trừ tình yêu ra, chẳng có điểm chung nào cho những người nam-nữ, tốt-xấu, già-trẻ, giàu-nghèo, cần thận hay ẩu tả. Chỉ có tình yêu, sự phụ tình, bạc tình, thất tình, đẩy họ đến quyết định giống nhau mà thôi. Nhưng giả thuyết này cũng không vững, vì thân nhân của những nạn nhân đều phủ nhận sự thất tình hay chán đời của những người tử nạn. Trái lại, người ta còn chứng minh những người ấy đều tha thiết yêu đời, háng hái sống và làm việc.

Các kỹ sư công chánh cũng đã nghiên cứu kỹ lưỡng các góc độ, cong, phẳng, nghiêng, cao, thấp, sâu, rộng, thấy không có vấn đề gì trên đoạn đường đó cần phải sửa chữa. Lý do tử nạn vẫn còn là điều bí ẩn. Một vài cái bảng khuyến cáo là nên lái xe cẩn thận trên đoạn đường đèo, và tốt nhất không qua đèo vào ban đêm.

Bảng đi một thời gian dài, hầu như chục năm mới có một tai nạn tương tự. Và các tai nạn lưạ thừa lác đác như thế, không còn là điều bận tâm đến nỗi chạy tít lỏn trên báo chí trang nhất nữa.

Đó là chuyện của thời xưa, thời đại mà con người chưa có những máy móc tân kỳ như máy khâu, máy khâu, máy khâu, điện thoại di động, Iphone, Ipad... Bây giờ, có người quyết tâm tìm cho ra nguyên do tử nạn của những người lái xe qua đèo ban đêm. Cha của y là một trong số những nạn nhân của hơn hai mươi năm trước.

Nghiên cứu một cách khoa học và kỹ lưỡng, y tìm ra hai điểm y cho là rất quan trọng mà cảnh sát, các phóng viên và thân nhân của những người bị nạn chưa bao giờ để ý đến trước đây. Đó là các đêm xảy ra tai nạn đều là đêm trăng, và những người lái xe qua đèo, bị nạn, đều là nghệ sĩ (nhà thơ, nhà văn, nhạc sĩ, họa sĩ).



Tự mình lái xe lên đèo vào một đêm trăng. Y dùng máy khâu, vừa lái xe, vừa tự thuật.

Đây, tôi đang lên dốc. Trong khi ánh trăng trải rộng dưới thung lũng thì cho đến lúc này, tôi vẫn chưa thấy trăng. Khúc đường này tối mịt, vì trăng khuất phía bên kia. Tôi như ở trong một hang động, nhìn ra bầu trời phản chiếu ánh trăng từ nơi xa nào đó. Khoảng đường này khá hẹp, nhưng an toàn, vì giờ này cũng chẳng xe nào lên đây. Ánh đèn xe của tôi dường như sáng lên nhiều khi đi qua vùng khuất tối này. Vẫn chưa thấy trăng ở đâu. Đá lỏm chỏm nhô lên từ hai bên đường, trông như những con gấu chồm lên chào đón tôi. Có con nai đi thông thả qua đường, rồi vụt chạy khi thấy ánh đèn xe của tôi loé lên từ đầu đường. Nơi đây thật yên tĩnh. Chỉ có tiếng máy xe của tôi rung lên nhẹ nhẹ. Tôi sắp đến đỉnh đồi. Qua khúc cong này sẽ ra khỏi vùng tối. Đây rồi, tôi đã đến nơi. Đây, cái nơi mà những người đi trước tôi... Ô, trăng! Trăng! Ôi... trăng!!!

Một tai nạn nữa lại xảy ra vào đêm trăng hôm ấy. Cảnh sát và phóng viên lại đến làm thủ tục. Lần này, phóng viên ghi rõ hơn: nạn nhân là một thi sĩ.

Còn mỗi ngày

Nếu một ngày

Lỡ mặt trời kia không mọc nữa

Tưởng tượng bạn mai sẽ ra sao

Trái đất sẽ ra sao

Vườn nhà ta làm sao

Khi không còn nắng ấm

Không tưởng nổi

Nếu một ngày kia

Ta không còn ở bên nhau

Không còn thương nhau nữa

Lấy gì bảo bọc

Căn nhà ta bé nhỏ

Vẫn còn rất nhiều thời gian

Anh ơi

Để chúng ta mỗi ngày

Thường thức

Bình minh còn ở lại.



NGUYỄN THỊ
KHÁNH MINH



THÂN GIÁO: CÓ THỂ LÀ MỘT GIẢI PHÁP CHO TẤT CẢ

Tâm Thường Định

Đạo Phật đã tồn tại và phát triển 2600 năm kể từ khi Đức Phật giác ngộ lúc 35 tuổi. Giáo lý của ngài được đặt trên nền tảng Từ bi và Trí tuệ qua sự chứng nghiệm của Ngài. Thân giáo là bài pháp vô giá và công dụng nhất mà Ngài đã sống và truyền đạt. Thân giáo là lối hành xử trong đời sống hằng ngày. Sự tiến hóa và hòa bình của nhân loại một phần lớn là do giáo lý giác ngộ rất rạo của Ngài. Ngày nay, Đạo Phật vẫn là những giải pháp cho nhân loại. Sau đây là bảy phương cách như là giải pháp cho Đạo Phật và cho quê hương Việt Nam hôm nay và ngày mai.

1. Thiết lập một mindset (tâm tư duy) thánh thiện. Đầu tiên chúng ta cần có một tư tưởng, một tầm nhìn đúng theo tinh thần Chánh Kiến của nhà Phật. Thánh thiện là những suy nghĩ, lời nói và hành hoạt lợi người lợi mình ngay trong hiện tại và cho cả tương lai. Thầy Thích Minh Đạt, viện chủ Chùa Quang Nghiêm thường dạy: "Một bác sỹ, một nha sỹ mắc lỗi lầm có thể giết chết một người, nhưng một nhà giáo dục mắc lỗi lầm có thể giết chết cả nhiều thế hệ." Mà chúng ta, những Phật tử, đều là những nhà giáo dục vì không sớm thì muộn chúng ta là thầy là cô, là chồng là vợ, là ông là bà v.v... Tuy nhiên, theo những nhà nghiên cứu Hoa Kỳ, tất cả những nhà lãnh đạo giỏi cần có một mindset thánh thiện. Nhưng mindset không thôi vẫn chưa đủ, chúng ta cần phải có một skillset (hành trạng). Mà thêm skillset vẫn chưa đủ chúng ta cần phải có một toolset (công cụ). Ví dụ: Một người Huỳnh trưởng tốt trong GDPT cần có một mindset "trên cầu học đạo, dưới diu dắt đàn em", xong phải có những hành trạng, kỹ năng chuyên môn, nhưng cũng cần có công cụ, "đồ nghề" để sinh hoạt.

2. Thấu rõ nguyên lý Nhân duyên quả: Có thể nói, tất cả những gì chúng ta có hôm nay là do nhân duyên nghiệp của quá khứ và kết quả của tương lai đều tùy thuộc vào những hành động, lời nói, và suy nghĩ của chúng ta ngay hiện tại. Hiểu rõ nguyên lý này giúp ta thiết kế (design) vận mạng và tương lai của chính mình. *You're in control of your destiny* (Bạn đang kiểm soát vận mệnh chính mình), nói một cách khác là *you're your own creator* (bạn là người sáng tạo của cuộc sống riêng mình). Như Phật dạy: nhân nào quả ấy.

3. Làm tốt bối cảnh địa phương quanh mình trước: Thánh Mahatma Gandhi có nói: "Chúng ta là những thay đổi mà mình hằng mong muốn." Tất cả những thay đổi đều bắt nguồn từ cá nhân rồi đến gia đình sau đó lan rộng đến cộng đồng và xã hội. Ví dụ: Ở đâu cũng vậy, đều có rác hết. Nếu chúng ta ý thức được, thì sẽ tự động dọn dẹp ngay cho được đẹp mắt và bớt hại đến môi sinh. Nói gần hơn, trong nước ta, nhu cầu về

tâm linh ngày càng nhiều mà thiếu nhân sự để giúp đỡ đồng bào, nhất là ở những vùng sâu vùng xa. Phật giáo chưa đáp ứng được tại quê nhà (tạm thời chỉ có Tin Lành và Hồi Giáo đang hành hoạt), mà cũng có một số ít Tăng Ni đi hóa duyên ở nước khác trong khi Ngũ Minh Pháp và nhất là Thanh Minh của mình chưa có. Hoằng dương chánh pháp trên xứ người chỉ có thể hiện hữu nếu Tăng Ni thành thạo ngôn ngữ nước đó. Hay nói một cách khác là chúng ta phải có đầy đủ ba yếu tố: Bi-Trí-Dũng (Compassion-Wisdom-Courage) hay theo các thương danh nói là kiến thức, thái độ, và kỹ năng chuyên môn (Knowledge - Attitude - Skill.)

4. Đồng Lợi - Lợi người lợi mình: (Mutual Respect/Benefit). Tất cả các việc làm đều đặt trên nền tảng từ bi, trí tuệ, dũng mãnh và kiên trì để lợi người lợi mình. Nếu chúng ta ý thức được sự thành công của kẻ khác chính là của mình. Sự đau khổ hay thất bại của kẻ khác là của ta. Thì mình đã tạo được sự cảm thông, đùm bọc và tương thân tương ái lẫn nhau. Đi xa hơn, chúng ta nên ý thức rằng: Lợi ích và quyền lợi của mình là lợi ích và quyền lợi của ta, của tổ chức ta, của giáo hội ta, của đất nước ta. Hay nói một cách khác, nếu tất cả cán bộ các cấp hay nhân sự của các tổ chức đặt quyền lợi chung trên quyền lợi cá nhân thì nơi đó đều được phát triển tốt một cách nhanh chóng.

5. Có mặt cho nhau - (Presencing as in the Theory U). Ca dao Việt Nam có câu: "Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại thành hòn núi cao" hay là "một cách én không làm một xuân." Chúng ta cần phải có mặt và tư lơi tẩm những hạt giống tốt cho nhau. Hay nói theo Glasl, Lemson và Scharmer trong Lý thuyết U thì mình: 1) Liên kết cụ thể ý thức của trường nhóm / lãnh đạo với kết quả công việc của họ. 2) Kế hoạch có hệ thống qua sự quan sát, hiểu biết và đồng thuận ra quyết định của cá nhân và của chung. 3. Đổi mới là không thể thiếu. 4. Hoạch định chính sách (như việc xây dựng các nguyên tắc thiết kế có ý thức cho tổ chức) được kết nối và thích hợp với tầm nhìn đã đồng thuận. 5. Liên hệ để phát triển cá nhân và tổ chức. Nói tóm lại, làm việc và nuôi dưỡng cho nhau là sự cần thiết để thăng hoa. Hay nói theo Michael Fullan trong Sáu Bí quyết Thay đổi thì: 1) thương yêu đùm bọc nhân viên/cấp dưới của mình; 2) kết nối đồng nghiệp với mục đích; 3) xây dựng tiềm năng là ưu thế; 4) học hỏi là công việc; 5) quy tắc chung phải minh bạch và 6) học hỏi từ hệ thống chính mình. Nói chung, chúng ta cần phải làm trọn trọng trách và chức năng của chính mình trong gia đình và trong mọi tổ chức.

6. Sức mạnh của đoàn kết (Collaboration with other organizations for sustainable change). Cộng tác với các tổ chức, hội đoàn có tầm nhìn xa và có giá trị cốt lõi thánh thiện để thay đổi cuộc sống của quần sinh. Các cuộc cách mạng lớn đều cần một sự đoàn kết. Sự thay đổi trong đạo Phật cũng vậy, cần sự tương thân tương trợ lẫn nhau. Sức mạnh của tổ chức và network-

ing là cần thiết để tạo ra các thay đổi cho bây giờ và mai sau.

7. Hành giả - Be a Buddhist Practitioner. Trong cuộc đời của Đức Phật, bài pháp quý giá và hữu dụng nhất là thân giáo mà chính Ngài đã sống và truyền đạt. Thân giáo hay cách hành xử trong đời sống hằng ngày của Đức Phật là kim chỉ nam trong cuộc sống của chúng ta. Còn kinh luật luận chỉ là phương tiện. Nói rộng ra kinh điển là những gì Đức Phật muốn dạy cho chúng sinh, mà mục đích tối hậu là gì chúng ta đều đã biết. Vậy xin hãy là một hành giả xứng đáng. Như Thầy Thích Đạo Quảng, một vị Tăng tài và trẻ tại hải ngoại có dạy Phật tử: "Mỗi người chúng ta có ba cuộc sống: cuộc sống cá nhân (private life), cuộc sống công cộng (public life), và cuộc sống tâm linh (spiritual life). Khi chúng ta có cuộc sống tâm linh, chúng ta có tất cả ba cuộc sống vừa kể. Vậy, chúng ta hãy cùng thực hành sự giáo dưỡng của Đấng từ phụ Thích Ca Mâu Ni bằng thân giáo, khẩu giáo và ý giáo của Ngài."

Kết luận, với sự phát triển kỹ thuật và kinh tế ngày càng nhanh so với phát triển tâm linh, mỗi người con Phật, dù là xuất gia hay tại gia, trai hay gái, già hay trẻ, trong tổ chức GDPT hay không, đều phải học và thực hành cách chuyển hóa, sửa chữa những vụng về, những tập khí không tốt để chúng ta từng bước hướng thiện. Ngoài ra, chúng ta cần phải nhiệt thành, làm trọn trách nhiệm và chức năng của mình trong mọi hoàn cảnh được cho phép. Nếu là nhà lãnh đạo uyên bác thì cần phải có Ngũ Minh Pháp trong nhà Phật hoặc bốn loại thông minh ở đời: Mental Intelligence - Physical Intelligence - Emotional Intelligence and Spiritual Intelligence. Thông minh về

tâm thần, Thông minh về vật lý, Thông minh về cảm xúc/trí tuệ, và Thông minh về tâm linh.

Nói chung, chúng ta phải "tu thân". Mà trước khi "tu thân" thì chúng ta phải "thành ý và chánh tâm", (là thực hành từ bi và trí tuệ) để rồi "tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" vậy.

Sau cùng, xin mượn lời khuyên của Thầy Thích Minh Đạt đã cho người viết như là lời cuối cho bài tham luận này.

Muốn trở thành một lãnh đạo tốt, nên cần có ba yếu tố sau:

1. Thành thật với chính mình - không vì tư lợi
2. Thành thật với mọi người - nói sao làm vậy - lời nói đi đôi với việc làm
3. Tha thiết, thành thật trong mọi công việc mà mình đề xuất ra.

Tâm Thường Định

Tham Khảo:

- Covey, C. (2004). *The 8th Habit: From Effectiveness to Greatness*. New York: Free Press
- Senge, P., et. al. (2005). *Presence: Exploring Profound Change in People Organizations, and Society*. New York: Currency Doubleday.
- Senge, P. et al. (2010), *The Necessary Revolution: Working together to create a sustainable world*, New York: Broadway Books.
- Thích, Đạt M. (2011). *Góp Nhặt Lá Rời*. Stockton, CA. Hương Quê.
- Thích, Hạnh N. (2007). *The Art of Power*. New York: HarperOne.

Tờ giấy đời

Chưa là tờ giấy đen
Vẫn sợ hoen giọt mực
Đời nửa hư nửa thực
Nỗi đau nào hiện ra?
Cuộc sống ở quanh ta
Là muôn trùng đường gạch
Xẻ ngang rồi xẻ dọc
Cũng trên tờ giấy kia.
Một mình giữa đêm khuya
Nhớ tiền thân đầu đó
Cầm trong tay nét cọ
Họa người trên giấy phai.
Long lanh trong mắt ai
Cũng hai màu đen trắng
Ta đi tìm khoảng lặng
Trên giấy đời lấm lem.
Đến lúc trắng là đen
Và ngôn từ bùng cháy
Ta thả tờ giấy bay
Về quê hương ngày ấy...

Thiên Trúc, Tháng 7/ 2011

HÀN LONG AN



Bài Thơ Con Viết Tặng Mẹ Hiền

Bài thơ con tặng mẹ hiền
Dở dang từ tuổi bút nghiêng đại khờ
Mỗi ngày viết một câu thơ
Gởi mẹ yêu dấu đến giờ chưa xong!

Ngày qua ngày tháng rồi năm
Tóc người nay đã bạc màu khói lam
Oí! đời mẹ lắm gian nan
Ngôn từ không viết muôn vàn ơn sâu

Mẹ yêu con tự thưở nào
Đến nay trở kiếp trần gian vẫn đây
Thương con mẹ mãi dang tay
Dắt con qua những chuỗi ngày lao đao

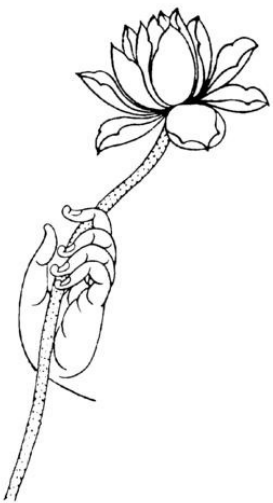
Nhớ ghi lời mẹ hôm nao
- Con ơi luôn sống thanh cao đời mình
Sớm hôm tinh tấn cầu kinh
Lời chư phật dạy có tình yêu thương

- Mở chơn cõi rộng vô thường
Cuối chân trời có ánh dương rạng ngời-
Vu Lan đứng lễ bên người
Lâng lâng lòng thấy ngậm ngùi dâng cao

Chấp tay tâm bồng xuyên sao
Ngỡ như từ độ kiếp nào con đang
Chấp tay lễ ánh phật quang
Lời thơ con kết hân hoan tặng người.

TÂM LẮNG NGHE SÂU

(Dương Kiều Nhi)



KHÓA TU DƯỠNG 3 DÀNH CHO TĂNG NI TẠI FREMONT

Nguyễn Ngọc Thái-Kế-An

Từ sau biến cố 30 tháng 4 năm 1975 đến nay, số người Việt đã rời quê hương hiện đang sống khắp năm châu thế giới ngày càng đông và còn có triển vọng đông hơn nữa. Để đáp ứng cho vấn đề tâm linh, Phật giáo Việt Nam đã và đang phát triển, xây dựng, củng cố trên mọi phương diện, không chỉ lo cho người Việt mà còn cả người ngoại quốc đang trong phong trào tìm về giáo lý của Đức Phật, một giáo lý hướng con người đến với chân thiện mỹ, về với an lạc thanh bình giữa lúc cả thế giới đang quay cuồng trong sự tranh giành cướp đoạt, và thiên tai bão lụt đang gây biết bao thảm trạng đau thương.

Trong mục đích đó, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu nói chung và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ nói riêng đã liên tục mở các lớp tu học cho Phật tử, đồng thời cũng mở các lớp "tu dưỡng" để trao dồi thêm khả năng thuyết giảng cho thành phần Tăng Ni trẻ. Theo thông báo và lời mời của Ban Tổ Chức, chúng tôi có mặt tại Niệm Phật Đường Fremont, California để viếng thăm và tham dự một số sinh hoạt trong "Khóa tu dưỡng 3" do Hòa Thượng Thích Thái Siêu, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Giáo Dục GHPGVNTNHK tổ chức từ ngày 19/7 đến 23/7/2011.

Thành phần trong ban giáo thọ, chúng tôi thấy có sự hiện của : Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Hòa Thượng Thích Thái Siêu, Hòa Thượng Thích Phước Thuận, Thượng Tọa Thích Nhật Huệ, Thượng Tọa Thích Đồng Trí, Thượng Tọa Thích Huệ Tâm, Ni Sư Thích Nữ Diệu Tánh...

Chương trình khóa tu dưỡng 3 gồm có phần Thuyết Pháp của Chư Tôn Đức; và 12 đề tài dành cho quý Tăng Ni học viên, được chia toán thuyết giảng trong hội trường, có sự hiện diện của ban giáo thọ điều hành và làm giám khảo (chấm điểm) cùng Phật tử tham dự. Sau mỗi đề tài thuyết giảng là phần đặt câu hỏi và giải đáp thắc mắc... Các đề tài tổng quát gồm có 1) Phật Đản 2) Vu Lan 3) Thành Đạo 4) Xuân Di Lặc 5) Vía Đức Phật A Di Đà 6) Vía Quán Thế Âm Bồ Tát 7) Vía Địa Tạng Vương Bồ Tát 8) Pháp môn tu tập 9) Lịch sử Phật Giáo Việt Nam 10) Bồ Tát Thích Quảng Đức 11) Vai trò nghi lễ trong việc truyền đạo 12) Bát Quan Trai Giới.

Từ 12 đề tài trên đã chi tiết ra thành 32 chủ đề nhỏ và các toán bắt thăm lần lượt thuyết giảng. Đề bài thuyết giảng đạt được kết quả tốt, mỗi toán đều phải tự đem khả năng hiểu biết cộng thêm phần nghiên cứu kinh sách kể cả trên internet. Chúng tôi thấy quý Tăng Ni học viên đã làm việc rất hăng say, có toán đã thức qua đêm, nhưng sáng nào cũng có mặt đầy đủ trong giờ "công phu sáng". Thật là đáng kính phục tinh thần học hỏi và theo đúng thanh quy của khóa học.

Về phần thuyết pháp của Ban Giáo Thọ, có ba bài được toàn thể hội trường

cho là cần thiết nhất vì đã mang đến cho Tăng Ni và Phật tử nhiều hiểu biết, đó là bài thuyết pháp của Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Hòa Thượng Thích Phước Thuận và Thượng Tọa Thích Đồng Trí. Hòa Thượng Thích Nguyên Trí đã trình bày về sự hình thành của Phật Giáo Việt Nam qua các triều đại trong lịch sử và kéo dài cho đến hiện tại. Phần này giúp cho quý Tăng Ni trẻ nắm chắc được tình hình chung của Phật giáo Việt Nam.

Phần của Hòa Thượng Thích Phước Thuận, Hòa Thượng trình bày cặn kẽ về các vấn đề nghi lễ từ việc "cầu an, cầu siêu, chẩn tế cô hồn và cả ý nghĩa thuyết linh, qui linh...Riêng phần Thượng Tọa Thích Đồng Trí nói lên được ý nghĩa "Thượng cầu Phật Đạo - Hạ hóa chúng sanh" qua những câu chuyện có thực trong lịch sử Phật Giáo còn lưu truyền.

Khóa "tu dưỡng 3" này phải nói thật là thành công. Thành công từ việc tổ chức đến nội dung, đặc biệt là thái độ học tập của Tăng Ni học viên lúc nào cũng tỏ thiện chí, giúp đỡ nhau trong việc tìm tài liệu để thuyết giảng. Đặc biệt hơn phải nói đến việc giảng dạy của Chư Tôn Thiền Đức với tình thương vô bờ bến đã trao truyền tất cả những gì quý Ngài có được từ Giới Đức, Tâm Đức, Huệ Đức cho hàng hậu học, là quý Tăng Ni trẻ đến tham dự khóa tu dưỡng lần thứ 3 này. Chúng tôi cũng vô cùng tán thán và xin được nói lên tình thần hỗ trợ tối đa của quý Phật tử đã lo mọi việc cho khóa tu dưỡng thật chu toàn, nhất là khâu trai soạn, nghi lễ, trang trí, đưa rước ...để Chư Tăng và cả Phật tử từ xa đến có nơi ăn, chỗ ở thật là chu đáo. Một điều khác không thể quên, là nụ cười hình như lúc nào cũng hiện diện trên khuôn mặt mọi người, làm cho cả Niệm Phật Đường trở nên an lành hạnh phúc. Đây đúng là một thắng duyên cho quý Chư Tôn Đức Tăng Ni và Phật Tử Niệm Phật Đường Fremont vậy.

Cuối khóa, Phật tử tại Niệm Phật Đường Fremont cũng đã chí thành kính như pháp cúng dường Tam Bảo và hiện tiền Chư Tăng, lễ trai tăng với sự hiện diện của 132 Tăng Ni đến từ nhiều nơi và đông đảo Phật tử.

Trong lời tác bạch, tất cả Phật tử có mặt đã nói lên lời thành kính "Ngưỡng mong Chư Tôn Đức Tăng Ni hoan hỷ nạp thọ để cho toàn thể Phật tử và pháp giới chúng sanh được ăn triêm công đức. Nguyên Phật lực mười phương thủy từ gia hộ Quý Chư Tăng Ni pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ, Phật sự viên thành. Ước mong ngọn đèn Chánh pháp Phật Giáo Hải Ngoại trường miên sáng tỏ, giúp vạn loài chuyển bại chướng duyên..."

Trên chuyến bay trở về Oregon, tôi thấy mình thật phơi phới. Hình ảnh khóa tu dưỡng ân sâu vào trong tôi và với niềm tin tưởng ở lớp Tăng Ni trẻ sẽ dần dần đáp ứng được tình hình phát triển của Phật Giáo hải ngoại.



TANG LỄ CỐ HÒA THƯỢNG THÍCH HẠNH ĐẠO TẠI CHÙA PHỔ ĐÀ, SANTA ANA, CALIF., (CÁC NGÀY 02—06.8.2011)

Photos: hophap.net



LỄ ĐẶT VIÊN ĐÁ KHỞI CÔNG XÂY DỰNG & LỄ HỘI VU LAN PL 2555 TẠI CHÙA PHÁP VŨ, FLORIDA (NGÀY 13.8.2011)

Photos: chuaphapvu.org



TRUNG QUỐC TỪ BI VỚI NEPAL

Cư Sĩ Nguyên Giác

Có bao giờ Đảng Cộng Sản Trung Quốc bỗng nhiên từ bi bất ngờ, bớm nhiều tỉ đô la để sẽ xây chùa, đại học Phật Giáo tại nơi Phật ra đời? Vậy mà chuyện này đang xảy ra.

Thị trấn Lumbini, thường được phiên âm sang tiếng Việt là Lâm Tỳ Ni tại Nepal, là nơi Đức Phật ra đời hơn 2,500 năm trước. Bây giờ Trung Quốc đang tiến hành một dự án trị giá 3 tỉ đô la để biến thị trấn nhỏ này trở thành một thánh địa hành hương cho Phật Tử khắp thế giới. Theo đó, dự kiến Lumbini sẽ có một phi trường, các tuyến xe lộ, các khách sạn, một trung tâm hội nghị, nhiều ngôi chùa thuộc nhiều khuynh hướng tông phái khác nhau, và một đại học Phật Giáo. Đó là chưa kể những linh tinh hạ tầng cho các cơ sở trên, thí dụ hệ thống nước, điện và viễn thông.

Tiền từ Bắc Kinh bớm sang, y hệt như từ trên trời rơi xuống. Con số 3 tỉ đô la quá nhiều đối với đất nước Nepal, nơi mà GDP năm ngoái chỉ có 35 tỉ đô la thôi. Như thế, dự án Trung Quốc xây thánh địa trị giá gần 10% tổng sản lượng quốc dân Nepal. Vậy thì TQ muốn gì? Tổ chức đứng sau dự án này là Asia Pacific Exchange and Cooperation Foundation (APECF) – cái tên này dịch ra có nghĩa cực kỳ hiền lành, là Hội Hợp Tác và Trao Đổi Châu Á Thái Bình Dương. Thực ra đây là hội mang danh nghĩa một phi chính phủ nhưng lại lệ thuộc nhà nước TQ. Ông Phó Chủ tịch hội là Xiao Wunan, là đảng viên CSTQ và giữ một chức vụ trong Ủy Ban Cải Cách và Phát Triển Quốc Gia, một cơ quan nhiều quyền lực của TQ.

Hồi giữa tháng 7-2011, hội này tổ chức lễ kỷ niệm cho dự án với cơ quan UNIDO của LHQ.

Với hình nghĩa hỗ trợ của LHQ, Xiao nói rằng ông hy vọng Lumbini sẽ mang cả 3 trường phái Phật Giáo vào nơi này: Bắc Truyền (còn gọi là Bắc Tông, khuynh hướng Phật Giáo phát triển mạnh ở TQ, Nhật, Nam Hàn, VN); Nam Truyền (còn gọi là Nam Tông, ảnh hưởng mạnh ở Thái Lan, Lào, Cam Bốt, Tích Lan); và Phật Giáo Tây Tạng.

Hội APECF nói là đã được ủng hộ từ Phật Tử từ 3 tông phái trên. Chỉ có điều duy nhất: không ai nói gì về Đức Đạt Lai Lạt Ma, và hội này cũng không tìm cách liên hệ tới văn phòng của vị Phật Sống này.

Như thế, thấy rõ là có vấn đề.

Đức Đạt Lai Lạt Ma là vị sư nổi tiếng thế giới, là người được Giải Nobel Hòa Bình, là Giáo Trưởng Hoàng Mạo Tây Tạng Phái (dòng tu Gelug, còn gọi là dòng tu mũ vàng)... lẽ ra phải được những người thực hiện dự án thánh địa Lumbini tiếp cận. Vấn đề là, TQ nhìn ngài như kẻ thù.

Xiao từng là cán bộ Ngân Hàng Kỹ Thương TQ, nên chuyện kiếm tiền tài trợ cho dự án là để, nói theo nguyên tắc. Bởi vì mặt ngoài, hội APECF không có vẻ gì là cánh tay nối dài của Đảng CSTQ, nhưng Xiao nói rõ 3 tỉ đô sẽ không phải là tiền của nhà nước TQ, mà bày tỏ niềm tin rằng Xiao sẽ kiếm tiền quyền từ khắp thế giới cho dự án.

Xiao nói, hiện thời có khoảng 500,000 du khách tới hành hương Lumbini hàng năm. Con số này sẽ lên tới nhiều triệu du khách mỗi năm, khi dự án hoàn tất.

Như thế, thánh địa này sẽ trở thành kho tàng vô giá cho dân Nepal. Và từ nơi hành hương tôn giáo, Lumbini sẽ trở thành đặc khu kinh tế, y hệt như Thẩm Quyển của TQ với các ưu đãi thuế và đầu tư đặc biệt.

Hu Yuandong của UNIDO, cơ quan sẽ cố vấn cho việc thành lập khu phát triển, nói tập trung dự án là tạo việc làm, xóa nghèo và bảo vệ môi sinh.

Đã có những dấu hiệu cho thấy bàn tay phụ thủy của TQ dần dựng. Lumbini là nơi đầu tiên mà vị tân đại sứ TQ tại Nepal tới thăm khi ông nhậm chức trong giữa tháng 7-2011.

Và do vậy, dự án này đã gây bão động cho Ấn Độ, vì Nepal là quốc gia nằm giữa TQ và Ấn.

Mới trong tháng 7-2011, viện nghiên cứu chiến lược Centre for Air Power Studies, bản doanh ở New Delhi, cảnh cáo rằng Lumbini sẽ "giúp TQ đạt mục tiêu chiến lược dài hạn là mang Nepal tất yếu vào ảnh hưởng TQ."

Viện này nói thêm rằng dự án Lumbini nghĩa là "TQ sẽ vượt qua Hy Mã Lạp Sơn và thiết lập ảnh hưởng nơi các chân đồi giáp giới Ấn Độ."

Robbie Barnett, giám đốc Chương Trình Tây Tạng Học Hiện Đại ở Columbia University, nói như thế sẽ có ảnh hưởng lớn hơn người ta nghĩ, bởi vì Phật Giáo không có cơ quan quyền lực trung tâm như Vatican, và như vậy TQ sẽ không bị sức cản nào, và có thể sẽ ảnh hưởng được khu vực này.

Câu hỏi nơi đây là, đại học tại Lumbini sẽ đóng vai trò nào? Sẽ cung cấp học bổng miễn phí cho các vị sư toàn cầu không? Chương trình học sẽ dạy những gì? Khi học về Phật Giáo Tây Tạng, chương trình học sẽ nói gì về Đức Đạt Lai Lạt Ma và về Tây Tạng, nơi có nhiều cuộc biểu tình bạo phát đòi độc lập?

Vậy rồi, thánh địa này sẽ mời Đức Đạt Lai Lạt Ma tới hay không? Nếu không mời ngài tới thăm, thì dự án thấy rõ là bàn tay phụ thủy của TQ.

Xiao Wunan không nói gì về những câu hỏi phức tạp như thế. Họ Xiao luôn luôn bày tỏ rằng bản thân ông là một Phật Tử thuần thành, nhiệt tâm, cùng nhiều người khác trong hội chú ý đầu, chú ý mũi cặm cụi làm việc. Như dường rằng, ngoài chuyện xây khu Thánh Địa Lumbini, họ không bận tâm vào bất kỳ chuyện nào trên đời nữa.

Còn một chi tiết khác, Đức Đạt Lai Lạt Ma không được phép tới thăm Lumbini kể từ cuối thập niên 1980s, và chính phủ Nepal vì áp lực TQ vẫn liên tục dùng bàn tay sắt với cộng đồng dân Tây Tạng lưu vong ở đây.

Cũng nên nhắc rằng, ngày 06 tháng 7-2011 là ngày Phật Tử Tây Tạng mừng sinh nhật Đức Đạt Lai Lạt Ma tròn 76 tuổi. Và trong ngày này, cảnh sát Nepal đã dùng bạo lực đàn áp, giải tán các lễ hội mừng sinh nhật của ngài trong các cộng đồng Tây Tạng lưu vong ở Nepal.

Vậy mà chính phủ Nepal từ chối một đề nghị y hệt như thế. Một tháng sau khi hội bất vụ lợi Asia Pacific Exchange and Cooperation Foundation (APECF), một hội do chính phủ Bắc Kinh hỗ trợ có trụ sở chính ở Hồng Kông, ký bản ghi nhớ với cơ quan Phát Triển Kỹ Nghệ LHQ (UNIDO) sẽ làm một dự án 3 tỉ đô để xây Lumbini (Việt ngữ, phiên âm là Lâm Tỳ Ni), nơi Đức Phật ra đời, trong lãnh thổ Nepal để thành một thánh địa Phật Giáo, trong đó sẽ có một Đại Học PG dạy theo 3 truyền thống -- Nam Tông, Bắc Tông, Phật Giáo Tây Tạng -- một mạng lưới xa lộ, cầu đường, một phi trường quốc tế để đón du khách toàn cầu, nhiều chùa viện, và mọi thứ cần thiết cho ngành du lịch.

Ngày lễ cắt băng động thổ, đặt viên đá góc, là ông Đại Sứ Trung Quốc tới, ca ngợi rằng chính phủ Trung Quốc biết tôn trọng truyền thống tôn giáo địa phương, và vân vân... Tuy nhiên, khi nói rằng dự án Phật Giáo này sẽ dạy cả PG Tây Tạng, nhưng hội bất vụ lợi TQ nêu trên không hề mời các vị Lạt Ma hay tăng ni có khuynh hướng thân với Đức Đạt Lai Lạt Ma. Điều này cho thấy có vẻ như tương lai, nếu dự án xây xong, TQ sẽ đưa vị Ban Thiền Lạt Ma do nhà nước TQ dàn dựng tới Lumbini trụ trì, vân vân kiểu như thế.

Và hôm Thứ Bảy, một tháng sau khi TQ âm ỉ về lòng từ bi với thánh tích Đạo Phật như thế, chính phủ Nepal chính thức từ chối dự án này. Bộ Trưởng Văn Hóa Nepal là Mod Raj Dotel nói với các phóng viên rằng chính phủ Nepal không muốn dự án xúc tiến, vì không có thông tin chính thức từ biên bản ghi nhớ của LHQ.

Tại sao Nepal bác bỏ dự án nhiều lợi ích kinh tế như thế? Nếu nhớ rằng, 3 tỉ đô là gần bằng 1/10

Living Graves

*We are the living graves of murdered beasts,
Slaughtered to satisfy our appetites.
We never pause to wonder at our feasts,
If animals, like men, can possibly have rights.
We pray on Sundays that we may have light,
To guide our footsteps on the path we tread.
We're sick of War, we do not want to fight –
The thought of it now fills our hearts with dread,
And yet – we gorge ourselves upon the dead.
Like carrion crows, we live and feed on meat,
Regardless of the suffering and pain
We cause by doing so, if thus we treat
Defenseless animals for sport or gain,
How can we hope in this world to attain
The PEACE we say we are so anxious for.
We pray for it, o'er hecatombs of slain,
To God, while outraging the moral law.
Thus cruelty begets its offspring – WAR*

GEORGE BERNARD SHAW
(1856 – 1950)

Những Ngôi Mộ Sống

*Ta là những ngôi mộ chôn xác thú
Bị sát sanh cho bao tử loài người
Trong yến tiệc vui, nói nói, cười cười
Ta có nghĩ: muôn loài đều muốn sống
Mỗi ngày đến ta nguyện cầu ánh sáng
Soi bước chân ta trên khắp nẻo đường
Chấn ghét làm sao, thăm họa chiến trường
Bao kinh sợ, bao làm than thống khổ!
Như loài quạ trên món mồi béo bở
Ta say sưa nào có kể đớn đau
Cho muôn sinh, dù ta vẫn nguyện cầu
Hòa bình đến cho muôn người, muôn vật
Trước Trời Phật, trên nấm mộ sinh sát
Của muôn loài vô tội ta cầu xin
Ban ơn lành, khi Luật Đạo Đức kia
Ta xé nát mà không hề thương tiếc
Và như thế ta gieo nhân tội ác
Của Chiến Tranh cho nhân loại toàn cầu.*

NGHIÊM XUÂN CƯỜNG
(1953-2007)

tổng thu nhập quốc dân GDP trị giá 35 tỉ đô/năm của Nepal, chúng ta mới thấy sự hy sinh can đảm của chính phủ Nepal.

Dân số Nepal chỉ mới 29 triệu người, theo bản thống kê dân số 2010, và chỉ cần mỗi năm, theo dự án này, thu hút ít nhất 1 triệu du khách tới thăm Lumbini, thì dân Nepal đếm tiền vô số kể.

Vậy mà Nepal từ chối. Đó là bài học cho VN vậy: chủ quyền là quan trọng. Bài học Tây Tạng, Tân Cương còn đó."

GHI CHÚ: Các thông tin trên viết theo bài "Lumbini project: China's \$3bn for Buddhism" của tác giả Melissa Chan trên mạng aljazeera.net.



BỒN ÂN

GDPTVN tại Hoa Kỳ biên soạn

I. Lời mở đầu:

Làm người ở đời, được sống, được thành đạt cái gì toàn nhờ công ơn của mọi người, của xã hội, của chúng sanh. Nhất là người Phật-tử lại có công ơn với Phật-Pháp-Tăng đã đem lại trí huệ cho mình. Cho nên muốn thành tựu nhân cách, muốn nhận rõ ý nghĩa của đời sống tương quan, không thể không biết đến bốn ân và những phương cách đền đáp.

II. Hành tướng bốn ân gồm có:

Ân cha mẹ, ân thầy bạn, ân quốc gia xã hội, ân Tam Bảo.

1. Ân cha mẹ: Chín tháng cưu mang. Mẹ bỏ ăn mất ngủ, thân thể không an, đến khi sanh sản đau đớn vô cùng không khác gì đứt từng khúc ruột, còn cha phải chạy ngược chạy xuôi, lo sắm vật dụng để chu toàn cho mẹ con, và hồi hộp trông mong cho mẹ con được vuông tròn. Khi mới sanh phải nhờ cha mẹ cho ăn uống, bông ẵm, nuôi dưỡng, không thể rời xa được một ngày. Mỗi khi đau ốm thì cha mẹ quên ăn bỏ ngủ quanh quẩn bên giường bệnh để lo săn sóc thuốc thang. Đến khi khôn lớn, cha mẹ phải lo dạy dỗ để con đủ tư cách làm người.

2. Ân thầy bạn: Thầy là những người đã khai mở và nâng cao trình độ hiểu biết cho chúng ta, là những người đã ra công dạy dỗ chúng ta. Thầy bạn luôn luôn khuyến khích hướng dẫn trong những trường hợp khó khăn. Bây giờ biết đọc biết viết, biết nhận xét toàn nhờ công ơn của thầy bạn đã luôn luôn dạy bảo và dìu dắt.

3. Ân quốc gia xã hội: Nhờ những vị có công xây dựng nước nhà, mở mang các công nghệ, dẹp trừ những tàn đoàn xã hội, đem lại thanh bình cho đất nước nên ta mới có sự an vui, thái bình thịnh vượng.

4. Ân Tam Bảo: Vì muốn cứu độ chúng sanh nên Đức Phật bỏ tất cả để xuất gia tìm đạo, Ngài không ngại những gian lao khổ cực, đi khắp đó đây thuyết pháp để giáo hóa chúng sanh, để chánh pháp được lưu truyền muôn thuở. Nhờ Pháp bảo mà chúng ta mới biết đường lối tu hành, thoát ly sanh tử, sống trong cảnh giới thanh tịnh an vui.

III. Làm cách nào để đền trả bốn ân?

1. Cung kính vâng lời hết lòng phụng dưỡng cha mẹ.

2. Siêng năng học hành để khỏi phụ lòng thầy dạy dỗ chúng ta, hết lòng cung kính thầy và thương mến bạn bè.

3. Làm tròn bổn phận người công dân, làm cho văn hóa nước nhà được dồi dào, phát huy đạo đức đưa dân chúng đến con đường thiêm mỹ. Kinh doanh để nâng cao đời sống xã hội.

4. Nghiên cứu học tập kinh điển Phật dạy, phát huy đạo pháp, tập sống đúng như lời Phật dạy. Trọn đời quy-y Phật-Pháp-Tăng, cung kính cúng dường chư Tăng.

IV. Kết luận:

Không phân biệt người sang kẻ hèn, đã sống ở đời thì phải biết bốn ân và tìm tất cả phương tiện để đền trả. Riêng đối với người Phật tử, được nhận rõ công ơn của chúng sanh, của Phật-Pháp-Tăng nên cần phải luôn luôn cố gắng đền đáp bốn ân. Sống đúng theo lời Phật dạy là cách đền ơn thiết thực nhất của người Phật tử.

The Four Gratuities

I. Foreword:

In daily life, parts of a person's achievements depend upon the favors from others, society, and all living beings. As a Buddhist, one is also favored by the Three Jewels (Tam Bảo), because they help to cultivate one's wisdom. Therefore, to build up a good personality and to recognize the relationships of life; one should know, understand, and appreciate the four Gratuities.

II. Four types of gratitude:

The four gratuities consist of parents, teachers and friends, the mother land and her society, and the Three Jewels.

1. Gratitude to parents: During the nine months of pregnancy, the mother feels unhealthy and loses a lot of nutrition and sleep. When giving birth, she has to endure all the pain which makes her feel like her intestines are being cut apart. The father, on the other hand, is nervously running errands to supply the needs for the mother in labor, and praying for the safety of the mother and unborn child. When the child is born, the parents have to take care of daily activities such as feeding and nurturing. When their child is ill, they can hardly eat or sleep; they are always with the child to take care of him. When the child is grown, they educate him to become a good person.

2. Gratitude to teachers and friends: In gaining our knowledge and intelligence, the teachers guide us in proper understanding. Teachers and friends always encourage and guide us when we encounter difficulties. Today, our understanding, reading, and writing skills are a result of the teachings and guidances of our teachers and friends.

3. Gratitude to the mother land and her society: The land we are living in now consists of contributions from the founders, establishers, industrializers, lawmakers and law enforcers. These people establish peace, happiness and a secured society for one to live in.

4. Gratitude from the Three Jewels: To save all living beings from suffering, the Shakyamuni Buddha left the worldly

materials to seek the right path. Buddha had overcome problems, traveled many places, and preached His teachings. Buddha's Teachings give one understanding, the truth, and the realization of what is right. Buddha has shown the right methods for one to practice so that we can escape the cycle of reincarnation, and to live in a pure and happy world.

III. Ways to demonstrate gratitude:

1. Respect, obey, and take care of our parents

2. Obey our teachers, study hard, and always respect and love our teachers and friends.

3. Be a good citizen, cultivate our traditions, build up morality, help people to go into the right direction, do business to raise the society's standard of living.

4. Research, practice, and propagate Buddha's teachings; always take refuge in the Buddha, Dharma, and Sangha; show respect when making offerings to the Sanghas.

IV. Conclusion:

Not distinguishing between the rich and poor, a person needs to know and realize the Four Gratuities and appreciate them. As a Buddhist, taking gratitude from all living beings and the Three Jewels, one should always appreciate the Four Gratuities by practicing Buddha's teachings.



Dáng Mẹ

Một thuở xa xưa đất trời tạo dựng
Núi sông cây cỏ hòa nhịp tươi vui
Sự sống bao la tràn ngập thái hư
Ai có biết Mẹ có mặt từ thuở ấy
Mẹ là núi là sông là cây cỏ
Vườn tay dài ôm vạn loại nâng niu
Mẹ thân thương ấp ủ một trời yêu
Ai có biết tình Mẹ bao la bất diệt
Mẹ nhìn quanh nào đất trời biển cả
Từ Xuân sang cho đến buổi Đông tàn
Những đứa con phú quý vẫn cơ hàn
Tất cả đều biểu hiện hình hài dáng Mẹ
Mẹ nằm đó cùng đất trời thần thức
Với nỗi lo đàn con dại mê si
Theo lợi danh tàn hại chẳng liễu tri
Đã phá tan hoang hình hài của dáng Mẹ
Các con ơi Mẹ mong mau thức tỉnh
Sớm quay về với biển giác yêu thương
Chung tấm lòng xây dựng đất quê hương
Để ngàn đời vẫn thủy chung hình dáng Mẹ.

THÍCH NỮ GIỚI HUỆ



thơ

Một Ngày

(...về Mẹ)

Có một lần Mẹ ra cửa gọi con
Như ngày con thơ con nô đùa ngoài ngõ
Chợt nhớ ra con đi xa từ dạo đó
Mẹ rưng rưng ngồi khóc ở bên thềm
Rồi một ngày, một ngày nữa, thật dài thêm...
Mẹ đợi con vô vàng như chiếc lá
Nỗi nhớ mong sao mà da diết quá!
Mẹ gọi con trong tiềm thức vỡ òa
Đã bao ngày cứ lặng lẽ trôi qua
Mẹ ra ngoài hiên ngồi như bất động
Đời mắt chờ con trong niềm vô vọng
Không khóc được nữa rồi sao mắt vẫn còn cay
Và một ngày, con sợ lắm! Ngày mai...
Khi con về thềm xưa không còn thấy Mẹ
Là lúc con biết mình không còn trẻ
Vắng Mẹ trong đời trẻ nhỏ cũng già nua.

DIỀU LINH



MÀU ÁO PHONG SƯƠNG...

Cư sĩ Liên Hoa

Bao nhiêu năm rồi, còn lưu lạc
hàng cây ngơ ngẩn đón chân ai
gió mưa chừ thấm đời lãng tử
Ta bà còn thoảng một hơi sương

chiếc áo bạc màu, người đang khoát
đền khuya soi rõ bóng vô thường
ngày mai, rồi lại ngày mai nữa
có biết luân hồi đang ở đâu?

Trên bước đường đi, bên những đại lộ
rộng thênh thang, bằng phẳng, trơn tru
...cũng có những con đường nhỏ, những
con lộ quanh co, ngoằn ngoèo, khúc
khủy, nhưng vẫn là con đường được
chọn, để cho mỗi người chúng ta đi đến
đích điểm nào đó, để hoàn thiện con
người chính mình.

Khi những sóng gió đời người xen lẫn
với thành bại, vinh nhục và con đường
như trở thành gai góc hoặc êm dịu tùy
theo cảm thọ xuất hiện theo bước chân
của mỗi người lãng tử. Có khi thời gian đã
xoá nhòa bao mộng đẹp, có lúc ta băn
khoăn hỏi từng sương gió, nhìn lại chiếc
áo như đã bạc màu, mờ phai theo năm
tháng dài và ngao ngán bi quan,
chấp nhận số phận; nhưng, có lúc những
bụi bặm, phù du của đời sống, lẫn lộn
giữa chợ đời, làm cho ta quán chiếu lại
chính mình và từ đó, dẫn đến làm tăng
trường những ước mơ, ước mơ của con
đại bàng tung cánh thênh thang trên bầu
trời cao, mệnh mông hoặc ước mơ của
người ẩn sĩ sống bình an, tâm tự tại.

đường trần xa, vạn nẻo ướm phong sương
trên vai áo gọi muôn trùng sóng gió
ta vẫn bước, gọi thiên hà say ngủ
trở về đây, tìm huyền mộng hoa nghiêm

suối tóc xưa, gió lộng bến vô ngôn
nguồn hơi thở vươn từ trời hoa tạng
nghe trầm năm, nguồn suối gọi lời thơ
lòng dâng hiến, từ tận đời vô thủy

hoa lá vẫn say tình theo năm tháng
rừng vô ngôn nở rục một trời mơ
ánh mắt đó còn ngời ngời sóng biếc
chảy mềm tan bao huyền hoá cuộc đời

ngày và đêm, ngời mở rộng nguồn tâm
ánh trắng xưa, năm ngón gỗ hoa lòng

màu sắc áo như cánh chim vạn nẻo
tiếng chuông ngân, tâm vẫn niệm bô
đề...

Chúng ta chợt nhớ lại lời dạy của
đức Phật trong Kinh Pháp Cú, như
một nhắc nhở cho bước đường đi, một
nhận thức sống sinh động giữa cõi đời
đầy bất an, khi bỏ quên chính tâm
mình. Có phải chăng là sen nở từ bùn
nhờ, tâm sáng từ vọng niệm, niềm vui
từ bất hạnh, nụ cười nở tươi đẹp trên
gương mặt phong sương...

"Như giữa đồng rác nhớp,
Quặng bỏ trên đường lớn,
Chỗ ấy hoa sen nở,
Thơm sạch, đẹp ý người."
(Kinh Pháp Cú 58)

Đạo Phật chưa bao giờ dạy con
người nhìn và sống với nhân sinh, với
đời sống bằng thái độ bi quan, yếm
thế, dù là biết bao nhiêu hoạt cảnh
không như ý xảy ra, để chạy trốn, bỏ
quên cả cuộc đời trôi theo dòng sóng
vô nghĩa... vì nhìn rõ được mỗi con
người, nơi suối nguồn sâu của tâm,
vẫn có Tánh Phật luôn luôn hăng sáng
và cần mỗi người phải cắt bỏ những
đây leo chẳng chặt, gốc rễ của tham
chấp, bám víu, thành kiến sai lầm và
chuyển tâm để mở bung ra chân trời
trong sáng, sống vị tha, chia sẻ, cởi
mở, xả bỏ... để làm đẹp cho cuộc đời
con người và của chính mình, trong
tinh thần bao dung, hỷ xả, bi mẫn, áp
áp tình người...

"Cũng vậy giữa quần sanh,
Uế nhiễm, mù, phạm tục,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Sáng ngời với Tuệ Trí."
(Kinh Pháp Cú 59)

Xin ghi lại những dòng nhận thức
thô thiển, cạn cợt của người con Phật
đang thực tập tu học và chuyển hoá
tâm, dù biết rằng đó chỉ là hạt cát
nhỏ nhoi trong biển lớn Phật Pháp,
nhưng xin được kính dâng tất cả mọi
người với tấm lòng quý kính...

Một ngày mùa Hạ
25.08.2011
www.lien-hoa.net

Huyền mộng đôi lần

gió sương trắng bụi viễn hành
đường xa mịt mịt đặng trình về đâu?
cùng trời cuối đất chia màu
chép phù sinh uống biển dâu kiếp này
tàn cơn mộng
tình cơn say
vẫn mình đi đứng loay hoay với mình.

PHÙ DU

HOÀNG SA NỘ KHÍ PHÚ

Kha Tiệm Ly

(Nguồn: Trannhuong.com)

Ngựa cũ quen đường,
Đã già lâm nét.
Việc phế hưng mỗi thuở khác nhau,
Mộng bá chủ bao đời y hết!

Ta thấy người,
Từ Đông Chu bị họa Thất Hùng,
Đến Hậu Hán bị xiềng Tam Quốc.
Đất Trường An thấy chất chấp chùng,
Bờ Vô Định xương phơi chất ngất!

Đã biết,
Hễ gieo chinh chiến là kín đất đau
thương,
Nếu động can qua thì mịt trời tang tóc.

Vậy mà sao,
Chẳng lo điều yên nước no dân,
Lại quen thói xưa quân chiếm đất?
Như nước ta,
Một dải non sông, nam bắc chung giềng,
Trăm triệu anh em, trước sau như nhất.
Hoàng Liễn, Tam Đảo, Hồng Hà, Cửu
Long, là máu là xương,
Phú Quốc, Côn Sơn, Trường Sa, Hoàng
Sa là da là thịt.

Máu xương đâu lẽ tách rời,
Thịt da để gì chia cắt?
Mà là liền tổ quốc phồn vinh,
Mà là khối giang sơn gấm vóc.
Người trăm triệu nhưng vốn một lòng,
Tìm một trái bầu nhiều sắc tộc!
Nữ nhi chẳng thiếu bậc anh hùng,
Niên thiếu cũng thừa người kiệt xuất.
Mười năm phục quốc, gươm Lê Lợi thép
vẫn sáng ngời,
Ba lượt phá Nguyễn, sông Bạch Đằng cọc
còn nhọn hoắt.
Thùng! Thùng! Thùng! Liên hồi giục,
trống Ngọc Hồi hục bước tiến quân.
Đánh! Đánh! Đánh! Luôn miệng hét,
điện Diên Hồng, vang lời sát thát.
Ái Chi Lăng, Liễu Thăng chết còn lác
phách kinh hồn,
Sông Nhị Hà, Sĩ Nghị chạy còn đứng tim
vỡ mặt.

Thoáng thấy vó câu Thường Kiệt, Khâm
Châu ngàn dặm, không còn bóng quí
bóng ma,(1)
Chợt nghe tiếng sét Đống Đa, Quảng
Đông toàn tỉnh chẳng tiếng con gà con
vịt. (1)
Hùng khí dù dậy trời Nam,
Nghĩa nhân lại tràn đất Bắc:

Thương người binh bại, tàn quân về còn
cấp xe ngựa rình rang (2)
Trọng kẻ trung can, hổ tướng chết vẫn
được khói hương chớm chút.(3)
Mạc Cửu đem quân lánh nạn, chúa ta vẫn
mở dạ đón người,
Hoa kiều mượn đất ở nhờ, dân ta vẫn
chia cơm xẻ thóc.
Phúc cùng hưởng khi mưa thuận gió hòa,
Họa cùng chia lúc sóng vùi gió dập.
Giúp các người như kẻ một nhà,
Thương các người như người chung bọc!

Thế mà nay,
Người lại lấy oán trả ơn,
Người lại lấy thù báo đức!
Ăn đàng sống, nói đàng gió, y như dĩ
thứi già mồm.
Lộn bề ngược, tráo bề xuôi, khác chi
điểm già bịp bạc.

Kéo neo tuần hạm, ào ào đổ bộ Hoàng
Sa,
Quay súng thần công, ầm ầm tấn công Đả
Bắc.
Chẳng chấp hải qui,
Chẳng theo công ước.
Quen nết xưa xác láo, giở giọng hung
tàn,
Lậm thói cũ nghênh ngang, chơi trò
bạo ngược.
Nói cho người biết; dân tộc ta:
Từng đánh bọn người chỉ với ngọn giáo
dài,
Từng đuổi bọn người chỉ bằng thanh
kiếm bạc.
Từng đánh Tây bằng ngọn tầm vông,
Từng đuổi Nhật với thanh mác vót!

Vì khát tự do mà uống nước đìa,
Vì đói độc lập mà ăn cơm vắt.
Sá chi tóc gội sa trường,
Đâu quản thân phơi trận mạc.
Hãy liệu bảo nhau,
Nhìn thân Gò Đống mà liệu thẳng liệu
thua,
Thấy cọc Bạch Đằng mà nghĩ sau nghĩ
trước!
Đừng để Biển Đông như Đàng Giang
máu nhuộm đỏ lôm,
Đừng để Hoàng Sa là Đống Đa xương
phơi trắng xác!
Nếu người dựa vào hòa tiền, phi cơ,
Thì ta cũng có tuần dương, đại bác.
So vũ khí, thì kẻ nhược người cường,
Đọ trái tim, coi ai gang ai sắt?
Thư hãy xem tường,
Hoàng Sa hạ bút.

Chú thích:

- (1) Sử ghi: Khi Lý Thường Kiệt đem quân qua Khâm Châu, Liêm Châu, cũng như khi quân Thanh bại trận Đống Đa chạy về, thì dân Tàu vùng biên giới kinh hoàng chạy theo. "Từ Nam Quan về bắc hàng trăm dặm vắng tanh, không thấy bóng con gà, con vịt"
- (2) Sự kiện Lê Lợi cấp ngựa và lương thực cho tù binh quân Minh về nước
- (3) Sự kiện dân ta lập miếu thờ Sầm Nghi Đống hạ tướng của Tôn Sĩ Nghị).



NGỌT NGÀO VU LAN THIÊN THU TÌNH MẸ

Nguyễn Trâm

Rất ngẫu nhiên, tôi nhận được email từ người bạn gửi cho chương trình Lễ Vu Lan tại chùa Thiên Trúc, San Jose. Đọc lướt qua nội dung chương trình, tôi thực sự ấn tượng bởi hai điều: điều thứ nhất là, tấm lòng từ bi của quý thầy, những trưởng tử của Như Lai, đã dốc hết công sức tổ chức Trai đàn Bạt độ cầu siêu cho cha mẹ nhiều đời đã quá vắng cũng như sám hối giải oan cho những hải nhi bé bỏng không may chưa lọt lòng mẹ đã phải giã từ trần gian về bên kia thế giới; điều thứ hai là, chất "thi vị" trong 15 món chè của mẹ, xin nói thật là tôi bị bác sĩ cấm ăn nhiều đường nên không hào ngọt cho lắm! Vì thế, không phải tôi thích ăn chè mà ca ngợi quá lời. Cái chất thi vị ở đây không nằm trong các ly chè mà nó nằm ở những bàn tay ấm áp của mẹ. "15 món chè của mẹ" gợi cho ta nhớ về năm xưa, hình ảnh của mẹ hiền lam lũ bên mái tranh nghèo. Chính bàn tay chơi sắn tào đó của mẹ đã dậy chơi thức khuya để nấu cho ta những món ăn mà ta thích. 15 món chè chỉ là một điểm son nhỏ trong hàng triệu triệu chấm son công ơn to lớn của mẹ hiền. Nhưng điều tôi muốn nói ở đây là sự gợi nhớ, sự gợi nhớ này là "chất thi vị". Không biết có phải "idea" 15 món chè của mẹ đó từ thầy trú trì hay không mà làm cho nhiều Phật tử nhớ mẹ quá chừng!

Thu xếp xong công việc nhà, tôi đáp chuyến bay từ Los Angeles lên chùa Thiên Trúc, San Jose để tham dự Đại lễ Vu Lan mà tôi cho rằng hiếm gặp này. Tôi hót ha hót hải đến chùa và xin gặp thầy trú trì để nói lên tấm lòng ngưỡng mộ đối với quý thầy. Những tưởng là thầy cũng "phe" với tôi hoặc là khen tôi về sự cảm phục đó, nhưng không ngờ thầy phán một câu xanh rờn: "Có chi đâu chị, ai cũng làm giống như quý thầy được hết." Tôi sững sờ một phút và suy nghĩ lại, thì ra hạnh nguyện của quý thầy cao hơn suy nghĩ của mình, làm nhiều việc to lớn như vậy nhưng lúc nào cũng cảm thấy nhỏ bé như chưa làm được điều gì. Tôi phục quý thầy quá!

Thứ Bảy, ngày 13 tháng 8 là buổi lễ bắt đầu. Phần khai kinh Trai đàn Bạt độ diễn ra rất long trọng, có sự tham dự rất đông của chư tôn đức và quý Phật tử khắp nơi. Tôi chọn một vị trí để lễ lạy, đồng thời theo dõi diễn tiến của buổi lễ. Trong lòng tôi tự nhiên có một xúc cảm mãnh liệt khi quý thầy làm lễ quá trang nghiêm, long trọng, nhất là lúc quý thầy thỉnh chư hương linh cha mẹ nhiều đời đã quá vắng, các hải nhi sút sào và thập loại cô hồn không nơi nương tựa, chư chiến sĩ Việt Nam, Hoa Kỳ hy sinh vì đại nghĩa quốc gia, các hương hồn bỏ mình trên biển cả trong cuộc vượt biên tìm tự do... và quý thầy cũng không quên cầu nguyện cho hơn 25 nghìn người Nhật Bản đã thiệt trong cơn sóng thần vừa qua. Đến đây, hai

dòng nước mắt của tôi chợt lăn dài trên gò má...

Buổi trưa hôm đó là phần Trai Tăng trong ngày Vu Lan Tự Tứ truyền thống mà đức Phật đã dạy trong kinh "Báo Ân Cha Mẹ". Tôi thấy quý Phật tử mỗi người mỗi tay dọn thức ăn rất nhanh chóng, đẹp mắt, mà cũng rất ngăn nắp dâng lên cúng dường thập phương chư Đại đức Tăng. Quý thầy trong màu hoàng y trang nghiêm thanh tịnh đã chú nguyện cầu siêu cho cha mẹ nhiều đời được siêu sanh Phật quốc, cha mẹ và người thân hiện còn nhờ phước báu này mà sống an lành trong đạo pháp từ bi của đức Phật. Xong phần cúng dường, quý Phật tử bắt đầu dùng cơm trưa trong chánh niệm. Tôi thấy niềm hân hoan, an lạc hiện rõ lên trên nét mặt của toàn thể quý Phật tử hôm đó. Cơm nước xong, tôi cũng tạm về nghỉ trưa một chút ở nhà một Phật tử quen biết gần đó.

Chiều, lúc 1:30, quý thầy bắt đầu phần nghi thức Bạt độ Giải oan cho những oan hồn đã vì một nguyên nhân nào đó mà chết đi một cách đột ngột, tức tưởi. Tôi đoán như vậy. Để rõ hơn, tôi tìm gặp một vị thầy để nhờ giải thích về ý nghĩa của Trai đàn Bạt độ này. Thầy trả lời: "Bạt là nhổ lên, Độ là vượt qua. Nhổ tận gốc rễ của lòng tham lam và oán thù để nghe lời kinh, tiếng kệ, nương vào pháp Phật mà vượt thoát cảnh luân hồi sanh tử khổ đau." Thầy nói tiếp: "Đây là đàn thức được thiết trí theo đàn tràng Mandala, bao gồm cả Thiên tông, Mật tông và Tịnh độ tông được các vị tổ sư soạn thảo nhằm cứu độ cho những oan hồn không nơi nương tựa, rất có lợi lạc." Tôi cảm ơn thầy giảng giải cho tôi biết rõ hơn về ý nghĩa Trai đàn Bạt độ. Tôi cứ tưởng như bao buổi lễ khác, chắc lễ Bạt độ này cũng chừng khoảng một tiếng đồng hồ, không ngờ thầy chủ sám và quý thầy trong ban kinh sư tụng suốt cả 4 tiếng đồng hồ không ngơi nghỉ. Mạnh khỏe như tôi mà chỉ đứng được 1 hoặc 2 tiếng đồng hồ là phải tìm chỗ ngồi rồi, huống hồ gì suốt 4 tiếng mà quý thầy chỉ đứng và tụng kinh. Tôi thầm nghĩ, chắc là có Phật lực gia hộ cho quý thầy! Quý Phật tử thì mỗi người cầm trong tay mỗi bài vị của người thân, thay vì hương linh mà lạy theo quý thầy. Trong lời kinh, tiếng kệ ngân vang, tôi nghe đâu đó tiếng khóc thút thít của rất nhiều người. Họ nói rằng chưa bao giờ họ được tham dự một buổi lễ quá long trọng và linh thiêng như vậy. Họ khóc là vì lâu nay chưa có dịp làm được việc gì đó cho người đã mất, nay có quý thầy tạo điều kiện cho họ thể hiện tấm lòng thương tưởng đến người thân của họ. Họ quá hạnh phúc và khóc vì xúc động. Khi Hòa thượng chứng minh Thích Thái Siêu thuyết pháp Bạt độ cho các hải nhi sút sào và các hương linh thì họ lại càng ngậm ngùi nhiều hơn.

Lúc Bạt độ xong, mọi người được thưởng thức "15 món chè của Mẹ" thật

tuyệt vời. Tôi tưởng 15 món chè nếu ăn thì còn lâu mới hết. Không ngờ chỉ trong vòng nửa tiếng mà các món chè đã sạch trơn. Có người đề nghị với thầy trú trì sang năm nhờ thầy làm 50 món chè ăn mới đủ. Thầy cười mà nói vui rằng: "Ăn 50 món chè là thành Đường Tam Tạng hết!" Phật tử hỏi sao vậy thầy, thầy nói: "Đường Tam Tạng là Đường Tăng. Ăn 50 món chè mà đường không tăng mới là lạ!" Ai cũng gật đầu cười sảng khoái.

Đúng 6 giờ tối là phần Thập nển nguyện cầu, tưởng nhớ đến ơn cha nghĩa mẹ và tất cả chúng sanh và phần văn nghệ cúng dường mùa Vu Lan Báo hiếu lấy chủ đề bài thơ của thầy trú trì "Thiên Thu Tình Mẹ". Tôi cũng rất bất ngờ khi có sự hiện diện của sư ông viện trưởng tu viện Kim Sơn, Thích Tịnh Từ, cùng với tăng chúng rất đông. Nghe đầu đạo này sư ông không khỏe nên ít đi đâu, vậy mà hôm nay sư ông cũng quang lâm đến chứng minh, chắc là sư ông cũng có cảm tình lắm với thầy trú trì chùa Thiên Trúc. Chương trình văn nghệ, ngoài phần biểu diễn của các anh chị em nghệ sỹ trong nhóm Hương Sen còn có phần hát cúng dường của quý thầy nữa, mà quý thầy hát rất hay và truyền cảm với những bài ca về công cha nghĩa mẹ. Tôi rón rén đến gần thầy trú trì và hỏi: "Thầy ơi, quý thầy tập hát khi mô mà hay rứa?" Thầy trả lời với nụ cười hoan hỉ: "Có tập mô mà tập, do quý thầy tụng kinh nhiều nên hát hay rứa đó! Chị không tin về tụng kinh nhiều nhiều xem, chắc hát còn hay hơn quý thầy!" Phật tử, ngồi tụng kinh nhiều như quý thầy chắc là tôi phải hẹn kiếp sau, vì kiếp này tôi bị cái "nghịch" chỉ ngồi được 15 phút là phải đứng dậy đi lui đi tới rồi. Tôi cũng rất ấn tượng về vở hát kịch "Mẹ ghé con chõng" do anh chị em trong nhóm Hương Sen dàn dựng. Người thủ vai chính là bé Jenny Đặng Anh kết hợp bé Dung Nhi, chị Trinh và anh Họa sĩ Trần Bốn. Không ngờ anh Bốn là họa sỹ mà cũng đóng kịch có duyên ghê. Vở bi hài kịch rất đặc sắc làm cho nhiều người vừa cười vừa rơi lệ. Nghe đầu hôm đó quý Phật tử ủng hộ cho tiết mục này gần 500 đồng và các anh ca nghệ sỹ nhóm Hương Sen quyết định cúng lại số tiền đó cho chùa Thiên Trúc. Tôi nghe thấy một tràng vỗ tay vang thật dài của quý Phật tử dành cho nghĩa cử cao đẹp đó! Xong phần văn nghệ, tôi thu xếp đồ đạc về nghỉ ngơi mà trong lòng cảm thấy thành thời và an lạc.

Chủ nhật, tôi dậy thật sớm để sang tham dự Đàn Tràng Địa Tạng do quý

thầy trong ban kinh sư chủ tọa. Trên đàn tràng thì có 7 thầy, dưới này quý Phật tử rất đông, mỗi người được sắp mỗi người mỗi cái ghế để ngồi tụng. Lạy Phật, may mà có ghế, nếu không có ghế mà an tọa dưới nền đất là con chịu. Đàn Tràng Địa Tạng suốt hơn 2 tiếng đồng hồ thì xong.

Sau phần tụng kinh còn có phần thuyết giảng về "Đạo Làm Con" của thầy trú trì nữa. Nghe tiếng đã lâu hôm nay mới "tận mục sở thị" là thầy thuyết pháp rất có "duyên". Có lúc thì Phật tử được cười rất to, nhưng có lúc cũng nhớ mẹ da diết, ngậm ngùi gần lị. Phật tử nghe những bài thơ về cha mẹ, về đạo làm con thật thấm thía. Khi thầy đọc bài thơ của Thanh Tịnh: "Năm xưa tôi còn nhỏ, mẹ tôi đã qua đời, lần đầu tiên tôi hiểu, thân phận kẻ mồ côi. Quanh tôi ai cũng khóc, im lặng tôi sâu thẳm, để dòng nước mắt chảy, là bớt khổ đi rồi..." Tôi chợt thấy có mấy bàn tay đưa lên khóe mắt, rưng rưng... Thấy Phật tử buồn vì nhớ cha nhớ mẹ, thầy liền pha trò cho mọi người cười. Thầy nói, có những cô con gái không nỡ xa cha mẹ khi đến tuổi lấy chồng nên nói rằng: "Má ơi đừng gả con xa, gả con qua Mỹ qua Canada là được rồi." (Sau đó thầy đọc lại là: *Chim kêu vượt hủ biết nhà Má đâu. Hủ hôn!*). Mọi người được một trận cười nghiêng ngửa.

Chiều hôm đó, lúc 2 giờ là phần Đăng đàn Chấn tế. Thầy chủ sám đội mũ Tỳ Lư trang nghiêm cử hành đàn thức "Du Già Tập Yếu" mà chúng ta thường quen gọi là Đàn Tràng Chấn Tế. Quý thầy quyết ẩn, gõ thủ xích xuống bàn làm cho mọi người im phăng phắc. Chắc cô hồn cũng phải im lặng trong trật tự? Cha mẹ và người thân trong nhiều đời kiếp đã quá vắng cũng như 12 loại cô hồn cũng được quý thầy lần lượt triệu về nghe kinh, thỉnh pháp và thọ hưởng trai diên, trượng thừa công đức mà siêu sanh Phật quốc. Lần đầu tiên trong đời tôi tham dự Đàn tràng quá long trọng như thế này. Như đàn tràng Bạt độ hôm qua, hôm nay Chấn tế quý thầy cũng ngồi tụng suốt gần 5 tiếng đồng hồ. Mọi người ai cũng tấm tắc khen và cảm phục đức độ của quý thầy. Trong suốt hai ngày, tôi hết đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Ngạc nhiên mà kính phục vô cùng!

Đến 7 giờ tối là hạ đàn. Nhìn ai cũng hoan hỉ và cảm thấy hương vị ngọt ngào, ấm áp trong Mùa Vu Lan "Thiên Thu Tình Mẹ" của chùa Thiên Trúc, thành phố Hoa Vàng.

Los Angeles, Mùa Vu Lan 2011



THUẬN THEO TỪNG TÌNH CẢNH, ẤT TRÁNH MỌI ĐAU THƯƠNG

Tịnh Minh soạn dịch từ *Pháp Thoại Pháp Cú*

Thử nọ có một nạn dịch bộc phát tại nhà của một đại phú hào ở thành Vương-xá. Lúc đầu các loại gia cầm gia súc như gà vịt trâu bò tự nhiên phình bụng vài hôm rồi lăn đùng ra chết, tiếp đến là những người nô lệ và sau cùng là ông bà chủ nhà. Vừa mới nhuốm bệnh, và biết thế nào cũng chết, họ đứng nhìn đứa con trai duy nhất với hai hàng nước mắt ràn rụa, nói rằng:

- Con ơi! Con là đứa con trai duy nhất của cha mẹ. Cả đời cha mẹ tảo tần gây dựng gia nghiệp cho con. Đừng lưu luyến cha mẹ nữa. Hãy trốn ra khỏi thành càng sớm càng tốt. Hãy ẩn náu ở một nơi thật xa rồi một ngày thuận tiện nào đó con sẽ trở về khai quật kho báu cha mẹ chôn ở nơi này lên mà tiêu dùng.

Trước trận dịch đang lan tràn khủng khiếp, đứa con phải sụt sùi rơi lệ, chấp tay quỳ lạy và ngỏ lời vĩnh biệt song thân. Chàng đi đến một cánh rừng già u tịch và sống ở đó được mười hai năm.

Khi chàng trở về, râu tóc bù xù, mặt mày hốc hác, áo quần người ngợm trông lồi thối lếch thếch như một kẻ ăn mày. Không ai nhận ra chàng là "cậu ấm" của một danh gia vọng tộc, vang bóng một thời. Chàng lần tìm đến nơi kho tàng được cất giấu và thấy nó vẫn còn nguyên. Lòng mừng mừng tủi tủi, loay hoay không biết phải làm gì. Cuối cùng chàng tự nghĩ:

- Không ai biết ta từng sống nơi đây. Nếu ta khai quật vàng bạc ngọc ngà lên và sống theo lối trường giả thì e rằng sẽ bị nghi ngờ, theo dõi; sẽ bị giam cầm, tra tấn hoặc bị thủ tiêu vì cái kho báu này không chừng. Tốt hơn hết là ta nên đến xóm lao động, làm thuê làm mướn, sinh sống qua ngày, chả ai quấy rầy dòm ngó; cuộc sống bề ngoài trông có vẻ quanh hiu, lam lũ nhưng trong lòng thật tự tại, thênh thang.

Và thế là chàng quyết định giã từ báu vật, an phận giần đờn, chấp nhận làm công cho một nông gia với sớm chiều chăm lo trâu bò đồng áng, và chàng được cấp một căn nhà.

Một hôm, nhân chuyến tham quan cảnh sinh hoạt vụ mùa, vua Tần-bà-sa-la, người có tài đoán tướng qua âm thanh, nghe tiếng nói của chàng và quả quyết rằng đó là âm thanh của người đại phú, đại quý. Một cung nữ đứng bên vua nghe được điều đó, nàng mặt sai nô tỳ đi tìm cho được người có âm thanh phú quý kia. Hai ba phen nhọc công tìm kiếm nhưng lần nào nàng cũng được báo cáo là chỉ gặp một gã làm công áo quần nhếch nhác, lu bu với trâu bò vườn ruộng suốt ngày.

Để xác định sự thật và tìm cho ra manh mối, cung nữ lại tâu vua:

- Tâu hoàng thượng, người có âm thanh phú quý kia, theo thiếp biết, chỉ là một tên nô bộc không hơn không kém.

Quốc vương nói:

- Không đúng! Âm thanh đó đích

thị là hiện thân của bậc đại phú, đại quý.

Thế là nàng liền xin phép quốc vương, cùng ái nữ của mình lên đường đi tìm người có âm thanh đặc biệt đó.

Họ cải dạng thành khách bộ hành lữ bước, vào nhà chàng trai làm công kia xin tá túc một đêm. Sáng hôm sau họ giả vờ lên cơn sốt và thế là họ được ở lại mấy hôm chung sống vui vẻ. Rồi một hôm nọ, nghe tiếng con gái thút thít khóc, người mẹ hỏi:

- Có việc gì vậy con?

- Mẹ ơi!... Con biết nói sao bây giờ.

Sáng hôm sau chàng thanh niên thành thật xin lỗi và xin chịu mọi biện pháp gia hình. Người mẹ nói:

- Chuyện đã lỡ rồi! Nhưng mà hai đứa có thương nhau không?

Cả hai im lặng, chỉ khẽ liếc mắt nhìn nhau.

- Đã vậy thì hai đứa từ nay nên vợ nên chồng, phải thương yêu, tin tưởng và đùm bọc lẫn nhau suốt đời.

Cả hai đều quỳ xuống và ôm hôn gối mẹ.

Thấy cuộc sống chật vật, phần thương mẹ thương vợ, chàng thanh niên

Kum-ba-gô-xa-ka (Kumbhaghosaka) lên đến chỗ cất giấu kho báu, gỡ lấy một ít vàng bạc đem về đưa cho vợ, và thế là bà mẹ vợ mặt chuyển số vàng bạc đó về tâu vua. Quốc vương liền phái vệ binh đến trừc nã Kum-ba-gô-xa-ka. Thất kinh, chàng thanh niên hồn nhiên, chất phác sững sờ thấy mình bị trói tay, áp giải đến hoàng triều. Người mẹ vợ thấy vậy nói:

- Bọn nha môn hỗn manh kia không được làm kinh động con rể ta.

Rồi bà quay sang chàng, nói:

- Con cứ bình tĩnh theo họ về triều.

Mọi việc đã có mẹ.

Chàng thanh niên nhìn mẹ, nhìn vợ với hai hàng nước mắt rờn rờn.

Trước mặt quốc vương, Kum-ba-gô-xa-ka khấu đầu lạy tạ và đợi lời thẩm vấn. Quốc vương hỏi:

- Người là Kum-ba-gô-xa-ka?

- Thưa vâng, muôn tâu bệ hạ!

- Tại sao người chiếm đoạt tài sản của người khác?

- Muôn tâu bệ hạ, thảo dân đầu có tài sản. Con sinh sống bằng nghề cày thuê cuốc mướn. Mong bệ hạ lượng xét.

- Hừ!... Người còn dám to gan lưỡng gạt cả trẫm nữa sao?

- Muôn tâu bệ hạ, thảo dân không dám!

Thế là quốc vương đưa vàng bạc ra, hỏi:

- Vàng bạc này của ai?

Thất kinh, Kum-ba-gô-xa-ka chỉ biết đưa mắt nhìn quanh, và thấy hai người phụ nữ quen thuộc ăn mặc lộng lẫy đứng hầu dưới bệ rồng.

Quốc vương quát:

- Nói đi!... Tại sao người dám trộm cắp châu báu của kẻ khác?

- Muôn tâu bệ hạ, Kum-ba-gô-xa-ka cúi đầu thưa, kho báu đó quả thật là của cha mẹ con để lại cho con. Nhưng nay cha mẹ con không còn nữa, con tứ cố vô thân, không nơi nương

tựa, không người chở che, sợ khai quật kho báu sẽ liên lụy đến tánh mạng, nên con đành phải chọn cuộc sống gánh thuê vác mướn cho yên thân yên phận. Ước gì bệ hạ là nơi nương tựa của con!

- Khá khen cho người, quốc vương nói.
Đoạn ngài ra lệnh chở toàn bộ châu báu về hoàng cung, sung vào công quỹ; phong Kum-ba-gô-xa-ka làm quan thủ khổ và gả công nương cho chàng.

Sau đó quốc vương đưa chàng đến đánh lễ Đức Thế Tôn, và thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, không ai như cháu này: không ham vàng bạc, không chuộng công danh, chỉ vui với nếp sinh hoạt bình dị, khiêm tốn, thật là hiếm có trên đời!

Nghe qua, Đức Thế Tôn nói:

- Đại vương, cháu ấy vốn có nếp sống cương trực, chánh niệm, cẩn trọng, tự chế trong cả ngôn ngữ, tư tưởng và hành động; người như vậy sẽ đi từ thành công này đến thành công khác, từ sức mạnh này đến sức mạnh khác.

Ngài đọc kệ:

*Ai nỗ lực, chánh niệm,
trong sạch và nghiêm cần,
tự chế, sống chân chánh,
tiếng lành tăng trưởng dần.
(PC. 24)*



TRÁI TIM CỦA MẸ

Thích Nữ Trí Hải

Ngày xưa, có một cậu bé ở với mẹ trong một túp lều ven rừng. Ngày ngày cậu đi vào rừng hái củi bán để nuôi mẹ. Mẹ cậu ở nhà nấu cơm, vá áo chăm sóc những luống rau. Hai mẹ con sống nghèo nàn hẩm hút, nhưng không kém về đầm ấm, bởi vì tình thương của mẹ vốn đã là điều kiện cần và đủ cho một con người.

Nhưng cậu bé lớn dần và bắt đầu đi xa hơn trong những buổi kiếm củi. Hồn cậu cũng bay xa hơn trong những mộng ước, mong chờ. Cho đến một chiều nọ, trên đường hái củi cậu bắt gặp một bóng hồng thiếu nữ bên suối biếc. Kể từ hôm ấy, bát cơm nguội trên tay mẹ âu yếm đưa cho cậu ăn đỡ đói lòng mỗi khi trở về, không còn hương vị nữa. Cậu bắt đầu tiếc nhớ bằng khuôn, người trở thành thờ thẩn, mất hồn. Bà mẹ lo lắng hỏi han, cậu gắt gỏng với mẹ. Tình yêu hay đúng hơn, sự mê gái, đã làm cậu lú lẫn mê muội rồi. Mẹ càng chăm sóc ân cần, cậu càng khó chịu, muốn bỏ nhà ra đi... theo bóng hồng bên suối biếc.

Ồi, phải chăng nàng là tiên nữ giáng trần? Cậu cảm như chưa bao giờ thấy một người con gái đẹp đến thế. Mỗi dáng vẻ, động tác của nàng đều làm cho cậu mê mẩn tâm thần:

Trúc xinh trúc mọc bờ ao

Em xinh em đứng chỗ nào cũng xinh

Huống chi nàng lại đứng bên bờ suối phản chiếu ánh trời chiều long lanh với muôn màu sắc: màu xanh của mây, màu vàng, đỏ, tím của hoa rừng, màu lục biếc của cây lá... Giữa thiên nhiên kỳ tuyệt ấy, nàng nổi bật như một đóa hoa vương giả khoe tươi.

"Thầm yêu trộm nhớ bấy lâu đã chồn" ...

Thanh niên đánh bạo đến gần người đẹp. Thiếu nữ vừa trông thấy cậu đã khóc òa:

- Chàng ôi! Thiếp không còn sống được bao lâu nữa nếu...

Giọng oanh vàng nức nhen. Thanh niên hỏi dồn:

- Tại sao, tại sao, nàng hỏi! Tôi sẽ làm bất cứ gì để đem lại sự sống cho nàng, dù có phải mất mạng.

Thiếu nữ mở lớn đôi mắt bồ câu xinh:

- Thật không, ồ xin chàng hãy cứu thiếp! Thiếp đau bệnh nan y, thầy thuốc bảo chỉ có nuốt vào mình trái tim nóng hổi của một người mới tắt thở, họa may hết bệnh. Nếu chàng cứu thiếp, thiếp xin hứa sẽ trọn đời sửa tui nâng khăn.

- Xin nàng hãy đứng chờ.

Thanh niên chạy như bay một mạch về túp lều. Bà mẹ tựa cửa trông con, trong chỗ tranh sáng tranh tối, cậu va cái cốc vào đầu mẹ. Tiện thể, cậu rút ngay con dao ở vách lều, thọc vào ngực bà, moi ra trái tim còn nóng hổi. Cậu bung trái tim mẹ hời hả chạy ngược trở lại bờ suối.

Mặt trời đã lặn khuất sau đồi. Bóng lá cây đen dày che rợp lối đi. Ba bốn lần cậu suýt vấp ngã vì vội vàng hấp tấp. Bỗng nghe một tiếng nói hiền từ đầu đây vọng lại:

- Con ơi, chạy chậm bước lại kéo té con ạ!

Cậu giật mình đứng lại ngơ ngác nhìn quanh. Nhưng cậu chợt hiểu. Thì ra tiếng nói kia vang lên từ trong hai lòng tay cậu, từ TRÁI TIM CỦA MẸ!

(Đường Vào Nội Tâm – Thích Nữ Trí Hải)



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

Điều Âm lược dịch

NAM HÀN: Mihwang, đền thờ Phật giáo ở cực nam đất nước

Tọa lạc tại chân Núi Dalma, ngôi đền Phật giáo Mihwang có đặc điểm thú vị về lịch sử và địa lý.

Người ta nói rằng những người thành lập đền Mihwang đã trực tiếp du nhập Phật giáo từ Ấn Độ vào nơi đây bằng đường biển. Ngôi đền cũng chính là đền thờ Phật giáo ở địa điểm xa nhất về phía nam của lục địa Triều Tiên. Nếu đứng ở sân đền, người ta có thể tận hưởng cảnh biển và núi non bao quanh, đẹp nhất là vào lúc hoàng hôn.

Đền Mihwang là một trong số những điểm đến tham quan tại khu vực cực nam Ddangkkeut của Nam Hàn, bao gồm cả bia đá cao 10 mét đánh dấu điểm cực nam của lục địa, đài thiên văn 10 tầng Ddangkkeut và Viện Bảo tàng Khủng long Uhangni.

(Urban Dharma - August 1, 2011)



The altar at Mihwang Temple

Nhà thờ tại đền Mihwang - Photos: Oleg Kiriyanov



Stone monuments in the backyard of Mihwang Temple / Photos by Oleg Kiriyanov

Di tích bằng đá ở sân sau của Đền Mihwang

ẤN ĐỘ: Cải cách chế độ hiện hành về thị thực đối với các học giả Phật giáo Mông Cổ

Để mối quan hệ văn hóa thêm sâu sắc và để thúc đẩy quan hệ song phương giữa 2 quốc gia, Ấn Độ đã cởi mở về chế độ thị thực hiện hành đối với các học giả Phật giáo đến từ Mông Cổ.

Ngày 30-7-2011, sau chuyến thăm Mông Cổ 3 ngày, Tổng thống Ấn Độ Pratibha Patil cho biết, "Ấn Độ đã cởi mở hơn về chế độ thị thực cho các tăng sĩ Mông Cổ đến Ấn Độ để nghiên cứu Phật giáo. Bây giờ họ sẽ được hội đủ điều kiện về thị thực trong suốt thời gian nghiên cứu hoặc trong 5 năm, cho dù thời gian học

ngắn hơn".

Bà nhấn mạnh, "Chúng ta có các mối quan hệ lịch sử với nhau, có một liên kết mạnh mẽ của Phật giáo. Các tăng sĩ đến học ở đây rất hạnh phúc. Tôi hiểu rằng điều này sẽ tạo một bầu không khí thân mật hơn nữa cho mối quan hệ của chúng ta".

Trước đây, đối với khóa học hơn 12 tháng, các tăng sĩ được cấp thị thực một năm và phải trở về nước rồi quay trở lại với giấy phép nhập cảnh mới.

(OUTLOOK india.com - August 2, 2011)

TÂY TẠNG: Tôn trí chân dung của Đức Đạt lai Lạt ma

Hàng nghìn Phật tử gần đây đã hoan hỉ tập trung tại KhamLithang Gonchen, ở miền đông Tây Tạng, và công khai tôn trí một chân dung của Đức Đạt lai Lạt ma. Việc bày tỏ rõ rệt sự ủng hộ Đức Đạt lai Lạt ma đã có một tác động tích cực đối với những nỗ lực giữ cho tinh thần những lời dạy của Ngài được sống mãi.

Việc tôn trí chân dung của Đức Đạt lai Lạt ma và Ban thiền Lạt ma thứ 10 diễn ra trong kỳ hội tôn giáo 10 ngày Jang Gonchoe Chenmo, bắt đầu vào ngày 15-7-2011.

Ông Atruk Tseten, một thành viên của chính phủ Tây Tạng lưu vong, nói rằng đây là thời khắc rất hoan hỉ và xúc động đối với những người Tây Tạng từ khắp nơi của đất nước này, khi họ cùng xếp hàng trước chiếc ngai và cúng dường những chiếc khăn quàng cổ Tây Tạng khatak.

(examiner.com - August 2, 2011)



Chân dung lớn bằng người thật của Đức Đạt lai Lạt ma đang được tôn trí - Photo: examiner.com

NHẬT BẢN: Tu viện Phật giáo Enryaku-ji ở Núi Hiei

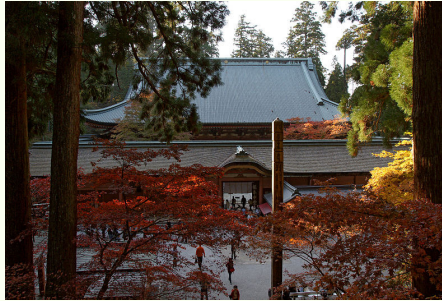
Tu viện Enryaku-ji tọa lạc tại Núi Hiei ở gần quận Kyoto. Tu viện là nơi thành lập giáo phái Phật giáo Tendai vào thế kỷ thứ 8. Giáo phái này đã trở thành lực lượng đứng đầu tại Nhật Bản trong nhiều năm, từ đó phát triển thành nhiều Phật phái khác.

Giữa các đền thờ của tu viện Enryaku-ji, người ta tìm được không khí tĩnh lặng, tôn nghiêm cùng những cảnh đẹp của các quận Kyoto và Shiga.

Núi Hiei cũng là nơi diễn ra cuộc họp liên tôn giáo hàng năm, do Giáo hoàng John Paul II khởi xướng vào năm 1986. Cuộc họp thượng đỉnh thường niên năm nay diễn ra vào ngày

4 tháng 8, với nhiều nhà lãnh đạo tôn giáo dự kiến tham dự.

(ncronline.org - August 2, 2011)



Tu viện Enryaku-ji ở Núi Hiei, Nhật Bản - Photo: ncronline.org

HOA KỲ: Vợ chồng Chủ tịch Hãng Samsung cúng dường 12 tỉ won cho Phật giáo Won tại New York

Chủ tịch Hãng Điện tử Samsung Lee Kun-hee và vợ là Hong Ra-hee đã cúng dường tổng cộng 12 tỉ won (11,2 triệu usd) kể từ năm ngoái để giúp xây một ngôi đền Phật giáo Won tại New York.

Là tín đồ thuần thành của Phật giáo Won (trường phái Phật giáo Triều Tiên thành lập vào năm 1916), vợ chồng ông Lee trong năm qua đã nhiều lần cúng dường để góp phần xây dựng Trung tâm Đạo pháp Won tại vùng bắc New York này.

Ngôi đền dự kiến khánh thành vào tháng 10-2011, với một thiền sảnh lớn, các văn phòng, nhà khách và cơ sở vật chất về cư trú trong một địa điểm rộng 520.000 mét vuông.

Phật giáo Won điều hành hơn 15 đền thờ và trung tâm thiền trên khắp Hoa Kỳ.

(The Korea Herald - August 5, 2011)



Vợ chồng chủ tịch Hãng Điện tử Samsung: Ông Lee Kun-hee và bà Hong Ra-hee - Photo: The Korea Herald

TÂY TẠNG: Lễ hội Shoton của Phật giáo Tây Tạng tại thủ phủ Lhasa

Lễ hội Shoton của Lhasa là một đại lễ Phật giáo Tây Tạng được tổ chức vào tháng 8 hoặc tháng 9 dương lịch. Hàng năm, các cuộc trình diễn nhạc kịch truyền thống diễn ra tại Norbulingka, cung điện mùa hè của Đạt lai Lạt ma trước đây, và các tranh Phật khổng lồ được trải ra theo các sườn núi của khu vực.

Trước thế kỷ 17, Shoton thuần túy là một nghi lễ tôn giáo và là thời gian các nhà sư nhập thất để tham thiền, và người dân địa phương thường cúng dường sữa chua cho chư tăng. Kể từ đó, nhạc kịch truyền thống trở thành một

phần được yêu chuộng của các buổi lễ. Và lễ hội này là dịp tốt nhất để xem các cuộc trình diễn của các ban nhạc Tây Tạng, trong đó có một số ban đã từng lưu diễn ở phương Tây.

Khu nhạc kịch của Cung điện Mùa hè bao gồm một sân khấu ngoài trời và các khu vườn, nơi các gia đình tổ chức dã ngoại và tôn vinh nền văn hóa của họ.

(whatsonwhen.com - August 8, 2011)



Tranh Phật khổng lồ được trải trên sườn núi trong lễ hội Shoton - Photo: whatsonwhen.com

HOA KỲ: Phật tử Tây Tạng phóng sinh tôm hùm

Gloucester, Massachusetts (bang New England) - Một nhóm Phật tử Tây Tạng đã phóng sinh 534 con tôm hùm vào Đại Tây Dương. Từ một chiếc thuyền ngắm cá voi, họ đã trả tự do cho chúng vào lúc hoàng hôn ngày 03-8-2011.

Nhà sư Geshe Tenley, giáo viên thường trú của Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Tây Tạng Kurukulla (Melford, vùng bắc Boston) là người phóng sinh con tôm hùm đầu tiên.

30 Phật tử thuộc mọi lứa tuổi này đã đến tận trung tâm đánh cá ở vùng bắc Massachusetts để mua 600 pounds tôm hùm từ một người bán buôn hải sản và cứu những sinh vật này khỏi cái chết cận kề.

Việc phóng sinh tôm hùm nói trên nhằm Ngày Chuyển Luân theo âm lịch Tây Tạng, để kỷ niệm buổi thuyết pháp đầu tiên của Đức Phật. Vào ngày lễ này, công đức cho những việc thiện được nhân lên nhiều lần.

Phật tử từ Trung tâm Kurukulla thường phóng sinh hải sản đắt tiền với số lượng lớn mỗi năm vài lần.

(Reuters - August 9, 2011)



Phóng sinh tôm hùm nhân Ngày Chuyển Luân theo âm lịch Tây Tạng - Photo: Reuters

HÀN QUỐC: Đồ ăn chay của Phật giáo Hàn quốc vào thị trường Âu châu

Với đồ ăn chay ngày càng được người ăn chay tại Pháp và Vương quốc Anh ưa chuộng, các loại thực phẩm của chùa chiền Hàn quốc đã bắt đầu tạo được một chỗ đứng đầy hứa hẹn tại thị trường Âu châu.

Phái Tào Khê của Phật giáo Hàn quốc cho biết: Vào tháng 5-2012 sẽ có một cuộc triển lãm về chùa Hàn quốc tại Galeries Lafayette, một trong những cửa hàng bách hóa lớn nhất tại thủ đô Paris của Pháp. Cửa hàng cũng sẽ bắt đầu dự trữ thực phẩm chay tại khu hàng tạp hóa của mình.

"Cuộc triển lãm này sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc quảng bá thực phẩm chay Hàn quốc và nền văn hóa Hàn quốc", một vị đại diện của tông phái Tào Khê nói.

(Korea.net - August 10)

PHÁP: Đức Đạt lai Lạt ma thuyết pháp tại thành phố Toulouse

Ngày 14-8-2011, tại thành phố Toulouse ở tây nam nước Pháp, trên 7.000 Phật tử và người ủng hộ đã tham dự ngày đầu tiên của 3 ngày thuyết pháp của Đức Đạt lai Lạt ma. Đây là một kỷ lục về số người tham dự đối với một sự kiện như vậy.

Ngồi trên một ghế ngai cao đặt giữa sân khấu của thánh phòng, Đức Đạt lai Lạt ma bắt đầu buổi nói chuyện của ngài trước hàng nghìn Phật tử Pháp và Phật tử ngoại quốc trước sân khấu và trên các khán đài.

Đây là lần thứ 7 Đức Đạt lai Lạt ma thuyết pháp tại Pháp kể từ năm 1991. Số lượng Phật tử của đất nước này ước tính khoảng 800 nghìn người.

(Newsmania - August 14, 2011)

TRUNG QUỐC: Bộ sưu tập thư pháp và họa phẩm hiếm có của chư tăng tại cuộc triển lãm ở Bắc Kinh

Bắc Kinh, Trung quốc - Trên 200 tác phẩm thư pháp và tranh, một số do các tăng sĩ có uy tín nhất Trung quốc, đã ra mắt tại Cung Văn hóa Dân tộc vào ngày 13-8-2011.

Được tổ chức bởi Hội Phật giáo Trung quốc, cuộc triển lãm 5 ngày này bao gồm 171 tác phẩm thư pháp và 32 họa phẩm của 174 người, trong số đó có các vị trụ trì của nhiều tự viện nổi tiếng.

Tổng thư ký hội là Wang Jian cho biết: Sau triển lãm, các tác phẩm sẽ được bán tại cuộc đấu giá từ thiện. Một quyển thư pháp được viết bởi Đại sư 84 tuổi Chuan Yin có giá khởi điểm là 250 nghìn tệ (39 nghìn usd).

Ông Wang nói, "Chúng tôi có kế hoạch dùng quỹ để xây dựng một nhà dưỡng lão nhỏ ở ngoại ô Bắc kinh, làm nơi ở cho khoảng 100 lão tăng và các thân nhân cao tuổi của họ".

Ông nói thêm rằng hội đã khởi xướng cuộc vận động này vì hiện nay có thêm nhiều tăng sĩ gặp phải khó khăn trong việc hỗ trợ cho cha mẹ già.

(China Daily - August 15, 2011)



Một tăng sĩ xem triển lãm tại Cung Văn hóa Dân tộc ở Bắc Kinh - Photo: Liu Zhen

ẤN ĐỘ: Bang Orissa sẽ phát triển các di tích Phật giáo để thu hút du khách

Jajpur, Orissa - Chính quyền bang

Orissa sẽ chi 140 triệu Rupee trong vòng 4 năm để thu hút du khách đến với các di tích Phật giáo tại Langudi, Kaima, Neulipur, Tarapur và các ngọn đồi khác ở huyện Jajpur.

Nhằm mục tiêu là Du lịch Phật giáo tại Jajpur, chính quyền bang sẽ khởi động Mạng mạch Phật giáo bao gồm những điểm hành hương chính có liên quan đến cuộc đời và lời dạy của Đức Phật. Cùng với nhiều địa điểm khác, Lalitagiri, Ratnagiri, Udayagiri, Langudi, Kaima và Neulipur sẽ là một phần của lộ trình này.

Chính quyền bang sẽ xây một tượng Phật cao 150 feet tại đồi Neulipur và một tượng Phật cao 85 feet tại đồi Deuli để thu hút nhiều du khách hơn đến với Du lịch Phật giáo tại huyện Jajpur.

(buddhistchannel - August 15, 2011)

THÁI LAN: Bản dịch "Cuộc đời của Đức Phật" bằng tiếng Thái

Cuốn sách "Cuộc đời của Đức Phật" bản dịch tiếng Thái đã được bán tại Chiangmai kể từ tháng 4-2011.

Đây là tác phẩm nổi tiếng nhất của cổ họa sĩ người Miến Điện U Ba Kyi (1903-2000).

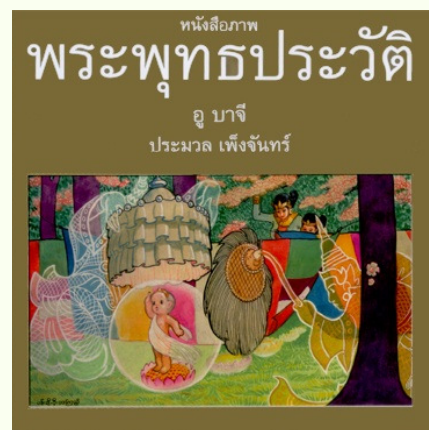
Bản gốc do Hội Thanh niên Phật tử Miến Điện (YMBA) xuất bản có 65 tranh minh họa. Còn bản tiếng Thái in tại Trung quốc, do nhà xuất bản Silk-worm Books và được bán tại Trung tâm Sách Suriwong (Thái Lan), gồm 112 trang với 53 tranh. Theo lời nói đầu của nhà xuất bản này thì 12 tranh kia không được đăng do chỉ nói riêng về lịch sử Phật giáo tại Miến Điện.

Vào năm 1994, sách này cũng đã được Hội Phật giáo Nam tông ở Mỹ in lại bằng tiếng Anh và tiếng Miến Điện.

Tác giả U Ba Kyi là học trò của U Ba Nyan (1897-1945), một họa sĩ nổi tiếng khác.

Về sau ông U Ba Kyi nghiên cứu chuyên sâu hơn tại Anh, Pháp, Hoa Kỳ và Trung quốc.

(suriwongonline - August 16, 2011)



Bìa sách "Cuộc đời của Đức Phật"

HOA KỲ: Vụ trộm 2 tác phẩm điêu khắc Phật giáo cổ tại Westport

Westport, Connecticut - Sở Cảnh sát Westport và FBI đang điều tra vụ trộm các tác phẩm điêu khắc đầu của 2 vị La hán có niên đại từ 900 đến 1.000 năm. Với giá 800 nghìn usd mỗi tác phẩm, tổng trị giá của vụ trộm là 1,6 triệu usd.

Được điêu khắc từ đá sa thạch, các tượng này vốn thuộc một bộ sưu

tập của tư nhân và được cất giữ tại một nơi không được tiết lộ tại thành phố Westport.

Theo cảnh sát Westport, đây là các tác phẩm điêu khắc thuộc triều đại nhà Đường của Trung Hoa, rất quý hiếm vì hiện nay trên thế giới chỉ còn tồn tại vài tượng loại này.

(Westport - August 17, 2011)



Một trong 2 tác phẩm điêu khắc đầu của vị La hán bị đánh cắp - Photo: Westport

TÍCH LAN: Cao ủy viên Anh quốc chiêm bái các di tích Phật giáo quan trọng tại Kandy

Cao ủy viên Anh tại Tích Lan, ông John Rankin, gần đây đã viếng thành phố Kandy linh thiêng và chiêm bái các di tích Phật giáo quan trọng tại đây. Ông đã đến tham quan Chùa Răng Phật và sau đó viếng thăm các tự viện Asgiriya và Malwatte. Ông đã gặp gỡ các vị sư trưởng của các tự viện này.

Vị Cao ủy viên cũng có dịp dự khán lễ hội Esala Perahera, gồm những cuộc diễn hành trên đường phố được ghi nhận là cổ xưa nhất trong lịch sử thế giới. Ông Cao ủy viên Anh được chứng kiến nền văn hóa Phật giáo, những màu sắc huyền ảo và sống động, cảnh hoành tráng và truyền thống của lễ hội lâu đời này.

Ông nhận xét rằng Kandy là một thành phố xinh đẹp, là trái tim của Phật giáo ở Tích Lan và là nơi rất phong phú về văn hóa và lịch sử.

(urbandharma - August 20, 2011)



Cao ủy viên Anh John Rankin đang viếng thăm một Hòa thượng tại Kandy - Photo: British High Commission Colombo



Đồ ăn chay Hàn quốc - Photo: Korea.net

HOA KỲ: Cuộc triển lãm "Di sản Phật giáo Pakistan: Nghệ thuật Gandhara"

New York, Hoa Kỳ - Từ ngày 09-8 đến 30-10-2011, Viện Bảo tàng Hội Á châu triển lãm các tác phẩm điêu khắc, phù điêu và các tác phẩm bằng vàng và đồng đẹp mắt của Phật giáo từ vùng Gandhara của Pakistan. Phần lowssn số tác phẩm này truwoosc đây chưa từng được triển lãm tại Hoa Kỳ.

Cuộc triển lãm "Di sản Phật giáo Pakistan: Nghệ thuật Gandhara" cho thấy những ảnh hưởng văn hóa phức tạp - từ các truyền thống Scytho-Parthian đến HY Lạp-La Mã - tạo nên sự tạo tác nghệ thuật đặc biệt của vùng này từ thế kỷ thứ 1 trước Công nguyên đến thế kỷ thứ 5 sau Công nguyên.

Phật giáo du nhập vào vùng Gandhara vào đầu thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên và bắt đầu phát triển mạnh vào thế kỷ thứ 1 sau Công nguyên, khi việc thương mại trên con đường Tơ lụa và các kết nối giao lưu văn hóa từ Địa Trung Hải đến Trung hoa đã thúc đẩy sự truyền bá của tôn giáo này.

(Asia Society - August 13, 2011)



Tác phẩm Phật giáo theo phong cách Gandhara - Photo: DNAinfo

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ VÀ CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ I
BAN TỔ CHỨC

Tu Viện An Lạc - 901 S. Saticoy Ave, Ventura, CA 93004
Tel. (805) 659-9845/ (805) 816-8799

THÔNG BÁO SỐ 2

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý thiện nam tín nữ Phật tử,

Trong Kinh Di Giáo, trước giờ nhập Niết Bàn, đức Thế Tôn đã ân cần khuyến tấn chư đệ tử của Ngài rằng, "Phải luôn suy niệm về lẽ vô thường, và coi đó như ngọn lửa đốt cháy thế gian mà gấp lo tu tập bản thân. Chớ có ham ngủ nghỉ. Bọn giặc phiền não thường rình rập ám hại người, thực nguy hiểm, nguy hiểm còn hơn cả oán thù truyền kiếp."

Thật vậy, sống giữa cuộc đời vô thường biến động với biết bao phiền não khổ đau do thiên tai, nhân họa gây ra từng ngày, từng giờ, thì việc tu học Phật Pháp để làm hành trang trên đường tìm cầu giác ngộ vô minh và giải thoát khổ đau là nhu cầu rất khẩn thiết.

Chính vì lẽ đó, theo tinh thần của Thông Báo Số 1, chư tôn Giáo Phẩm GHPGVNTN Hoa Kỳ và Canada đã quyết định tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ hàng năm để tạo thuận duyên cho chư thiện nam tín nữ Phật tử quy tụ về một nơi thực hành 3 ngày tu học Phật Pháp nghiêm túc hầu mang lại lợi lạc tâm linh thực sự.

Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ I năm nay sẽ được tổ chức vào các ngày từ 27 đến 31 tháng 10 năm 2011, tại Khách Sạn Embassy Suites Mandalay Beach - Hotel & Resort, 2101 Mandalay Beach Road, Oxnard, CA 93035, với đầy đủ tiện nghi trợ duyên cho việc tu học. Mục đích thuê khách sạn vì không có ngôi Chùa nào đủ điều kiện để tổ chức khóa tu với số lượng Tăng, Ni và Phật tử tham dự lên đến hàng trăm vị. Cũng chính vì vậy, Ban Tổ Chức mong chư Phật tử tham gia khóa tu hoan hỷ đóng góp tịnh tài để trang trải chi phí phòng ốc trong suốt khóa tu. Nhân đây, Ban Tổ Chức xin thông tri một vài điều cần biết để quý Phật tử tham dự tường lãm như sau:

1/ Xin hoan hỷ kính báo với quý Phật tử, Ban Tổ Chức đã cung thỉnh được Ban Giáo Thọ cho Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ năm nay gồm: Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Hòa Thượng Thích Thái Siêu, Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Hòa Thượng Thích Phước Tịnh, Hòa Thượng Thích Thông Hải, Hòa Thượng Thích Bốn Đạt, và Thượng Tọa Thích Tâm Hòa;

1/ Chi phí cho một người trong Khóa Tu Học, gồm tiền phòng khách sạn, ăn uống là \$300 Mỹ Kim;

2/ Để tạo thuận duyên và dành thì giờ trọn vẹn cho việc tu học, Ban Tổ Chức chỉ nhận ghi danh tham dự tu học ở luôn tại khách sạn, không nhận người ghi danh tham dự ở bên ngoài;

3/ Nếu cần Ban Tổ Chức đưa đón từ phi trường, quý Phật tử ở xa đi bằng máy bay, xin lấy vé đến 1 trong 2 phi trường sau đây: Phi Trường Los Angeles và Phi Trường Burbank. Xin quý Phật tử lấy giờ tới phi trường trễ nhất là vào khoảng 3

giờ chiều ngày 27 tháng 10 năm 2011 để tiện việc đưa đón và làm thủ tục nhập Khóa Tu Học;

4/ Hạn chót ghi danh và hồi báo là ngày 27 tháng 9 năm 2011;

5/ Để tạo cơ hội cho quý Phật tử nào muốn thăm viếng miền Nam California, đặc biệt là khu vực Little Saigon, nơi được mệnh danh là thủ đô của người Việt tị nạn, Ban Tổ Chức có sắp xếp 2 ngày, sau khi kết thúc Khóa Tu Học, để thăm viếng các ngôi Chùa, cũng như một số địa danh ở miền Nam California. Xin ghi danh trước để tiện việc sắp xếp xe cộ. Mọi liên lạc về đạo hữu Hải Đức ở số điện thoại: (805) 816-8799.

6/ Thời tiết tại khu vực Khóa Tu Học vào những ngày cuối tháng 10 sẽ bắt đầu lạnh, cho nên, quý Phật tử cần mang theo áo ấm để phòng trời lạnh. Theo tinh thần giới luật và để tạo không khí an lạc, kính mong quý Phật tử không mang theo những nữ trang quý giá, chỉ mang theo các vật dụng cá nhân cần thiết.

Muốn biết thêm chi tiết hoặc ghi danh Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ I, xin quý Phật tử vui lòng liên lạc: (805) 816-8799, (408) 828-5707, (714) 510-4980, (714) 548-4148; Hoặc E-mail: missionanlac@yahoo.com

Vì lợi lạc trên con đường giác ngộ và giải thoát cho mình và người trong đời này và đời sau, kính mong quý Phật tử hoan hỷ ghi danh tham dự Khóa Tu Học đông đủ.

Kính chúc chư tôn đức Tăng, Ni pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ và Phật sự viên thành; đồng kính chúc quý Phật tử bồ đề tâm kiên cố, thân tâm thường an lạc.

Nam Mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát
Phật lịch 2555, Ventura, ngày 23 tháng 7 năm 2011,
Kính Thông Báo
Ban Tổ Chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ I
Trưởng Ban
Hòa Thượng Thích Thông Hải

Ghi chú: Xin đính kèm Phiếu Ghi Danh và Hồi Báo. Phiếu ghi danh cần gửi tới Ban Tổ Chức sớm chừng nào tốt chừng đó. Phiếu Hồi Báo thì hạn chót mà Ban Tổ Chức phải nhận được là ngày 27 tháng 9 năm 2011.



KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ I
BAN TỔ CHỨC

Tu Viện An Lạc - 901 S. Saticoy Ave, Ventura, CA 93004
Tel. (805) 659-9845/ (805) 816-8799

PHIẾU GHI DANH

Tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ I

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Hòa Thượng Trưởng Ban Tổ Chức,

Con, Họ tên là....., Pháp Danh:.....

Địa chỉ hiện đang ở tại.....

Điện thoại nhà:.....; Điện thoại di động:.....

Vì lợi lạc trên con đường tu học Phật Pháp, con kính mong Hòa Thượng Trưởng Ban Tổ Chức hoan hỷ cho con ghi danh tham dự trọn vẹn 3 ngày Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ I năm 2011.

Con xin đóng số tiền \$300 Mỹ Kim cho chi phí khách sạn với ngân phiếu đính kèm.

Thành kính tri ân Hòa Thượng Trưởng Ban và Ban Tổ Chức.

Kính chúc Hòa Thượng pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ và Phật sự thành tựu.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát tác đại chứng minh,

Ngày.... Tháng..... năm 2011

Con, Phật tử..... (ký tên)

KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ I
BAN TỔ CHỨC

Tu Viện An Lạc - 901 S. Saticoy Ave, Ventura, CA 93004
Tel. (805) 659-9845/ (805) 816-8799

PHIẾU HỒI BÁO

Về Chuyển Bay Đến Tham Dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ I

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Hòa Thượng Trưởng Ban,

Con, Họ tên.....; Pháp danh.....

Số điện thoại di động:.....

Đã ghi danh tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ I. Nay con xin hồi báo để kính trình lên Hòa Thượng và Ban Tổ Chức lịch trình máy bay đến đi của con và kính nhờ Ban Tổ Chức hoan hỷ đón đưa phi trường. Sau đây là thông tin về chuyến bay và phi trường đến và đi của con.

1/ Đến Nam California:

- Ngày, giờ (ghi rõ AM hay PM):.....

- Chuyến bay số:.....; Hãng máy bay:.....

- Phi Trường:.....

2/ Rời khỏi Nam California về lại nhà:

- Ngày, giờ (ghi rõ AM hay PM):.....

- Chuyến bay số:.....- Hãng máy bay:.....

- Phi Trường:.....

3/ Cảm ơn Hòa Thượng Trưởng Ban, con đã có người thân đưa đón rồi.....

Con thành kính tri ân Hòa Thượng Trưởng Ban và Ban Tổ Chức. Kính chúc Hòa Thượng pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ và Phật sự viên thành.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát tác đại chứng minh,

Ngày..... tháng..... năm 2011

Con, Phật tử..... (ký tên)

Ghi chú: Xin nộp Phiếu Hồi Báo trễ nhất là ngày 12 tháng 10 năm 2011.





CHÁNH PHÁP

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh
Trị sự: ĐĐ. Thích Đồng Trực
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Châu

Chủ biên: Vĩnh Hào

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

LIÊN LẠC:

- *Bài vở:* baivochanhphap@gmail.com
- *Quảng cáo/Phát hành:* (714) 638-0989
- *Chi phiếu ủng hộ,* xin ghi "CHANH PHÁP" và gửi về địa chỉ:

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.

Tel.: (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: *"Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."*

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

Số **29**

9.2011

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THÔNG NHẤT HOA KỲ VÀ CANADA

BAN TỔ CHỨC

Tu Viện An Lạc - 981 E. Sattley Ave, Ventura, CA 93004 - Tel. (805) 638-9845 / (805) 816-8799

Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ I

5 Ngày

Từ Thứ Năm 27-10 đến Thứ Hai 31-10-2011

Embassy Suites Mandalay Beach Hotel & Resort
2101 Mandalay Beach Road, Oxnard, CA 93035.

LỆ PHÍ: \$300.

Bao gồm: khách sạn, ăn uống

Hạn chót ghi danh và hỏi báo: 27/9/2011

Chi tiết hoặc ghi danh:

Hoa Kỳ: (805) 304-6259, (808) 222-0909,
(408) 828-5707, (714) 510-4980, (714) 548-4148.

Canada: (905) 712-8809, (613) 231-2516,
(514) 735-9425.

E-mail: missionanlac@yahoo.com

BAN GIÁO THỌ SƯ:

Hòa Thượng Thích Thắng Hoan
Hòa Thượng Thích Thái Siêu
Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu
Hòa Thượng Thích Phước Tịnh
Hòa Thượng Thích Thông Hải
Hòa Thượng Thích Bôn Đạt
Thượng Tọa Thích Tâm Hòa.

Hành Hương và Du Lịch

(Option/không bắt buộc)

2 Ngày Hành Hương và Du Lịch
Miền Nam California Sau Khóa Tu
từ 31/10/2011 - 2/11/2011

Lệ Phí \$150 bao gồm Hotel và Tour Bus

Mọi chi tiết xin liên lạc Hải Đức
điện thoại: (805) 816-8799.



Địa chỉ tòa soạn:

CHÁNH PHÁP

803 S. Sullivan Street

Santa Ana, CA 92704

Tel.: (714) 571-0473

TO: _____

Báo Chánh Pháp Số 29, tháng 9 năm 2011, do Chùa Cổ Lâm (Seattle, Washington) ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.